

CÁI CHẾT CỦA ANH EM NHÀ NGÔ

NÔNG HUYỀN SƠN

Lời tác giả

Đã nửa thế kỷ trôi qua, kể từ ngày xảy ra biến cố lịch sử 1.11.1963 ở miền Nam, một số người vẫn đặt dấu hỏi: Ai đã giết anh em Ngô Đình Diệm trong đảo chính? Vì sao họ phải chết? Một số người, vì mục đích nào đó, đã cố ý diễn giải khác với những gì lịch sử đã ghi nhận. Tuy nhiên, dù diễn giải theo mục đích nào, họ vẫn không thể thay đổi được những chi tiết khách quan của lịch sử. Nửa thế kỷ là một khoảng thời gian đủ dài để lịch sử phan phui những chi tiết khách quan không thể che giấu được.

Sau ngày Bảo Đại trao ấn tín thoái vị, miền Nam - một phần máu thịt của đất nước Việt Nam - vẫn bị những thế lực ngoại xâm dùng thủ đoạn cướp đoạt quyền độc lập, tự chủ, tự trị. Pháp và Mỹ cùng bắt tay sau lưng để biến miền Nam thành một thuộc địa kiểu mới của chúng - một thuộc địa mà việc khai thác kinh tế là thứ yếu. Cái chính yếu của thuộc địa kiểu mới là phục vụ cho chính trị và chiến tranh của chúng. Mỹ muốn miền Nam Việt Nam trở thành một công sự tiền đồn chiến tranh của Mỹ. Mỹ muốn sử dụng dải đất này làm bãi chiến trường phục vụ ý đồ chiến lược chiến tranh thế giới cho Mỹ.

Để che mắt thế giới, Mỹ đã phải đổ tiền của để xây dựng ngụy tạo một chính quyền. Và Ngô Đình Diệm là sự lựa chọn cho ý đồ chiến lược chiến tranh của Mỹ.

Được Mỹ tâng bốc, anh em Diệm cuồng võ tin rằng mình mang thiên mệnh của đấng tối cao vô hình có nhiệm vụ cai trị đất nước. Anh em Diệm không hiểu rằng mình chỉ là một con con tốt không hơn không kém trên bàn cờ chính trị của Mỹ. Thay vì làm trọn phận sự nô lệ, cái bệnh cuồng võ trong ngu dốt của Diệm đã khiến Mỹ lộ diện chân tướng “ông trùm quốc tế”. Bị dư luận thế giới, dư luận nhân dân Mỹ công kích, lên án, Mỹ đành thí mạng anh em Diệm, xóa sạch bàn cờ để chơi nước cờ mới.

Điều đó đã được chứng minh cụ thể trong những tàng thư lưu trữ, những tài liệu giải mật của CIA, những hồi ký của nhân chứng, những lời tự thú của các tướng tá Mỹ, các tướng tá Việt hưởng lương Mỹ.

Ấy vậy mà một số người vẫn không muốn thừa nhận sự thật đó. Họ tránh nhìn trực diện vào sự thật để tôn thờ một chính quyền có lợi cho bản thân họ mà không đếm xỉa đến quyền lợi đất nước.

Quyển sách này khơi gợi lại cái chết của anh em Ngô Đình Diệm, đồng thời cũng là nhắc lại cái cách Mỹ chêm vào quá khứ đất nước ta.

Nhìn lại quá khứ cách đây 50 năm, là con dân Việt ắt phải đau xót và phẫn nộ trước những gì Mỹ đã tạo ra trên quê hương Việt Nam. Vừa cười bỏ được nạn bị trị của thực dân Pháp, nhân dân

ta lại phải đương đầu với âm mưu chia rẽ đất nước của Mỹ. Ở miền Nam, nhiều người yêu nước đã bị hệ thống tuyên truyền giàu có của Mỹ đưa vào mê lộ chính trị khiến họ không còn phân biệt được thật, giả. Họ mù quáng phục vụ tận tụy cho một thể chế mà họ lầm tưởng là “chính nghĩa”. Họ tin rằng cái “Việt Nam Cộng hòa” là một thể chế độc lập, tự chủ do chính người Việt tạo lập. Họ đâu ngờ, tất cả đều do sự thu xếp của Mỹ. Một số người khác hiểu rõ bản chất của vấn đề nhưng do quyền lợi cá nhân, miếng mồi chung đỉnh nên làm ngơ thụ hưởng ân huệ do Mỹ trao, thậm chí còn cổ xúy, ca tụng. Những người yêu nước hiểu biết đã cầm súng giành lại những gì đang mất vào tay Mỹ. Những người yêu nước không hiểu biết cũng cầm súng nhưng để làm bia đỡ đạn cho chính Mỹ. Cuộc chiến kéo dài 21 năm trên quê hương Việt Nam chỉ vì ý đồ chính trị của những kẻ hiếu chiến bên kia nửa vòng trái đất.

Ngày nay, đất nước Việt Nam đã hoàn toàn thuộc về người Việt Nam. Quê hương Việt Nam đang thở nhịp thở của chính người Việt Nam. Độc lập và phát triển sẽ mãi mãi trường tồn trên đất nước đã từng bị Mỹ chia cắt.

NÔNG HUYỀN SƠN

Chương 1: NGÔ ĐÌNH DIỆM LÀ AI?

Cho đến tận bây giờ, khi chính quyền “gia đình trị” của Ngô Đình Diệm đã theo ông ta xuống huyệt mộ đã nửa thế kỷ, một số người vẫn còn tranh cãi về tiêu sử thật của ông ta.

Ngoài cái tên Ngô Đình Diệm và tên thánh Jean Baptiste ra, ông ta còn có một cái tên bí mật nữa, đó là Nguyễn Bá Chính. Theo tài liệu văn khố Pháp thì Ngô Đình Diệm sinh ngày 27.7.1897 tại Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Nhưng sau khi mang chức thủ tướng của chính quyền Bảo Đại, ông ta công bố ngày sinh của mình là 3.1.1901.

Hóa ra, năm 1917, khi làm việc tại Tân thư viện Huế và tập ẩm chức cừu phẩm, ông mới... 16 tuổi (nếu căn cứ theo năm sinh 1901). Việc này, ông Ngô Đình Luyện – em trai ông – kể với báo giới tại Paris ngày 2.11.1985 rằng, Diệm khai tăng 4 tuổi để có thể vào trường Hậu Bô. Tuy nhiên, ngày và tháng sinh thật của ông, không nghe ai giải thích vì sao chênh lệch.

Lời xác nhận của ông Luyện có vẻ đúng, vì nếu ông Diệm sinh ngày 27.7.1897 thì Ngô Đình Thục, anh kế của Ngô Đình Diệm (sinh ngày 6.10.1897) nhỏ hơn Diệm 3 tháng tuổi(?!).

Ngô Đình Diệm có 6 anh em trai và 3 chị em gái. Thứ tự những anh em trai của Diệm từ trên xuống dưới:

- Anh cả là Ngô Đình Khôi, sinh năm 1885.
- Anh thứ là Ngô Đình Thục, sinh năm 1897.
- Ngô Đình Diệm, sinh năm 1901.
- Em trai kế là Ngô Đình Nhu, sinh năm 1910.

- Ngô Đình Cẩn, sinh năm 1912.

- Em út là Ngô Đình Luyện, sinh năm 1914.

Điều buồn cười nhất dưới “triều Ngô” là các quan chức thấy Ngô Đình Cẩn giữ nhà thờ họ Ngô và chăm sóc mẹ nên cứ xúm nhau gọi là “cậu Út Cẩn” mà quên bằng người em út thật sự của anh em Ngô Đình chính là Ngô Đình Luyện. Sự nhầm lẫn theo thói quen xu nịnh này dẫn đến việc một số “sử gia hồi ký ba xu” cũng cứ gọi Ngô Đình Cẩn là “Út Cẩn”.

Ba người chị em gái của Diệm là Ngô Thị Giáo (chết năm 1944), Ngô Thị Hoàng, tức bà Cả Lễ (vì có chồng tên Nguyễn Văn Lễ) và Ngô Thị Hiệp - mẹ của cố Hồng y Tổng giám mục Nguyễn Văn Thuận, nguyên Bộ trưởng Bộ Công lý và Hòa bình ở Vatican (chết ngày 16.9.2002).

Thân sinh của Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Khả và thân mẫu là Phạm Thị Thân.

Trước khi nhắc đến “chí sỹ chống Pháp Ngô Đình Diệm” cũng cần nhắc đến “thành tích” phục vụ Pháp của Ngô Đình Khả, thân sinh ông Diệm.

Ông Ngô Đình Khả có tên thánh là Micae, sinh năm 1857, nguyên quán ở làng Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Để thoát kiếp nghèo đói ở làng quê mộc mạc, ông Khả bị cha mẹ gởi cho giáo hội Công giáo và trở thành chủng sinh tân tông được đào tạo ở chủng viện Penang tại Malaysia từ năm 13 tuổi.

Sau 8 năm tu học không đạt kết quả như mong muốn, ông Khả hoàn tục để kết hôn với một bà tên Chữu vào năm 1878. Bà này qua đời, ông dần thêm bước nữa với bà Phạm Thị Thân.

Tuy không được làm cha xứ, ông vẫn được giữ lại chủng viện Penang làm thông dịch viên và sau đó được đưa về quê hương cấy vào Viện Cơ mật triều đình Huế.

Nhờ được đào tạo ở Penang, ông Khả được chính phủ thực dân Pháp xem là hạt giống cai trị ở xứ thuộc địa Đông Dương. Ông nhanh chóng được cất nhắc lên làm Đề đốc kinh thành rồi lên đến chức Thượng thư Bộ Công. Là một vị quan mang quốc tịch Vatican, ông đã chứng tỏ là một đại công thần của chính quyền Pháp qua việc đàn áp đẫm máu nghĩa quân Cần Vương của Phan Đình Phùng ở căn cứ Vụ Quang.

Trong chiến dịch ấy, Ngô Đình Khả là phó tướng cho Nguyễn Thân. Theo nhiều nguồn sử, sau khi kết thúc chiến dịch đàn áp nghĩa quân Cần Vương, ông Khả đã lấy điểm với Pháp bằng cách ra lệnh cho binh sỹ đào mộ cụ Phan Đình Phùng lấy hài cốt thiêu đốt rồi cho vào đại bác bắn vãi lên mặt sông Lam.

Cặp bài trùng của Ngô Đình Khả là Nguyễn Hữu Bài (sinh năm 1863) - cha đỡ đầu của Ngô Đình Diệm. Ông Bài vốn là thuộc hạ của ông Khả, sau này ngồi thông gia với ông Khả qua hai đứa con trưởng nữ Nguyễn Thị Giang và trưởng nam Ngô Đình Khôi.

Ông Bài sinh tại Vĩnh Linh, Quảng Trị, cũng là một quan thượng thư của triều đình Huế từ năm 1907 cho đến 1933. Mồ côi cha từ nhỏ, ông Bài cũng có con đường hoạn lộ công hầu giống như ông Khả: được mẹ gởi vào chủng viện An Ninh rồi sau đó được sang chủng viện Penang để đổi đời. Khi thất bại đường tu, Bài được gởi về nước cấy vào bộ máy chính quyền phong kiến làm thông ngôn tại Nha Thương Bạc, dần dà được cất nhắc lên làm Bố chánh tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1887, ông Bài cùng với ông Khả tích cực đàn áp phong trào Cần Vương nên được Pháp cất nhắc leo dần lên chức Thượng tá Cơ mật, Tham tri Bộ Hình rồi Thượng thư Bộ Hình.

Cặp bài trùng Khả - Bài được dân gian nhắc đến qua câu: “Đày vua có Khả, Đào mả có Bài” ám chỉ việc Ngô Đình Khả ký cho Pháp mang vua Thành Thái, vua Duy Tân đi đày và Nguyễn Hữu Bài hỗ trợ quân Pháp đào mồ cuốc mả vua Tự Đức. Một số ngụ ý gia cố cái chày cối rằng, Khả - Bài đã phản đối Pháp thực thi hai chuyện đó mà quên rằng sau sự việc đó hai ông vẫn đường hoàng tại vị chức quan.

Nếu hai ông thật sự cãi lệnh “mẹ Pháp” trong việc thất đức ấy thì tin chắc rằng, hai ông cùng con cái cũng được đi theo Thành Thái và Duy Tân lập nghiệp trên đảo Réunion. Và lịch sử Việt Nam không phải tổn giây mực cho Ngô Đình Diệm sau này.

Nhờ có hai người cha đại công thần với chính quyền Pháp, Ngô Đình Diệm được tập ấm, được vào học trường đạo Pellerin ở Huế, được tuyển thẳng khỏi thi vào trường Hậu Bô. Sau đó được bổ nhiệm làm Tri huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị vào năm 1922, tức 21 tuổi (theo giấy tờ văn thư). Mấy năm sau được thăng lên chức Tuần vũ tỉnh Bình Thuận. Con đường hoạn lộ của Diệm vinh thăng nhanh đến chóng mặt.

Thời gian đảm nhiệm chức Tuần vũ Bình Thuận, với quyền lực trong tay, Diệm đã tỏ ra “con nhà tông không giống lông cũng giống cánh”. Ông ta đàn áp man rợ những nhà cách mạng kháng Pháp. Theo nhiều nhân chứng và sử gia, Diệm “sáng tác” được nhiều ngón đòn tra khảo rất dã man, kinh dị dành cho những người yêu nước kháng Pháp. Ngón tra khảo ưa thích nhất của ông ta là lột trần truồng nghi phạm, can phạm rồi cột ngồi trên cái ghế gỗ có khoét lỗ. Dưới lỗ là một ngọn đèn sáp đốt cháy hong ngay dưới hậu môn nạn nhân. Với cách tra khảo như thế, cho dù nạn nhân có nhận tội, khai báo thì lục phủ ngũ tạng cũng bị nướng chín, hoại tử dần và chết mòn sau đó.

Khi đã lên chức Thượng thư Bộ Lại, Ngô Đình Diệm bị ảnh hưởng bởi sự tranh giành quyền lực trong chính quyền Pháp dẫn đến lao đao, lận đận.

Cũng cần phải nói rằng, thời đó, chính quyền Pháp lẫn Việt thuộc địa đều chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Công giáo La Mã. Hầu hết những vị quan lại của Việt Nam đều có tên thánh trước tên khai sinh như Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương (Đỗ Hữu Vị), Lê Phát Đạt (Huyện Sỹ), Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Hữu Độ, Trần Lục, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Tường Tô, Ngô Đình Khả, Lê Hoan, Nguyễn Hữu Bài, Nguyễn Bá Tòng, Hồ Ngọc Cán... Không thể biện minh khác được, rõ ràng chính sách nhân sự của chính quyền Pháp ở Đông Dương thời đó luôn chịu ảnh hưởng bởi 3 luồng thế lực chi phối: Thực dân, Công giáo và Tam Điểm (Free Mason).

Diệm được thời là nhờ giai đoạn chính quyền Pháp nghiêng theo ảnh hưởng của Công giáo.

Đến thời điểm 1933, phe Tam Điểm tại chính giới Pháp thắng thế, Diệm lại tranh chấp chức Tổng lý đại thần với một thượng thư đồng triều là Phạm Quỳnh. Cái ô của Phạm Quỳnh là Toàn quyền Pasquier (phe Tam Điểm) và cái ô của Diệm là Khâm sứ Thibaudeau (phe Công giáo).

Thua đầu cú tranh chấp và sợ bị Phạm Quỳnh trừ dập, Diệm đành nộp đơn xin từ quan. Toàn quyền Pháp Pasquier không chấp đơn từ quan của Diệm mà bãi chức, tước phẩm hàm, trục xuất khỏi kinh thành Huế, buộc hồi hương về Quảng Bình cư trú.

Diệm trở thành vị quan yếu thế lùi thui nơi quê nhà cho đến khi Pasquier chết trong một tai nạn máy bay ở Paris vào ngày 15.1.1934. Pasquier chết, Pháp đưa René Robin làm tân toàn quyền ở Việt Nam. Diệm được xóa án cấm túc và về Huế an phận với nghề dạy học ở trường tư thực Providence của ông anh Ngô Đình Thục.

Rõ ràng, Ngô Đình Diệm căm thù Pháp không vì yêu dân thương nước mà chỉ là tư thù cá nhân. Ông ta từ quan và bị cách chức chỉ vì tranh giành quyền lực, địa vị phục vụ cho mẫu quốc Pháp. Bị cách chức, Diệm trở thành kẻ thất chí.

Đang trong cơn thất chí, Diệm được những trí thức yêu nước quàng gài tìm đến và khoác cho ông ta cái áo chí sỹ yêu nước, chống Pháp. Ngay như Đỗ Mậu, một người đồng chí của ông ta trong giai đoạn này cũng thừa nhận trong hồi ký rằng, ông ta chẳng hoạt động gì ngoài chuyện bình luận “mâm trà chính sự” với những người tìm đến. Nói chính xác là, ông ta chỉ chửi Pháp và chống Pháp bằng nước bọt cho thỏa hờn giận.

Năm 1931, phát xít Nhật bắt đầu đưa thế lực chính trị lẫn quân sự vào lục địa Á châu. Đến tháng 7.1937, các đạo quân của Nhật tấn công và chiếm đóng một số vùng ven biển Trung Hoa. Năm 1940, Nhật bắt đầu tiến quân trú đóng ở Đông Dương sau khi hoàn tất các chiến dịch tình báo và tuyên truyền thuyết Đại Đông Á. Phát xít Đức quốc xã và Ý là đồng minh của Nhật (phe Trục) cũng đang làm chủ tình hình Tây và Nam châu Âu.

Trước sự hùng hổ của Nhật, các thế lực Công giáo tại châu Á ngấm ngầm bắt tay với Nhật nuôi dưỡng ý đồ đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để đang sống lưu vong ở Nhật về Việt Nam làm vua thay thế Bảo Đại. Cường Để được các thế lực Công giáo chọn chỉ vì Cường Để là một tín đồ Công giáo.

Đang mang lòng hận thù Pháp, vả lại Cường Để lại cùng tín ngưỡng nên Ngô Đình Diệm ủng hộ Cường Để. Tất nhiên cũng chỉ ủng hộ bằng miệng.

Nhiều trí thức chống Pháp bằng tư tưởng, gặp cánh phao Cường Để vội bám rịt lấy. Và trong số tất cả những người ủng hộ Cường Để tại Việt Nam chỉ có Ngô Đình Diệm là người đã từng có địa vị xã hội cao nhất, vì vậy, ông ta trở thành lãnh tụ đương nhiên của phong trào ủng hộ Cường Để mà trụ sở chính đặt tại tư gia gia tộc Ngô Đình. Thay vì phải bôn ba như một nhà cách mạng thực thụ, ông Diệm chẳng làm gì ngoài việc an nhàn cư trú tại gia để cổ xúy phong trào, hay nói cách khác, ông ta chỉ làm vai trò xúi giục. Chỉ có những đồng chí của ông ta mới thật sự hoạt động nằm gai nếm mật. Trong những cuộc “mâm trà chính sự”, Ngô Đình Nhu cũng ngửa miệng hùa theo.

Tuy Diệm cố xúi bằng miệng nhưng Pháp không thể im lặng. Đầu năm 1944, Thượng thư Phạm Quỳnh cùng với mật thám Pháp tổ chức săn bắt hai anh em Diệm, Nhu. Nhờ sự trợ giúp của điệp viên Nhật cài vào hàng ngũ mật thám Pháp, Diệm biết tin trước đã nhanh chân trốn thoát. Riêng Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Nhu bị bắt. Khôi một mực kêu oan, chỉ có Nhu nhận tội.

Tránh sự truy lùng của Pháp, Ngô Đình Diệm phải ẩn mình tá túc trong nhà dòng Chúa Cứu thế ở Huế (gần sát nhà Ngô Đình Khôi) giả làm người nấu cháo heo.

Để cứu vãn tình thế, ông anh Ngô Đình Thục đang là giám mục Vĩnh Long viết một lá thư cầu xin Toàn quyền Jean Decoux tha tội cho hai ông em. Nguyên văn lá thư:

“Tòa Truyền Giáo Vĩnh Long ngày 21 tháng 8 năm 1944.

Vĩnh Long (Nam Kỳ)

Thưa Đô Đốc

Một linh mục từ bốn Tòa được phái đi Sài Gòn để lo việc cho chủng viện vừa cho tôi biết rằng hai người em của tôi đang bị truy tố tại Huế. Vì đã lâu không nhận được tin tức gì từ Huế, tôi không biết là điều tôi được báo cáo có đúng sự thực hay không.

Tuy nhiên, nghĩ đến nỗi đau đớn và sự bất nhẫn rất đúng mà chắc là Đô Đốc đã cảm thấy - nếu sự truy tố các em tôi là có thật, tôi vội viết thư này để bày tỏ với Đô Đốc nỗi đau đớn lớn lao của tôi về việc này.

Nếu hoạt động của hai em tôi được chứng tỏ là có hại cho quyền lợi nước Pháp thì - với tư cách của một giám mục, của một người An Nam, và với tư cách là con của một gia đình mà phụ thân đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi mới tới An Nam, và đã nhiều lần đưa mạng sống cho nước Pháp trong các cuộc hành quân mà cha tôi cầm đầu, dưới quyền của Nguyễn Thân, chống lại các kẻ nổi loạn do Phan Đình Phùng chỉ huy, tại Nghệ An và Hà Tĩnh – tôi, tự đáy lòng, không chấp nhận (hoạt động của các em tôi).

Thưa Đô Đốc, tôi tuyên bố như vậy không phải với mục đích bảo toàn địa vị cá nhân của tôi: bởi vì nếu xét rằng cá nhân hèn mọn của tôi có thể phung hại đến quyền lợi của tôn giáo, tôi sẽ vui vẻ rời khỏi Tòa Giám Mục này ngay.

Lời tuyên bố của tôi chỉ có mục đích là tỏ cho Đô Đốc thấy rằng lòng tin tưởng triu mến của Đô Đốc đã không đặt vào một kẻ bất xứng hay vô ơn.

Thưa Đô Đốc, tôi chưa bao giờ tiếc là đã xa Huế như thế này. Giá có mặt ở đây, thì tôi đã có thể khuyên răn các em tôi tốt hơn, và khi chuyện xảy ra, tôi đã có thể chống lại các chủ đích của em tôi, nếu quả thật các em tôi có nghĩ đến những dự định có thể gây hại cho quyền lợi của nước Pháp.

Có thể tôi lầm, tuy nhiên, thưa Đô Đốc, tôi xin thú thực là không tin – cho đến khi được chứng minh ngược lại - rằng các em tôi đã phản lại truyền thống của gia đình chúng tôi đến như thế, một

gia đình đã tự mình gắn liền với nước Pháp từ lúc ban đầu, trong khi ông cha của những quan lại bây giờ hầu hết đều chống Pháp và chỉ quyết định thiên về Pháp khi thấy có lợi.

Ngay chính các em tôi đã từng liên tục đưa mạng sống ra vì nước Pháp trong cuộc nổi loạn của Cộng Sản. Diệm, người em kế tôi, suýt đã phải ngã gục dưới những phát súng của một Hoa Kiều Chợ Lớn được phái đến Phan Rang với mục đích hại Diệm, Phan Rang là nơi mà Diệm đã mãnh liệt chống giữ lối xâm nhập vào An Nam của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ phái đến.

Lẽ tất nhiên, sự tận tụy của các em tôi trong quá khứ không phải là điều nêu ra để làm có mà biện hộ cho hoạt động bất cần của họ ngày hôm nay, nếu sự bất cần này được chứng tỏ là điều đã gây nên tội. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là tôi đã làm chuyện vô ích khi kêu gọi đến sự khoan hồng đầy xót thương của Đô Đốc hầu xét với hảo ý trường hợp các em tôi. Đô Đốc không phải là người chỉ xét đến hiện tại mà lại bỏ quên đi quá khứ. Tôi nêu ra điều này khi xét thấy rằng Thân phụ tôi là Ngô Đình Khả đã từng được vinh dự phục vụ nước Pháp dù sinh mạng bị hiểm nguy, và khi xét đến quá trình lâu dài của các em tôi đối với nước Pháp, mà không sợ phải hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp.

Thưa Đô Đốc, một lần nữa bày tỏ với Đô Đốc tất cả niềm đau đớn của tôi trong vụ này, tôi xin Đô Đốc vui lòng nhận nơi đây lời kính chào trân trọng nhất của tôi.

Ký tên Ngô Đình Thục”.

Lá thư kể công của Ngô Đình Thục chưa đủ để Pháp tha tội phản nghịch của Diệm, Nhu. Thời điểm đó tình hình Pháp đang rối loạn, phe “Pháp tự do” của Charles de Gaulle đang tiến vào Paris. Decoux đành phải đồng ý với đề nghị của Arnoux là tránh khiêu khích Nhật. Nhờ vậy, Diệm thoát sự truy nã gắt gao.

Tuy vậy, Diệm vẫn sợ bị bắt và vẫn trốn kín, kỹ trong vai trò người nấu cháo heo ở nhà thờ. Đến ngày 12.7.1944, nhờ trung úy Kuga Michio, hiện binh Nhật đưa Diệm vào Đà Nẵng, rồi đáp phi cơ vào Sài Gòn tiếp tục trốn ở nhà dòng Chúa Cứu thế ở Kỳ Đồng, Sài Gòn. Sau này, vào năm 1960 khi đã là Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, trong một lần viếng thăm nhà dòng Chúa Cứu thế ở Đà Lạt, Diệm đã tặng 1 tháng lương tổng thống để tạ ơn cư mang.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Diệm tá túc trong bệnh viện Chợ Quán – nơi này đang được trưng dụng làm cơ sở quân sự của Nhật. Lỡ phóng lao phải theo lao, và lại nắm bắt tình hình Nhật đang thắng thế, Pháp đang thất thế, Diệm cùng y sĩ Nguyễn Xuân Chữ, y sĩ Lê Toàn, kỹ sư Vũ Văn An, ký giả Vũ Đình Dy thành lập Ủy ban Kiến quốc, tiếp tục hô hào ủng hộ Cường Để.

May mắn cho Diệm, ngày 9.3.1945 Nhật đảo chính Pháp.

Tuy nhiên sau đảo chính, Nhật không đưa Cường Để về nước mà thỏa thuận với Pháp giữ Bảo Đại để lập chính phủ. Một trong những lá bài được Nhật và Bảo Đại chọn làm thủ tướng có tên Ngô Đình Diệm nhưng do Diệm trốn quá kỹ, tìm không ra nên Bảo Đại chọn đại Trần Trọng Kim - một chí sỹ khác danh giá hơn.

Chính ông Phạm Khắc Hòe - Đồng lý Văn phòng Bảo Đại - đã thừa lệnh Bảo Đại soạn một bức thư nhờ đại sứ Nhật là Yokoyama gởi cho Diệm nhưng Diệm vẫn bất vô âm tín.

Có lẽ Diệm vẫn nuôi hy vọng và tiếp tục chờ đợi Nhật thay Bảo Đại bằng Cường Để, bởi Bảo Đại là lá bài thân Pháp mà Diệm thì đang sợ Pháp bắt, còn Cường Để mới là lá bài của Nhật.

Diệm đâu biết rằng, Nhật đã không và chưa bao giờ xem Cường Để là lá bài chính. Thật ra, cuối năm 1944, khi chuẩn bị kế hoạch Meigo (9-10.3.1945) để lật đổ chế độ thân Vichy Decoux, Nhật đã dự trù thủ tướng chính quyền thân Nhật là Diệm. Nhưng tướng Tsuchihachi Yuitsu, Tư lệnh Quân đoàn 38, lực lượng chiếm đóng phòng thủ Đông Dương đang chuẩn bị đối phó với cuộc đổ quân của Đồng Minh, chỉ quan tâm đến quân sự và bỏ ngoài mọi toan tính về chính trị.

Vì vậy Tsuchihachi giữ nguyên hiện trạng tránh sự nhùng nhằng chính trị. Thế là Bảo Đại vẫn làm vua một nước “độc lập trong Khối Thịnh vượng chung Đông Á”.

Ngày 15.8.1945 Nhật đầu hàng quân Đồng Minh. Bảo Đại thoái vị trao ấn tín cho chính quyền Việt Minh. Lúc đó, Diệm mới chịu vỡ mộng và chịu hiểu mình đã bị Nhật phản bội. Bài học đầu tiên về sự cầu cạnh ngoại bang của Diệm đã được xác lập nhưng ông ta không lưu tâm. Ông ta căm thù Nhật và quay trở lại cầu cạnh Pháp.

Qua ông anh giám mục Ngô Đình Thục, Diệm bắt đầu tổ chức một nhóm thân Pháp để kiểm “ghế”.

Sau khi trao ấn tín cho chính quyền Việt Minh, mặc cho đất nước rối ren, máu lửa, Bảo Đại thụ hưởng cảnh ăn chơi cùng một ả cave tại một khách sạn ở Hồng Kông. Lúc này sợ mất hẳn miếng mồi Đông Dương về tay Việt Minh, Pháp mạnh nha tái lập một chính quyền sân khấu phường tuồng chịu sự quản lý của Pháp. Pháp cần một ai đó làm quốc trưởng thuê. Không ai có thể thủ vai chính trong vở tuồng này hiệu quả bằng vị vua cần tiền ăn chơi chứ không cần trị vì thiên hạ. Đó là vị vua thoái vị Bảo Đại. Trước những món tiền đáp ứng cho việc ăn chơi trác táng, ông ta nhanh chóng quên câu nói bất hủ của mình: “Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ”.

Song song với việc lập Bảo Đại đóng vai chính, Pháp còn phải chọn một số nhân vật thủ vai phụ. Đánh hơi được điều này, Diệm bay sang Hồng Kông tìm gặp Bảo Đại hòng kiểm soát địa vị.

Ngày 21.12.1947, sau khi thông cáo chung Hạ Long giữa Bảo Đại và Bollaert được ghi nhận, Diệm cùng nhóm Nguyễn Văn Xuân và Trần Văn Lý bay qua Hồng Kông tìm gặp Bảo Đại. Tuy nhiên, Bảo Đại lộ vẻ không tin tưởng Diệm và sai Diệm về Sài Gòn nghe ngóng tình hình. Thay vì về trở lại Sài Gòn ngay, Diệm bắt hơi Mỹ đang ngấp nghé hất Pháp khỏi Đông Dương nên ngày 24.12.1947, trong khi Bảo Đại sang Geneva, Diệm lén lút gặp George D. Hopper là Tổng lãnh sự Mỹ tại Hồng Kông để xin Mỹ hỗ trợ. Hopper chẳng biết Diệm là ai nên lơ là không hứa hẹn gì.

Tuy nhiên, nhờ tiếp xúc với Hopper, Diệm xác nhận được nguồn tin Mỹ sẽ thay thế Pháp tại Việt Nam. Hồ hởi, từ Hồng Kông, Diệm trở về Việt Nam cùng với người em là Ngô Đình Nhu bắt đầu xây dựng những nhóm ủng hộ Mỹ. Tại miền Bắc, ông ta tập hợp những đồng chí cũ như Trần Trung Dung, Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Đình Thuần. Tại miền Trung có Trần Văn Lý thành lập

Đảng Xã hội Công giáo. Tại miền Nam, ông ta tập hợp Nguyễn Phước Hậu, Bertin, Nguyễn Bửu, Trần Tử Hoàng...

Trong khi đó, Pháp cũng chẳng ưu ái một người “sớm đầu tối đánh” như Mạnh Hoạch của Diệm và đã chọn Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng. Một lần nữa, ông Diệm bị “chê”.

Phúc lớn cho anh em nhà Ngô Đình là ngày 25.5.1948, Hồng y Francis Spellman (Hoa Kỳ) viếng thăm Sài Gòn bất ngờ. Tổng giám mục Sài Gòn lúc đó là Cassaigne đã mời giám mục Ngô Đình Thục tham dự buổi tiếp đón Spellman. Buổi tiếp đón này là sự khởi đầu của mối quan hệ giữa anh em Diệm với chính quyền Hoa Kỳ và cũng là mối họa cho dân tộc Việt suốt hàng chục năm trời sau đó.

Được Hồng y Spellman nhá đèn xanh, Ngô Đình Thục xây dựng “thương hiệu” cho ông em Ngô Đình Diệm bằng cách bảo trợ cho Trần Văn Lý thành lập Đảng Xã hội Công giáo ở miền Trung vào tháng 6.1948. Diệm là lãnh tụ tối cao của đảng này. Tại Đà Lạt, Nhu cùng nhóm linh mục Parrell tụ họp nhân sự cho hạt nhân đầu tiên của chủ thuyết “Nhân vị”. Người ta gọi những nhóm này là phong trào quá khích.

Giữa lúc này những vùng giải phóng của Cộng sản Trung Quốc lan nhanh khiến các đồng minh của Pháp, Hoa Kỳ hoảng sợ. Hoa Kỳ nhanh chóng viện trợ quân sự và hối thúc Pháp nhanh chóng thực hiện giải pháp thí nghiệm chính quyền Bảo Đại hòng “be bờ” ngăn cản sự lan tỏa của làn sóng Cộng sản tại “tiền đồn Việt Nam”. Ngày 8.3.1949, Tổng thống Pháp Vincent Auriol trao đổi công hàm với Bảo Đại, nhìn nhận Việt Nam là một tiểu bang tự do trong Liên hiệp Pháp.

Tháng 4.1949, Bảo Đại về Đà Lạt. Lúc ấy, Diệm bị Pháp loại bỏ đã hướng sự cầu cạnh về phía Hoa Kỳ. Diệm về Huế sống ở nhà Ngô Đình Cẩn trùm chần chờ thời mặc cho nhiều chỉ sỷ, thân hữu, đồng chí kêu gọi ra ủng hộ Bảo Đại. Thế nhưng lúc ấy, Hoa Kỳ chưa có tiếng nói chính thức tại Việt Nam mà chỉ có tiếng nói của đồng đô la. Diệm đành ngáp qua ngày chờ thời đúng kiểu làm chính trị “xôi thịt” – đúng với bản chất của ông ta.

Chương 2: HOA KỲ VÀ MIẾNG BÁNH VIỆT NAM

Do sự chọn lựa chính phủ vội vã nên Pháp nhận ra ngay những yếu kém “tay nghề” của các vị đóng vai thủ tướng. Vì vậy, nội các và chính phủ của Bảo Đại thay đổi xoành xoạch.

Giai đoạn này, nếu không có sự nhiệt tình nắm bắt thời cơ chính trị của Ngô Đình Thục, có lẽ Hoa Kỳ không bao giờ chọn Diệm. Nhận thấy Diệm làm chính trị kiểu trùm mền ngáp ruồi không hiệu quả, Ngô Đình Thục đã thu xếp một chuyến đi dài cho Diệm. Đọc các tâng thư lưu trữ, ta thấy vào ngày 18.6.1950, ông Thục xin đại sứ Gullion tại Sài Gòn cho nhập cảnh Hoa Kỳ với lý do trên đường qua Roma dự năm thánh cho ông và Ngô Đình Diệm.

Ngày 14.8, Ngô Đình Diệm cùng Ngô Đình Thục rời Sài Gòn. Sau khi ghé Nhật để tìm Cường Để, ngày 2.9, Diệm và Thục tới Mỹ.

Ngày 21.9, Thục và Diệm tìm gặp William S. B. Lacy, Trưởng Nha Philippines và Đông Nam Á của Nhà Trắng. Trong buổi tiếp xúc này, hầu như chỉ mỗi mình ông Thục thuyết phục Lacy phải

lập một quân đội cho miền Nam, lấy giáo dân Ki Tô làm hạt nhân. Trong khi đó, Diệm chỉ âm ừ bằng thái độ của kẻ hết sỹ khí. Lúc này Diệm chỉ muốn đi tu.

Tuy nhiên, nhờ sự khích lệ tinh thần của Ngô Đình Thục, trong một bữa cơm chiều tại khách sạn Mayfolwer ở thủ đô nước Mỹ do Hồng y Spellman thu xếp, trước mặt nhiều chính trị gia quốc hội, Ngô Đình Diệm đã miễn cưỡng lên tiếng diễn thuyết chống Cộng. Bữa cơm đầy nước bọt chống Cộng ấy đã giúp nhiều nghị sỹ Mỹ biết đến một người thấp lùn, dáng đi lúc lắc, mặt trắng bệch, là “con nước Chúa”, đã từng là quan lại triều Nguyễn, có tên là Ngô Đình Diệm đang căm thù Cộng sản không rõ nguyên do.

Anh em Thục, Diệm đã đi đúng nước cờ. Bởi lúc bấy giờ, trong chính trường Mỹ, học thuyết Domino (mà sau này có người mỉa mai gọi là “giả thuyết”) đang là một cái mốt chính trị thượng lưu. Học thuyết này cho rằng, làn sóng Cộng sản đang lan dần khắp thế giới như con cờ domino từ Liên Xô sang các nước lân cận và nhanh chóng lan tỏa khắp thế giới. Ở châu Á, Đảng Cộng sản đã giải phóng Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch bỏ chạy ra Đài Loan. Và năm 1951, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Làn sóng cách mạng của chủ nghĩa Cộng sản lan nhanh trên bản đồ thế giới càng khiến người ta tin vào học thuyết này đến sái cả cổ. Những người “thờ” học thuyết này cho rằng: Cộng sản từ Trung Quốc sẽ tràn xuống Việt Nam, Campuchia, Lào, Miến Điện, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Indonesia... rồi từ vùng Đông Nam Á sẽ lan tới các nước phía Tây vùng Nam Á như Nepal, Afghanistan, Pakistan và cả Ấn Độ...

Sau này, Robert MacNamara - một trong những nhạc trưởng của cuộc chiến tranh Việt Nam – thú nhận trong hồi ký “In Retrospect”: Nước Mỹ sai lầm khi nhận định như thế và lấy làm tiếc vì đã bỏ qua cơ hội thỏa thuận hòa bình ở Việt Nam.

Song song với một chính trị chống Cộng, chính trường Mỹ vẫn còn ngất ngây với thành tích Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ tự cho mình cái quyền “làm bá chủ địa cầu” và tự tôn mình lên vai trò của người “be bờ ngăn làn sóng Cộng sản tại Đông Dương”. Lại thêm lời tuyên bố của Vatican: “Con nước Chúa không được bắt tay với Cộng sản”. Với những điều kiện như thế, Ngô Đình Diệm bỗng nhiên trở thành nhân vật sáng giá của Mỹ tại “tiền đồn chống Cộng ở Việt Nam”. Họ nhìn thấy ở Diệm là một “con ngựa” có bộ vó đủ tiêu chuẩn để họ có thể cưỡi ra chiến trường chống Cộng quốc tế. Còn Thục và Diệm chỉ thấy Mỹ là một ông chủ có nhiều đô la và hào phóng.

Lúc này tướng Võ Nguyên Giáp đã mở chiến dịch biên giới “Cao - Bắc - Lạng” (16.9 – 14.10.1950) tấn công triệt tiêu sức kháng cự của lực lượng quân sự Pháp đang suy kiệt tinh thần. Tướng Giáp đánh đến đầu quân của tướng Carpentier rút chạy đến đó. Lệnh triệt thoái réo ầm ĩ liên tục trong các máy điện thoại của chỉ huy quân Pháp. Cuối cùng quân Pháp đành rục mình chịu trận tại Móng Cái. Ngay lúc quân đội Pháp thờ hào hểnh không ra hơi trên chiến trường Bắc Việt Nam thì Ngô Đình Thục làm vai trò “vú em chính trị”, nắm tay dắt Diệm rời Mỹ đi Vatican vận động sự ủng hộ rồi bay sang Paris mang theo một thông điệp của Mỹ gửi đến Pháp. Thông điệp đó mang nội dung tóm tắt, hãy để người Việt chết thay quân Pháp bằng cách xây dựng “lực lượng quân đội quốc gia Việt Nam cho chính quyền Bảo Đại”.

Lúc này, thực dân Pháp tỉnh ngộ và nhận ra mình thua cuộc trước tinh thần độc lập của dân tộc Việt Nam nhưng vẫn còn tiếc nuối đã tìm cách lôi kéo Mỹ giúp đỡ. Để có thể duy trì quyền lực cai trị của mình tại Việt Nam, Pháp đã ngụy tạo một chính quyền Việt Nam độc lập. Để có một “chính

quyền Việt Nam độc lập nhưng chịu phủ phục chính phủ Pháp”, Pháp đã cố lục tìm trong “kho” chứa các nhân vật phế thải của mình một nhân vật “ngoan ngoãn biết vâng lời” đặt vào ghế lãnh đạo miền Nam Việt Nam. Bảo Đại đáp ứng được điều đó.

Hầu hết những người quen biết Diệm trong thời gian này đều khẳng định, Diệm chỉ như một nhà tu thất chí đang muốn an phận tại Vatican. Chỉ có Thục là hùng hục vận động chính trị. Có lẽ nhờ sự tận tụy chính trị của ông anh và lời hứa của Vatican lẫn của chính giới Mỹ, khi trở về Việt Nam vào đầu tháng 12.1950, Ngô Đình Diệm trở lại vẻ tươi tỉnh của một “chí sỹ”. Ông ta gửi cho Bảo Đại một lá thư riêng thông qua một nghị sỹ thuộc Hội đồng Liên hiệp Pháp. Trong thư, Diệm xin làm thủ tướng bằng một đề xuất về hoạt động của chính phủ “Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp”. Bảo Đại quá chán thái độ trù thủ trước đây của Diệm nên không thèm trả lời.

Để Mỹ dễ nhận ra Diệm trong đám đông chính trị gia Việt Nam, ngoài chuyện Thục ráo riết vận động Vatican lên tiếng, ông em Ngô Đình Nhu cũng ra sức kích hoạt các phe nhóm trong nước. Ông Nhu kêu gọi sự hợp tác của tất cả những phe nhóm tôn giáo lẫn giáo phái chống Pháp như Bảy Viễn (Bình Xuyên), Phạm Công Tắc (Cao Đài), Huỳnh Phú Sổ (Hòa Hảo), nhóm Tinh Thần của y sỹ Trần Văn Đỗ, Liên đoàn Thanh Lao Công của Trần Quốc Bửu (tiền thân của tổ chức Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng, tức Cần lao sau này)...

Ngay khi Pháp choáng váng trước chiến bại Điện Biên Phủ, Ngô Đình Diệm quỳ gối trước mặt Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương, “thề trên thập tự giá” rằng sẽ trung thành với Bảo Đại và hứa sẽ duy trì cơ nghiệp nhà Nguyễn. Diệm cũng cam đoan sẽ rời bỏ quyền lực bất cứ lúc nào Bảo Đại muốn (Vài tháng sau, Diệm quên bồng lời thề này và lật đổ Bảo Đại một cách trơ tráo). Diệm hứa, sẽ thiết lập quân chủ lập hiến giống như Anh quốc, sẽ mời hoàng hậu Nam Phương về phụ chính, sẽ cho Hoàng Thái tử Bảo Long lên nối ngôi, v.v... và v.v...

Ngắm đôn trợn Điện Biên Phủ khiến Pháp tuân lời Mỹ răm rắp. Pháp đồng ý với Mỹ là để Ngô Đình Diệm lên cầm quyền trong chính phủ Bảo Đại mặc dù tướng Ely – Cao ủy Pháp tại Sài Gòn vẫn khư khư nói với một đại sứ Mỹ tại Sài Gòn: Ngô Đình Diệm không đủ tài lãnh đạo chính phủ Bảo Đại. Trong thời gian Hiệp định Genève chuẩn bị ký kết, John Foster Dulles - Bộ trưởng Ngoại giao của chính phủ Mỹ - tìm gặp Bảo Đại để thỏa thuận một “phi vụ chính trị” tại một nhà hàng gần hồ Léman, Thụy Sĩ. Trong bữa ăn đầy hương vị chính trị đó, Dulles yêu cầu Bảo Đại nên an phận, đừng về Việt Nam, hãy cứ ngồi im ở Pháp. Mỹ sẽ hất Pháp ra. Vì vậy, Mỹ cần một người không cần giỏi lắm, miễn là vẻ ngoài trong sạch, ghét Tây là được. Hàm ý của ông ta nhắc đến Ngô Đình Diệm.

Trước những áp lực của Mỹ và của phong trào Cộng hòa Bình dân Pháp, ngày 19.6.1954, dù không muốn, Bảo Đại vẫn ký Sắc lệnh 38/QT phong cho Ngô Đình Diệm chức thủ tướng “với toàn quyền quyết định về dân sự lẫn quân sự”. Bảo Đại không biết rằng mình đã ký một bản “thoái vị” lần thứ hai cho mình. Ngay sau đó, Bảo Đại dành câu nói bất hủ thứ hai của vị vua cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam cho Diệm: Chỉ có những “tên khùng” mới tự nghĩ mình có một “sứ mạng” của “bê Trên” để giành làm thủ tướng trước viễn ảnh đất nước chia đôi, và người Pháp có thể bỏ rơi miền Nam trong vòng hai năm tới.

Ngày 24.6.1954, Ngô Đình Diệm bay từ Paris về Sài Gòn để đánh trống thổi kèn nhận chức thủ tướng vào ngày 7.7.1954. Mặc dù Hiệp định Genève đã có hiệu lực nhưng Diệm vẫn tự cho mình là thủ tướng của toàn cõi Việt Nam.

Ngay sau khi có lá cờ thủ tướng trong tay, Diệm trở nên lúng túng chẳng biết làm gì. Trong khi đó, sợ mất hẳn quyền lực, Bảo Đại lệnh cho Diệm phải mời Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Xuân, Bảy Viễn vào chính phủ.

Biết đó là cái cách Bảo Đại “trói tay” mình, Diệm chống đối. Thế là Bảo Đại dọa sẽ cách chức Diệm. Hoảng hốt, Diệm cầu cứu ông chủ Mỹ.

Vừa cầu cứu ông chủ Mỹ, Ngô Đình Diệm vừa cử em trai là Ngô Đình Luyện bay sang Pháp gặp Bảo Đại thương lượng. Trong chuyến làm thuyết khách này, Luyện mang 2 sứ mệnh. Một là xin Bảo Đại ra giá cho Diệm được chức thủ tướng an toàn. Hai là trao cho Bảo Đại một lá thư tay của Diệm viết bằng tiếng Pháp với lời lẽ hết sức tận tụy:

“Kính gửi Hoàng thượng Bảo Đại

Quốc trưởng Việt Nam

Kính thưa Ngài,

Tôi thật vô cùng cảm kích trước những lời tin cậy và khích lệ đầy thương mến mà Ngài đã chỉ thị cho bào đệ Ngô Đình Luyện truyền lại cho tôi.

Ngài đã biết rõ sự bất vụ lợi và lòng trung thành của dòng họ chúng tôi, trong quá khứ, đã phục vụ Tổ quốc và Hoàng triều như thế nào. Xin Ngài hãy tin tưởng rằng đến lượt tôi, tôi sẽ cố gắng tiếp tục phục vụ với tất cả sức lực và tâm hồn để xứng đáng với lòng tin cậy thân yêu mà Ngài đã dành cho.

Trong lúc có những giải thích đầy xuyên tạc của dư luận về sự mở rộng thành phần Nội các đã gây cho tôi quá nhiều phiền muộn, tôi muốn nói lên đây lòng tri ân của tôi về sự tín nhiệm của Ngài vẫn dành cho tôi.

Thật ra hoài bão thân thiết nhất của tôi là nhận được sự chấp thuận của Quốc trưởng trong các đại sự của Quốc gia, về Bình bị, Ngoại giao, Xã hội, Tài chánh hay Hành chánh.

Chỉ có sự chỉ đạo khôn khéo và chỗ dựa vững chắc ở Quốc trưởng, tôi mới có thể thực thi được những quyền lực đầy đủ để giải quyết tất cả vấn đề có tầm vóc liên quan đến sự sống còn và tương lai của đất nước.

Những cải cách về Hiến pháp và Dân chủ phải được nhanh chóng thực thi theo đúng những lời tuyên bố của Ngài khi Ngài trở về sau chuyến lưu vong.

Nhưng quyền lực của Hoàng triều phải thật sự cứng rắn để bảo đảm trật tự và công bằng xã hội, kỷ luật quân đội, tôn trọng quyền lợi và tự do của dân.

Trình Ngài, chính trong tinh thần này mà tôi đã nhờ bào đệ Luyện thỉnh cầu Ngài hồi loan càng sớm càng tốt, miễn là không trở ngại đến việc chữa bệnh của Ngài ở Pháp.

Tiếp thay khi được tin này thì những xáo trộn những âm mưu chính trị không tránh được khi đất nước bị chia cắt, đã tăng lên gấp bội, vì những tham vọng và quyền lợi riêng tư đó đã lo sợ sự hiện diện của Hoàng thượng và sự củng cố chánh quyền của Ngài.

Là người chủ xướng sự hồi loan nhanh chóng của Ngài, thế mà tôi phải đau lòng thỉnh cầu ngài dờn hoãn ngày về nước để cho tôi có đủ thời gian cần thiết để san bằng những trở ngại khó khăn và đánh tan một vài thái độ mâu thuẫn.

Sự mong đợi chuyển về của Hoàng thượng càng lớn khi tôi cần dựa vào sự minh triết của Hoàng thượng để giúp tôi, ngoài những việc khác, tái tổ chức và phát triển Hoàng Triều Cương Thổ mà Hoàng thượng đã tức thời quyết định cho sát nhập về với Việt Nam. Việc này đã được sự tán thành của toàn dân.

Tôi nghĩ rằng, thật ra các miền Cao nguyên đó, từ lâu đã được sự chăm lo ưu ái của Hoàng thượng, rồi đây sẽ được hưởng những lợi ích to lớn về một tổ chức xã hội, kinh tế và quân sự mà các ngành Hành chánh cao cấp sẽ được chính phủ bổ nhiệm sau khi được sự chấp thuận của Ngài.

Để kết thúc, tôi xin được phép nhắc lại sự cảm tạ của tôi về sự tiếp tục tín nhiệm mà Ngài đã dành cho.

Tình trạng đất nước, bị xâu xé và tàn phá bởi cuộc chiến lâu ngày này đã gây quá nhiều lo âu cho tôi, vì vậy những bằng chứng về lòng tin tưởng thương yêu của Hoàng thượng sẽ là một niềm khích lệ vô giá đối với tôi.

Xin được phép nhắc Ngài rằng khi nhận chức Thủ tướng chính phủ, tôi đã có xin Ngài hứa cho là trong trường hợp chính sách của tôi, nếu xét có bằng chứng có thể phương hại cho Tổ quốc, thì Hoàng thượng sẽ không để những tình cảm tốt đẹp dành cho tôi chi phối, mà sẽ cương quyết chối từ chính sách đó để cứu quốc dân.

Xin phép Ngài cho tôi được tin vào lời hứa đó, vì tôi phải có một chính sách cứng rắn và dũng cảm để đối phó với các sự xáo trộn chính trị và các liên hệ chằng chịt quá phức tạp của những quyền lợi lớn của cá nhân hay ngoại quốc gây ra.

Tôi sẽ làm chuyện này với lương tâm thanh thản vì tôi biết trước, nếu trường hợp gặp thất bại, Ngài sẽ sẵn sàng điều chỉnh tay lái khi cần.

Tôi trao thư này cho bào đệ Luyện để đệ trình lên Ngài với lòng trung thành tôn kính và thâm sâu của tôi.

Sài Gòn, ngày 10 tháng 11 năm 1954

Ký tên Ngô Đình Diệm”.

Được lời cầu cứu của Diệm, ngay lập tức, Mỹ cử một đại diện bay sang Pháp gặp Bảo Đại nói thẳng: “Nếu cách chức Ngô Đình Diệm, chính phủ Bảo Đại sẽ đếm lùi từng ngày cho đến lúc suy tàn”.

Sau này, chính Ngô Đình Nhu lẫn Ngô Đình Luyện đều thừa nhận, Bảo Đại có ra giá với Ngô Đình Luyện đòi một triệu đô la để Diệm vào chức thủ tướng. Ngô Đình Luyện hứa đáp ứng nhưng Bảo Đại không nhận được tiền mà chỉ nhận tin Ngô Đình Diệm đảo chính Bảo Đại bằng một cuộc “trung cầu dân ý”.

Tin lời hứa của Diệm, bà Nam Phương chuẩn bị khăn áo để về làm phụ chính. Cũng may, bà Nam Phương không về nước vì một vài người ngăn cản. Nếu không, bà đã nhận được sự nhục nhã do các thuộc hạ của Diệm đã chuẩn bị sẵn một màn biểu tình lăng mạ để chào đón bà tại sân bay.

Trước nhiều lời dèm pha, để chứng minh mình là nhân tài thật sự, Diệm khoe với Đại sứ Mỹ: “I am best known figure in Vietnam after Ho Chi Minh”. Nhận xét về câu nói này, viên đại sứ Mỹ biếm: “Đúng. Diệm là nhân vật thứ hai nhưng... cách rất xa Hồ Chí Minh”.

Ngô Đình Diệm hoàn toàn không hay biết mục đích của Mỹ là sử dụng ông ta làm diễn viên chính cho vở diễn: Duy trì việc chia đôi đất nước Việt Nam để biến miền Nam thành tiền đồn từ xa, giữ chiến tranh cách xa biên giới nước Mỹ. Và trong vở diễn này, Mỹ chẳng hề quan tâm đến vận mệnh dân tộc Việt. Vì vậy, Mỹ giao nhiệm vụ cho chính phủ Diệm tổ chức lại đạo quân Việt Nam đánh thuê do Pháp chuyển giao lại. Mỹ sẽ huấn luyện lại và tổ chức theo tiêu chuẩn Mỹ. Mỹ trang bị vũ khí. Mỹ trả lương cho quân lính và đài thọ tất cả các khoản phí chiến đấu. Quân đội của Diệm hoạt động dưới quyền chỉ đạo của các cố vấn Mỹ.

Miền Nam nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung bắt đầu bước vào những tháng ngày điêu linh thống khổ. Hàng triệu mét vải trắng khăn tang trải dài trên đất nước hiền lành trong suốt 9 năm cầm quyền kiểu phát xít của Ngô Đình Diệm.

Và đại tá Lansdale - một chuyên gia của các cuộc lật đổ và suy tôn chính trị của tình báo CIA Mỹ chuẩn bị hành trang vào Việt Nam.

Chương 3: NGÔ ĐÌNH THỰC

Ngô Đình Thực có tên thánh là Pierre Martin.

Ông sinh ngày 6.10.1897 tại Phú Cam, Huế.

Từ nhỏ, Ngô Đình Thực đã bị cha buộc vào học ở Tiểu chủng viện An Ninh (Quảng Trị) rồi vào Đại chủng viện Phú Xuân thuộc Giáo phận Huế.

Có lẽ cha ông là quan đại thần Ngô Đình Khả nhận ra con đường hoạn lộ của mình rộng thênh thang trong cung triều nhờ xuất thân từ Chủng viện Penang nên ông cũng giam tuổi thơ Thực vào chủng viện.

Năm 1919, khi Thục đang là một giáo sinh 22 tuổi, cha cố Eugène Marie Joseph Allys (thường gọi là Cố Lý) – Chánh xứ Phú Cam đã bảo lãnh và gửi ông sang Rome học truyền giáo. Ba năm sau, Nguyễn Hữu Bài – một quan thượng thư đồng triều và cũng là suì gia của ông Khả - tháp tùng cùng vua Khải Định sang Rome. Được sự ủy thác của Ngô Đình Khả, nhân chuyến đi, Nguyễn Hữu Bài đã lôi giáo sinh Ngô Đình Thục ra mắt Đức Giáo hoàng Pius XI như ngầm gợi gắm sự quan tâm.

Sau khi tốt nghiệp tiến sỹ Triết học, năm 1925, tức 28 tuổi, Ngô Đình Thục được thụ phong linh mục tại Rome rồi được cử sang Pháp dạy Đại học Sorbonne ở Paris. Mấy năm sau ông lấy thêm văn bằng tiến sỹ Thần học, Giáo luật và cử nhân Văn chương. Với sức học như vậy, Ngô Đình Thục trở thành một linh mục sáng giá của Pháp và của cả Vatican. Vì vậy, sau khi về Việt Nam làm linh mục ở Huế 3 năm, ông được bổ nhiệm giảng dạy tại Đại chủng viện Phú Xuân, Huế. Bốn năm sau, ông được cất nhắc lên làm giám đốc trường Thiên Hựu - một trường tư thục Công giáo tại Huế.

Với sức học và kiến thức uyên thâm như thế, nếu Ngô Đình Thục toàn tâm phục vụ Chúa và toàn ý phục vụ đời theo nghĩa tốt đạo đẹp đời thì cuộc đời ông đáng được ghi ơn. Tuy nhiên, ông lại ôm nhiều tham vọng chính trị rất trần tục.

Năm 1938, tòa thánh Vatican tách giáo phận Sài Gòn thành lập thêm một giáo phận mới ở Vĩnh Long. Giáo phận Vĩnh Long bao gồm các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre và 2 quận Cầu Kè, Trà Ôn. Ngô Đình Thục được bổ nhiệm làm tổng giám mục giáo phận mới này.

Kể từ đây, Ngô Đình Thục bắt đầu quan tâm đến chính trường và chăm bẵm địa vị chính trường cho ông em Ngô Đình Diệm. Chính ông Thục là người hướng dẫn con đường cầu cạnh Mỹ cho Diệm. Nếu nói không có Thục thì Việt Nam Cộng hòa không có Diệm cũng đúng. Bởi, không nhờ Thục mở đường cho Diệm sang Vatican và tiếp xúc với chính khách Mỹ thì có lẽ bây giờ lịch sử đất nước chỉ ghi nhận Diệm là một quan lại hết thời về nhà vọng tưởng Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, cam phận chân gà ở quê nhà. Tất nhiên, Diệm cũng sẽ mất tâm hơi như bao nhiêu kẻ bắt tải cầu an khác trong cơn lũ chính biến Việt Nam của giai đoạn Pháp trao trả quyền độc lập cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chính Ngô Đình Thục mới là kẻ phác họa, thiết kế và tạo dựng chính quyền nhà Ngô ngay từ buổi phôi thai.

Vào ngày 25.5.1948, nếu Tổng giám mục giáo phận Sài Gòn Cassaigne chỉ tiếp đón Hồng y Spellman tại Sài Gòn một mình mà không mời Ngô Đình Thục thì có lẽ lịch sử Việt Nam cũng sẽ không tốn giấy mực cho Diệm. Chính ngày đó, qua Hồng y Spellman, Thục đã nhận ra Mỹ sẽ là kẻ khuynh đảo chính trị Việt Nam và quyền lực Pháp đang dần trở thành quá khứ.

Mặc dù mang học hàm, học vị của Pháp, ăn cơm Pháp, Ngô Đình Thục cũng đành thừa nhận chỉ có Mỹ mới đủ đô la dựng một vở kịch chính trị hoàn hảo. Tầm nhìn của một học giả trong Thục đã đánh giá đúng cán cân giữa Mỹ và Pháp. Và cũng chính tầm nhìn đó khiến Thục biết Mỹ đang tìm một diễn viên chính cho kịch bản sắp tới. Tất nhiên ông nghĩ ngay đến ông em Ngô Đình Diệm đang chần gà chính trị cho kỳ vọng mơ hồ Cường Để. Đó là cơ hội cần nắm bắt ngay. Ông đã thiết kế một chuyến đi casting vai diễn cho Diệm tại Mỹ.

Sau này, qua những tài liệu giải mật của Mỹ, người ta đã nhận diện rõ mối quan hệ Kennedy - Spellman - Thục - Diệm đối với vận mệnh Việt Nam như thế nào. Spellman biết Diệm qua Thục và ủng hộ Diệm qua Thục. Thục thuyết phục Spellman và Spellman đã đứng ra vận động hậu trường Washington để chính phủ Kennedy chọn Diệm thủ vai chính.

Sau khi được Bảo Đại (nói chính xác hơn là Mỹ) bổ nhiệm làm thủ tướng, Diệm đã tổ chức một cuộc “trung cầu dân ý” để lấy cơ truat phế Bảo Đại, giành lấy ngôi vị đứng đầu chính quyền miền Nam Việt Nam. Trong vở kịch độc diễn chính trị này, Ngô Đình Thục đã ra sức vận động giáo dân làm khán giả vỗ tay cổ xúy Diệm.

Khi Ngô Đình Diệm trở thành tổng thống chính quyền miền Nam thì Ngô Đình Thục nghiêm nhiên trở thành “tổng thống” trong giới Công giáo miền Nam về quyền lực. Ông ta đã khai thác triệt để lợi thế đó để thu lợi và tạo quyền lực cho mình.

Thời điểm về làm tổng giám mục giáo phận Huế, Ngô Đình Thục đã không còn che giấu việc “ta là anh tổng thống” nữa. Nhiều thương vụ làm ăn, nhiều phi vụ mua quan bán chức thông qua ông ta đã khiến nhiều người phục vụ chính quyền miền Nam thấy rõ mồn một. Ngô Đình Thục không còn là một nhà tu hành nữa. Chính ông ta là người cố vấn cho Diệm bãi bỏ lễ giỗ quốc tổ Hùng Vương.

Chỉ là một giám mục nhưng Ngô Đình Thục lại đủ uy quyền ra lệnh cho quân đội (Việt Nam Cộng hòa) mang xe thiết giáp bảo vệ cho đàn em khai thác gỗ lậu ở các vùng rừng Biên Hòa, Long Khánh; ngang nhiên ra lệnh mở kho tài sản của chính quyền lấy vật liệu xây dựng những công trình kiến trúc cho nhà thờ Công giáo. Nhận thấy Ngô Đình Thục có đủ thực quyền đập đổ mọi dư luận, nhiều vị linh mục đã “theo đóm ăn tàn”. Ông Bảy Bê ở Đức Hòa, Long An, chỉ là một nông dân giữ nhiệm vụ “ông biện” cho nhà thờ ấp Lập Điền - một nhà thờ nhỏ trong vùng nông thôn. Ông Bảy Bê là người thân tín của một vị linh mục họ đạo. Chỉ vậy mà mỗi chủ nhật, vị tỉnh trưởng Hậu Nghĩa đều mang quà, rượu đến nhà ông Bảy Bê nhậu nhẹt để cầu cạnh.

Thời đó, linh mục bắt nạt các quận trưởng là chuyện thường. Một ai đó bị vu là Cộng sản bị bắt, chỉ cần một vị linh mục đứng ra bảo lãnh là được thả ngay.

Giới Công giáo có quyền lực đến nỗi nhiều người dân muốn kiện cáo, kêu oan không cần gửi đơn đến chính quyền mà gửi cho vị linh mục họ đạo hoặc tòa giám mục. Phi lý như vậy nhưng lại hiệu quả. Chỉ cần vị linh mục, giám mục phê vào đơn là vị đại diện chính quyền phải chấp hành răm rắp.

Chính Ngô Đình Thục cũng thừa nhận trên một tờ tạp chí tuyên truyền của Công giáo 15.4.1963, rằng trên bàn giấy của ông luôn có một chồng đơn xin can thiệp cho họ những chuyện thế tục. Ông cũng thừa nhận rằng, hầu hết những lá đơn đó, ông đều thò tay can thiệp với chính quyền.

Trụ sở xã là nơi chính quyền làm việc nhưng các vị linh mục, khi cần, có thể trưng dụng cho mọi cuộc truyền đạo, giảng đạo mà các xã trưởng không dám ho he lên tiếng ngăn cản.

Thời đó, khi các vị linh mục cần tiền làm việc gì đó, chỉ cần tổ chức bán vé xổ số “tombola”. Tombola là một hình thức vận động quyên góp tiền có thưởng. Người ủng hộ sẽ được phát một

tấm phiếu ghi nhận số tiền đóng góp, trên đó có đánh dấu số thứ tự. Kết thúc cuộc quyên góp, ban tổ chức sẽ quay chọn số. Tấm phiếu ghi nhận tiền quyên góp có số trùng với số xổ sẽ nhận được một phần quà hoặc khoản tiền trúng số với giá trị tương ứng. Thông thường, những cuộc xổ số như vậy phải xin giấy phép rất nhiều khế. Nhưng với các vị linh mục thì không cần xin. Ấy vậy mà khi đi bán số tombola, các linh mục cứ nhắm đến các quận trưởng, xã trưởng nhờ bán. Ôm một đồng vé, đi bán thì chẳng ai thèm mua, không bán thì méch lòng các vị con trời, các quận trưởng, xã trưởng đành xuất công quỹ ôm trọn. Ai đã từng làm xã trưởng dưới chế độ Ngô Đình Diệm, ít nhất cũng được dịp “bán” tombola một lần.

Có lần lấy cơ lập quỹ hỗ trợ trường Đại học Đà Lạt, Ngô Đình Thục cử người đến ngân hàng Thương Tín để xin vay tiền khai thác kinh doanh xuất khẩu gỗ lậu. Người đại diện ngân hàng Thương Tín đã từ chối vì việc làm ăn phi pháp này.

Tin đến tai Ngô Đình Diệm. Đích thân Tổng thống Việt Nam Cộng hòa yêu cầu vị đại diện ngân hàng Thương Tín phải cho người của Thục vay. Yêu cầu của Diệm vẫn bị từ chối. Ít lâu sau, người dám từ chối yêu cầu của Diệm bị thay thế vị trí công tác - một kiểu cách chức khéo léo. Người mới được bổ nhiệm vị trí đại diện ngân hàng Thương Tín, tất nhiên, tuân lời Diệm, hỗ trợ tối đa cho đám thuộc hạ của Thục.

Không thể nói khác rằng, Ngô Đình Thục có tham vọng Công giáo hóa toàn bộ cái gọi là “nền Đệ nhất Cộng hòa”. Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền của Công giáo. Ngoài Công giáo, các tôn giáo khác đều bị Thục xem như tà đạo.

Đỉnh điểm của những việc làm “sâu dân một nước” là lễ kỷ niệm 25 năm thụ phong giám mục của Ngô Đình Thục, tức lễ “ngân khánh” được tổ chức tại Sài Gòn vào năm 1963.

Ngô Đình Thục đã trắng trợn bắt các tỉnh trưởng, các công chức cao cấp nộp tiền “mừng”. Chuẩn bị cho cái lễ đầy tai tiếng này, ông ta lấy tư cách “anh tổng thống” lệnh cho Chủ tịch Quốc hội (Việt Nam Cộng hòa) thành lập một “ủy ban ngân khánh” gồm các vị bộ trưởng. Ủy ban này quy định mỗi người khách tham dự phải mua 1 vé giá 5.000 đồng (thời giá bấy giờ tương đương 500kg gạo).

Với sự triệu tập của Chủ tịch Quốc hội, những vị quan chức muốn yên thân không thể không dự lễ. Không cần nói ra, ai cũng hiểu những kẻ không dự lễ sẽ được “ủy ban ngân khánh” ghi vào sổ tay và con đường thăng tiến sẽ leo lét như thế nào. Một chính quyền chính nghĩa, liệu có chấp nhận được điều này? Diệm - một tổng thống - chấp nhận. Chấp nhận như đó là một sự hiển nhiên. Và đó là một mồi lửa nhỏ trong số nhiều mồi lửa châm ngòi cho biến cố Phật giáo. Có những vị công chức ở miền Nam thời đó có ý thức yêu nước chân chính nhưng vì “mù” chính trị, “thờ” nhằm nhà Ngô, qua chân tướng Thục đã tỉnh ngộ chạy vào vùng kháng chiến hoặc ngấm ngầm nuôi dưỡng ý đồ lật đổ chính quyền.

Từ những kiểu tác oai tác quái của Thục đã làm những người dân an phận nhất cũng phải lên tiếng, thậm chí những kẻ đã từng đội ơn Diệm cũng phải bất mãn. Qua báo chí, dư luận thế giới lên tiếng, Mỹ bắt đầu nhận ra Diệm đang lôi ông anh Công giáo vào diễn chung trên sân khấu chính trường. Điều này không có trong kịch bản của Mỹ. Một diễn viên hợm hĩnh không thể làm

tròn vai trò chính, cần phải thay. Không ai thích cưỡi một con ngựa mà con ngựa ấy không chạy theo ý chủ mà chạy theo ý con ngựa đầu đàn.

Mỹ đưa Cabot Lodge sang Việt Nam mang theo những thông điệp màu tang của Nhà Trắng dành cho anh em nhà Ngô.

Không biết lưỡi hái đang lơ lửng trên đầu, Ngô Đình Thục vẫn đường hoàng đến Vatican cầu cạnh vào tháng 9.1963. Lần này, Đức Giáo hoàng không đếm xỉa đến mặt ông. Ông đâu biết rằng, chính Vatican - vốn là đồng đạo diễn với Mỹ - cũng quá ngán cái trần tục lộ liễu của ông.

Ngô Đình Thục bị “người nước Chúa” lột sạch thánh quyền. Còn 2 ông em thiếu năng của ông thì “về” nước Chúa ngay trong cuộc đảo chính ngày 1.11.1963.

Người dân lại có dịp bàn tán về sự cố liên quan đến tâm linh xảy ra vào năm 1957. Đó là việc sét đánh thẳng vào ngôi mộ của đại thần Việt gian Ngô Đình Khả. Nhiều người thì thảm bảo nhau, trời có mắt.

Mãi cho đến sau năm 1975, Ngô Đình Thục mới được phục chức giám mục và cho về an trí ở một viện dưỡng lão ở Missouri và qua đời vào ngày 13.12.1984.

Đối với Ngô Đình Thục, dân gian miền Nam có câu rao đạo đầu bài vọng cổ ghi tạc, đề đòi:

“Ngô Đình Thục háo danh thêm chức tước,

Tiếm loạn quyền nên cả nước khinh khi,

Tu hành gì mà gian ác sân si!

Thế mà vẫn nghiêm nhiên làm giám mục...”

Chương 4: NGÔ ĐÌNH NHU

Ngô Đình Nhu sinh ngày 7.10.1910 (có tài liệu ghi sinh ngày 5.10.1910 hoặc năm 1911) tại làng Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Từ nhỏ Ngô Đình Nhu đã bị gởi vào Tiểu chủng viện An Ninh, Quảng Trị để tu học nhưng chỉ một thời gian không chịu nổi cuộc sống khắc khổ nên Nhu hồi tục. Thấy con không theo nước Chúa được, Ngô Đình Khả tiếp tục cho Nhu đi du học nền giáo dục của Pháp.

Nhu tốt nghiệp cử nhân Văn chương tại Đại học Sorbonne ở Paris và học tiếp tại Học viện hàn lâm Chartes.

Không thể phủ nhận sức học và sự uyên thâm của Ngô Đình Nhu. Bởi thời đó, Học viện Chartes có môi trường giáo dục khắc khe nhất về kiến thức. Các giảng viên của học viện đều là những giáo sư hàn lâm tên tuổi. Mức độ tuyển đầu vào của học viện khắc khe đến nỗi hàng ngàn thí sinh dự thi nhưng chỉ tuyển vài chục. Vì vậy, cả trường chỉ khoảng 100 sinh viên, mỗi khóa chỉ tuyển vài

lớp và mỗi lớp không quá 20 sinh viên. Sinh viên học viện chỉ sử dụng ngôn ngữ Latinh, phải am tường các loại cổ tự và được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính pháp quyền, dân quyền và quản lý kho kiến thức của nhân loại. Ấy vậy mà ông Nhu tốt nghiệp thủ khoa. Khi trở về Việt Nam, ông được bổ nhiệm ngay vào chức quản thủ thư viện (tương đương chức vị viện trưởng) của Tổng thư viện Đông Dương ở Hà Nội. Thời đó, người uyên bác sâu rộng kiến thức mới được bổ nhiệm chức vị đó.

Khi làm việc tại Tổng thư viện Đông Dương, Ngô Đình Nhu làm việc cần mẫn và được hưởng thụ nhiều tác phẩm kinh điển của nhân loại. Ông là một mẫu công chức có kiến thức, có lòng mẫn cán và an phận với công việc. Chẳng ai nghe ông đụng chạm chút xíu nào đến chính trị.

Thế rồi, đại chiến thế giới thứ 2 bùng nổ, Việt Nam cũng bị ảnh hưởng, các biến cố chính trị xảy ra dồn dập. Trong thời buổi nhập nhem, loạn lạc đó, nhiều kẻ thất cơ lỡ vận ngủ một đêm sáng dậy bỗng thấy mình trở thành chính trị gia. Ông Nhu thuộc loại này.

Là người có kiến thức rộng, thấy các anh, nhất là anh Diệm hồ hởi ủng hộ phe này phái kia nhưng hoàn toàn ngu dốt về tình hình thế giới, Nhu tham gia hót hóng theo kiểu vô công rồi nghề chứ không hẳn là một chính trị gia.

Năm 1944, khi mật thám Pháp ngửi thấy mùi Diệm ủng hộ Nhật thông qua Cường Để đã tổ chức bủa vây bắt Diệm lẫn Nhu. Diệm chạy một nơi, Nhu chạy một nẻo. Nhu bị lòng bắt vì tội “hứng chuyện”. Để tránh sự truy lùng của Pháp, Nhu nhủi về vùng Công giáo Phát Diệm ở ngoại thành Hà Nội. Dịp đó, ông được quen với Trần Kim Tuyến. Khi đó Tuyến chỉ là một gã thanh niên mới tốt nghiệp tú tài, vô công rồi nghề.

Trần Kim Tuyến đã giúp Nhu trốn về vùng vùng Công giáo Thanh Hóa. Sau này, nhờ “công trạng” đó, Diệm giao cho Tuyến quản lý cơ quan mật vụ trung ương trong chính quyền. Nhu trốn ở vùng Công giáo Thanh Hóa một thời gian rồi lần đường về miền Nam, khi thì trú ở Vĩnh Long với ông anh tổng giám mục, khi thì vào Sài Gòn ở với ông em Ngô Đình Luyện. Nhu sợ chết đến nỗi phải khoác áo choàng đen giả linh mục để chạy trốn. Và đó là thành tích chống Pháp của Nhu.

Lúc làm ở Tổng thư viện Đông Dương, Nhu kết bạn với một luật sư tên Trần Văn Chương cũng là một trí thức Pháp gốc Việt. Ông Trần Văn Chương đã bị Pháp hóa hoàn toàn đến nỗi những thành viên trong gia đình nói tiếng mẹ đẻ không rành. Họ chỉ sử dụng ngôn ngữ Pháp.

Ông Chương là con trai của Tổng đốc Nam Định triều vua Khải Định. Ông Chương có vợ là Thân Thị Nam Trân. Cha vợ ông Chương là Thân Trọng Huề - một đại quan triều Nguyễn và cũng là phò mã của Kiên Thái Vương. Và Thân Thị Nam Trân là em cùng cha khác mẹ với vua Hàm Nghi.

Trần Lệ Xuân là thứ nữ của ông bà Chương. Trần Lệ Xuân có một chị tên là Trần Lệ Chi và một em trai là Trần Văn Khiêm.

Sinh năm 1926 trong một gia đình danh gia vọng tộc, ăn cơm Việt nhưng thờ “mẫu quốc” Pháp, Trần Lệ Xuân đã quen với thói đi trên đầu thiên hạ từ nhỏ, đòi gì được nấy. Thậm chí đòi lấy bạn tâm giao của cha mình làm chồng cũng được chịu nổi.

Năm 1943, Trần Lệ Xuân được 17 tuổi, vừa học đến lớp đệ tam (tức lớp 9 theo hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm thời đó) tại trường Allbert Sarreau thì bỏ học vì gặp Nhu. Ngô Đình Nhu lúc đó đã 33 tuổi.

Lúc đó, Nhu thường đến nhà bạn là luật sư Chương để nói chuyện khoe kiến thức. Nhờ vậy, Nhu có dịp làm quen và tiếp xúc với cô con gái rượu của ông bạn này. Sự lâu lành kiêu gái tây và vẻ đẹp kiều gái ta của cô cháu Lệ Xuân đã hợp hồn ông chú Nhu đến nỗi ông chú Nhu phải đòi lại rượu cầu hôn từ gia đình của cô gái tội nghiệp Nguyễn Thị Nghĩa, em gái của Nguyễn Đệ (sau là Đồng lý Quốc trưởng của chính quyền Bảo Đại).

Một thời gian ngắn sau, Nhu nhờ hai ông anh là tổng đốc Ngô Đình Khôi và giám mục Ngô Đình Thục xách rượu lễ đi Hà Nội xin cưới Trần Lệ Xuân. Quá sung sướng, Trần Lệ Xuân vội vã cải đạo Phật và xin vào đạo Công giáo ngay sau đó.

Lễ cưới của Nhu và Xuân được tổ chức hoành tráng giữa lòng Hà Nội mặc cho chiến tranh và chính sự đang sôi sục khắp nơi. Lễ cưới lại nghi lễ giữa tây và ta lộn xộn bởi hai họ thuộc hai lối sống khác nhau. Một bên là thủ cựu bài tân, một bên là tổng cựu nghinh tân. Một bên là Phật giáo chính tông, một bên là Công giáo toàn tông. Cưới xong, họ nhà trai rước cô dâu về quê chồng ở Phú Cam, Huế. Chính thời gian trăng mật này, Nhu tham gia hóng chuyện chính trị của Diệm và bị Pháp truy lùng săn đuổi. Trần Lệ Xuân đành ở lại quê chồng Phú Cam làm dâu.

Thời gian lẩn trốn này, tại khu công giáo Phát Diệm ở Thanh Hóa, lần đầu tiên Nhu tiếp cận được một nhóm “chí sỹ” là Lê Quang Luật, Hoàng Bá Vinh. Nhóm này vừa thành lập một đảng phái lấy tên Xã hội Công giáo. Sau này khi đã có thực quyền, Nhu tước đoạt và biến thành Đảng Cần lao theo chủ thuyết của riêng của ông. Vì nhiều lý do, người ta đành chấp nhận ông Nhu là người sáng lập. Thật ra, lúc đó, ông Nhu chưa có mùi mẽ chính trị trong người mà chỉ là một kẻ trí thức lơ vắn.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, Ngô Đình Diệm bị Nhật bỏ rơi, Nhu cuốn quần áo về Đà Lạt cùng vợ chấp nhận cảnh sống thất nghiệp. Từ một tiểu thư khuê các, Trần Lệ Xuân bắt đầu lặn xả vào giới bình dân kiếm tiền nuôi cơm trắng, thuốc lá đen cho chồng. Mộng chính trị của Nhu vừa đủ làm đề tài sau những bữa cơm tẻ nhạt với bạn bè quen biết ở xứ sương mù, lạnh lẽo này. Nếu không có sự tài trợ của ông anh làm tổng giám mục giáo xứ Vĩnh Long thì có lẽ vợ chồng Nhu cũng thành phường giá áo túi cơm trong cảnh bần cùng.

Chính giai đoạn một tay nách con, một tay chạy chợ này, Trần Lệ Xuân bắt đầu có thói quen ăn hiếp chồng và biết sử dụng ngôn từ hàng rau hàng thịt.

Đến năm 1952, cái gia đình vợ thịnh chồng suy của Nhu gần như tề liệt vì nghèo túng. Bà Nhu thừa nhận rằng, bà phải đem món nữ trang cuối cùng là chiếc vòng cổ hồi môn khi lấy chồng đem đi bán để có cơm ăn. Cơ cực đến nỗi có dạo bà Nhu đòi tự tử để làm nư với ông chồng vô tích sự, chẳng biết làm gì ngoài việc trầm tư thất chí và “ăn cơm nhà kể cả chuyện thế giới”. Nếu sau này không có ông anh làm tổng thống thì xã hội Việt Nam chẳng bao giờ có dịp biết vợ chồng Nhu - Xuân là ai, bởi họ chẳng có gì nổi bật.

Họ cũng chẳng có chút may mắn tư chất về hoạt động chính trị. Bà Nhu cũng chẳng có gì đặc biệt hơn bao nhiêu phụ nữ quần đen, áo trắng khác. Nếu bà là một nữ chính trị gia lỗi lạc thì giai đoạn này, bà phải làm gì nhiều hơn việc cam phận nuôi chồng.

Nếu ông Nhu không được ông Diệm dời về dinh Độc Lập nuôi cơm thì bà Nhu không có dịp khua môi múa mép để giành lấy danh xưng “Đệ nhất phu nhân” – mà cái danh xưng này chỉ dành cho vợ tổng thống.

Và chính Trần Lệ Xuân đã góp phần nhấn sâu chế độ Diệm xuống tận đáy căm phẫn của dư luận thế giới.

Khi Diệm đã được Mỹ đặt an vị vào vai trò thủ tướng của chính quyền Bảo Đại, hai vợ chồng Nhu – Xuân chỉ là kẻ báo cô trong nhóm anh em Ngô Đình.

Vai trò cố vấn lúc đó, được Diệm giao cho Ngô Đình Luyện, em rể Nhu – là một kỹ sư canh nông được đào tạo tại Pháp. Luyện là bạn đồng liêu với Bảo Đại. Vì vậy, Luyện được Diệm giao nhiệm vụ sang Pháp gặp Bảo Đại thương lượng “mua” cái chức thủ tướng.

Nhân lúc Luyện vắng mặt, Nhu nhảy vào giành lấy căn phòng trong dinh Độc Lập để ở cho sang chứ không phải để giành cái chức “cố vấn”. Khi Luyện trở về, Diệm đành phải xếp Luyện ra căn nhà nhỏ ngoài vườn của dinh.

Lúc này, mặt ngoài, Diệm quỳ gối trước Bảo Đại thề sống chết trung thành với nhà vua, bên trong đã tính chuyện lật đổ tiềm quyền. Vì vậy, Diệm nhờ Luyện sang gặp Bảo Đại xin Bảo Đại ra giá. 20 triệu đô la là cái giá Bảo Đại đòi hỏi Diệm. Với Bảo Đại, cái giá này tương đối rẻ. Bởi, không cần Diệm, hệ thống sông bài của Bảy Viễn cũng đã cúng hụi chết đều đặn cho Bảo Đại hàng tháng cả triệu đô la. Nếu không có sự can thiệp của Mỹ, chưa chắc Bảo Đại chịu bán giá hời như thế.

Tuy nhiên sự mau bán này bất thành.

Nhờ được vào ở trong dinh Độc Lập gần với ông anh, Nhu đã hiến kế cắt nguồn thu nhập quan trọng nhất của Bảo Đại. Đó là tiền đánh Bảy Viễn. Bảo Đại mất Bình Xuyên, tức là mất nguồn tài trợ ăn chơi. Khi nguồn tài trợ cũ bị mất, Bảo Đại sẽ chấp nhận bán chính quyền cho Diệm bất kỳ giá rẻ thế nào. Thế nhưng, sau khi Bảy Viễn tan tác, Bảo Đại đã chấp nhận giá bán, nhận thấy Mỹ cử một viên đại tá tình báo chuyên gia về lật đổ, đảo chính sang, Nhu xúi Diệm lật lọng phi vụ mua chính quyền từ tay Bảo Đại.

Nhờ bài bản của chuyên gia đảo chính CIA, Nhu và vợ, Ngô Đình Thục rộn rịp đi rao tin truyền tai để bom “chí sỹ Ngô Đình Diệm” lên tận trời xanh. Những huyền thoại ca ngợi Ngô Đình Diệm được Trần Lệ Xuân vận động theo kiểu hàng tôm hàng cá, rỉ tai, một thành mười, mười thành trăm đã tỏ ra hiệu quả hơn mong muốn. Trần Lệ Xuân đã sử dụng tiền Mỹ viện trợ ngầm thuê mướn người tham gia tuần hành tung hô Ngô Đình Diệm để chuẩn bị cuộc trưng cầu dân ý bịp bợm. Thế là không cần tốn tiền mua chính quyền từ tay Bảo Đại, anh em họ Ngô Đình được Mỹ hậu thuẫn cướp thẳng tay. Bảo Đại mất trắng.

Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân được Diệm ưu ái từ khi đó. Ngô Đình Luyện bị giành vị trí cố vấn, đành im lặng nhìn tiếng xếp khăn gói ra châu rìa để rồi sau này được Diệm đưa ra nước ngoài làm đại sứ. Ngô Đình Luyện là người cởi mở, thích giao du với bạn bè, thích đi ngao du đây đó. Ông thích làm vai trò “đại sứ” để được đi du lịch miễn phí khắp thế giới. Ông hoàn toàn không tham chính. Sau khi người vợ cả qua đời, ông không “bước thêm” mà dậm chân tục huyền với em vợ. Có lẽ do xấu hổ, bà vợ sau ít về Việt Nam mà sống ở nước ngoài nhiều hơn. Sau năm 1963, ông Luyện sống khiêm tốn ở Paris với nghề dạy học cho các trường trung học tư thực và chết già trong cảnh khéo ăn mới no khéo co mới ấm.

Nhiều người từng làm việc trực tiếp với Ngô Đình Diệm nhận định rằng Diệm là một kẻ lừng khừng, không quyết đoán và gần như dốt về mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Quan niệm của Diệm về hành chính giống kiểu vua quan phong kiến. Diệm làm được là nhờ 2 cố vấn chính: Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân. Vì vậy, nhiều người cho rằng, Diệm mang tiếng là tổng thống nhưng thực ra, Nhu mới là kẻ điều hành chính quyền. Còn Trần Lệ Xuân nghiêm nhiên trở thành nhân vật ngoại giao thay tổng thống nhờ mồm loa mép dài.

Cũng cần nhìn nhận rằng, Diệm là một kẻ thích ra vẻ quân tử Tàu nhưng lơ ngơ. Những quyết sách tàn ác của Diệm không do Diệm đề ra. Nhu mới là tác giả chính nhưng ẩn dưới tên Diệm.

Ông Thục là người đẩy Diệm vào vị trí chính trị cho gia đình. Ông Nhu là kẻ điều hành chính quyền cho gia đình và Trần Lệ Xuân là phát ngôn cho gia đình. Chính quyền Ngô Đình Diệm là một chính quyền của gia đình Diệm chứ không phải của dân chúng. Diệm là con rối cho Mỹ và là mặt nạ của 3 nhân vật gia đình đầy tham vọng đó.

Ông Nhu là loại người bí hiểm, ít nói, thường mặc loại áo bốn túi bỏ vạt ngoài quần. Khi dự lễ đặc biệt mới trông vào người bộ vestone. Kết thúc lễ, ông cởi phăng ra ngay. Có lẽ thời gian thiếu đói, sống bình dân quá dài ở Đà Lạt đã ảnh hưởng đến cách ăn mặc. Ông không cười to và cố giữ nụ cười vừa đủ để người ta thấy đó là cái nhếch mép, cái nụ cười nhạt nhẽo, khinh thị. Gương mặt luôn ra vẻ đang suy nghĩ điều gì lung lăm khiến người ta cứ có cảm giác ông là một gã chồng bị vợ cầm sừng.

Với vẻ ngoài kém cởi mở cộng thêm quyền uy do Diệm trao, ông Nhu đã khiến những người đối diện luôn e ngại và sợ hãi. Thật ra, về danh chính, ông Nhu chẳng có chức tước gì trong Phủ Tổng thống của Diệm. Ngạch lương cũng không có. Cái chức “cố vấn” là do Diệm tự đặt ra cho ông em. Hễ vị quan chức nào cần trình ký một quốc sách, Diệm đều yêu cầu mang sang cho Nhu xem trước. Kỳ thật, nếu Diệm có xem cũng chẳng hiểu gì và chẳng biết làm thế nào cho đúng. Diệm cần Nhu xem để giải thích và tư vấn quyết sách. Dần dà, Nhu trở thành cố vấn thứ thiệt. Về ngôn thuận thì Nhu là em ruột tổng thống. Anh em có thể hỏi ý kiến nhau nhưng chẳng có định chế đất nước nào cho phép đem chuyện đại sự của quốc gia bàn luận cùng gia đình chỉ trừ vua chúa thời trung cổ.

Từ năm 1956, khi đã có quyền lực trong dinh Độc Lập, ông Nhu bắt đầu tổ chức phát triển chi nhánh Đảng Cần lao để làm chỗ dựa chính trị cho chính quyền Diệm. Thế là thời Diệm có 2 thể chế chính trị song hành: Đảng Cần lao và Công giáo.

Các công chức từ cao đến thấp đều phải vào Đảng Cần lao để có cơ tiến thân. Chỉ trong một thời gian ngắn, đảng này từ con số hơn 10.000 người đã tăng nhanh lên 1,5 triệu người. Đa số được kết nạp theo kiểu... gặt đầu là trở thành đảng viên Cần lao, không gặt đầu là theo Cộng sản.

Đảng Cần lao mang chủ thuyết Nhân vị - một chủ thuyết xào nấu lại, Việt hóa và duy vật hóa từ một chủ thuyết của Emmanuel Mounier - một chủ thuyết của trường phái duy tâm thuộc Công giáo Pháp.

Đến năm 1958 Ngô Đình Nhu thành lập thêm một tổ chức gọi là Đoàn Thanh niên Cách mạng hay còn gọi là Thanh niên Cộng hòa để đào tạo nhân sự cho Đảng Cần lao Nhân vị của ông. Thực ra, đây là đội ngũ mật vụ không lương của Nhu. Những đoàn viên mật vụ này là vệ tinh của những mật vụ có hưởng lương, mà Nhu là lãnh đạo tối cao. Tính đến năm 1960 đã có hơn 116.000 thành viên mật vụ không chuyên rải khắp các miền quê, vùng sâu, vùng xa của miền Nam.

Khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chủ thuyết Nhân vị một đạo sôi sục lời ca tụng tán dương đã theo Ngô Đình Nhu xuống địa ngục không còn cơ hội nhỏ để truyền đời.

Ông Nhu cũng là đạo diễn cái gọi là quốc sách áp chiến lược chứ không phải Diệm. Trong cái gọi là quốc sách này, hầu như Diệm chỉ đóng vai trò thừa lệnh ông em Ngô Đình Nhu.

Với kiến thức sâu rộng, Nhu nhìn rõ và đánh giá đúng về Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông cũng nhận rõ vị trí nguy chính quyền mà ông anh đang ngồi ghế tổng thống. Khi đánh hơi thấy Mỹ muốn hất anh mình ra khỏi ghế tổng thống, Nhu đã từng có ý thương thuyết với chính quyền miền Bắc nhưng chưa kịp thực hiện.

Ngoài ra ông Nhu còn đề ra cái gọi là “Phong trào Cách mạng Quốc gia” rải đều xuống tận thôn ấp các cơ sở trên toàn miền Nam. Ban chấp hành phong trào gồm những vị tai to mặt bự của chính quyền. Nhu thiết chế một chương trình hoạt động cho phong trào này mang tên “cộng đồng tự lực”. Với chương trình đó, người dân phải tố cáo lẫn nhau.

Ông Nhu còn là người sáng lập ra, đồng thời là chủ tịch Ủy ban Liên bộ đặc trách áp chiến lược từng gây phản ứng mạnh mẽ trong dư luận nhân dân.

Tuy không là một cán bộ chính ngạch trong chính quyền Diệm nhưng vào tháng 4.1954, Ngô Đình Nhu cũng được CIA cử một nhân viên tên Paul Harwood sang làm cố vấn riêng. Harwood đóng vai một nhân viên của Bộ Ngoại giao Mỹ làm việc trong tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn. Harwood trở thành người thân của Nhu và nhận làm cha đỡ đầu cho Ngô Đình Lệ Thủy - con gái đầu lòng của Nhu.

Mỹ cũng cần có Nhu trong chính quyền Diệm.

Chương 5: “RÒNG CÁI ĐỒNG DƯƠNG”

Lady dragon là cái tên mà giới báo chí và chính khách phương Tây gọi Trần Lệ Xuân một cách mỉa mai.

Từ thuở còn là tiểu thư nhà họ Trần cho đến lúc về làm dâu nhà họ Ngô Đình rồi theo chồng sống cam chịu cảnh nghèo tại Đà Lạt, chưa ai từng thấy Trần Lệ Xuân có năng khiếu chính trị và cũng chưa ai thấy bà tham gia bất kỳ một cuộc cách mạng nào, kể cả cách mạng mồm. Thuở đó, người ta còn thấy mỗi khi Ngô Đình Nhu tiếp cơm khách tại nhà, bà đứng khoanh tay hầu chứ không dám ngồi chung. Cho đến khi nghe tin Ngô Đình Diệm được Bảo Đại bổ nhiệm làm thủ tướng, Trần Lệ Xuân được chồng phân công dùng khả năng mồm loa mép dài đi vận động các bà, các cô ở chợ và vợ các sỹ quan tướng lĩnh trưng cò, khẩu hiệu đi đón Diệm ở sân bay. Chiêu thức tung hô để tạo thương hiệu cho Ngô Đình Diệm là một phần kịch bản của Mỹ. Người Mỹ muốn đánh bóng bộ lông hào nhoáng cho con ngựa họ sắp cưỡi. Trần Lệ Xuân đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ vận động, hô hào để cuộc tiếp rước Diệm tại sân bay Tân Sơn Nhất trở thành một sự kiện.

Tuy thành công trong cuộc biểu tình tung hô Ngô Đình Diệm, Trần Lệ Xuân vẫn chưa được chú ý nhiều.

Khi Ngô Đình Diệm bắt đầu thực hiện chiến dịch giải tán lực lượng Bảy Viễn để cắt nguồn thu nhập của Bảo Đại, Trần Lệ Xuân lại có dịp khoe tài mồm mép của mình. Bà đã thuyết phục lực lượng lao động thông qua Tổng Liên đoàn Lao công đi biểu tình nhằm tạo thanh thế cho Diệm, chửi rủa Bảy Viễn và hạ uy tín Bảo Đại. Người ta thấy bà te tái dẫn đầu đoàn biểu tình, tay giương cao biểu ngữ, ngoác mồm hô khẩu hiệu: Đả đảo Bình Xuyên, đả đảo! Đả đảo Nguyễn Văn Hinh, đả đảo! Đả đảo Bảo Đại, đả đảo! Hoan hô chí sỹ yêu nước Ngô Đình Diệm, hoan hô!

Hình ảnh một phụ nữ xinh đẹp, méo mồm hô khẩu hiệu đã được tất cả các tờ báo cả tây lẫn ta trưng lên trang đầu. Trần Lệ Xuân khởi đầu tham gia chính trường như thế.

Trình độ học vấn chỉ vừa chạm đến lớp đệ tam, lấy chồng khi vừa 17 tuổi, lại gặp cảnh bần hàn cơ cực, Trần Lệ Xuân rời nếp sống trường giả lao vào cuộc mưu sinh nuôi ông chồng thất chí. Thế là bà thích nghi ngay với môi trường sống tôm bay tép lặn của giới bình dân. Vì vậy, bà làm chính trị theo kiểu chợ búa. Môi trường chính trị xôi thịt của cái gọi là chính quyền Việt Nam Cộng hòa đầy rẫy những phe phái hỗn độn như một cái chợ chồm hồm hóa ra phù hợp với tính cách chợ búa của bà hơn là kiểu làm chính trị kinh điển của các học giả, chí sỹ có kiến thức uyên thâm. Chả trách bà sử dụng nhiều ngôn từ bình dân trong chính trị.

Có đạo, linh mục Hồ Văn Vui - một người đã từng ủng hộ Ngô Đình Diệm thuở ban đầu - lên tiếng phản ứng về cuộc trưng cầu dân ý bịp của Diệm, Trần Lệ Xuân lên đài phát thanh phản biện. Trong bài diễn văn phản biện, bà gọi các vị linh mục là “đám quạ đen”.

Khi các ông tướng của Bảo Đại đối đầu với nhóm “Hội đồng Nhân dân Cách mạng” do Lansdale và Ngô Đình Nhu tổ chức hậu thuẫn cho Diệm tại dinh Độc Lập ngày 30.4.1955, bà gọi những ông tướng này là “đám Tây con” (Hãy đuổi cổ đám Tây con này về Pháp!).

Có lần, khi họp ban cán sự cái trò hề “Phong trào phụ nữ liên đới”, một bà nọ đi trễ đã thanh minh rằng vì phải tiếp một vài chính khách Mỹ ghé thăm. Bà Nhu xỏ ngay: “Tiên sư cha mấy thằng Mỹ!” trước mặt nhiều mệnh phụ phu nhân khác.

Trong vụ dự thảo bộ luật gia đình, khi các vị dân biểu lên tiếng chống đối, bà đã thẳng thừng chửi các vị này là đồ “hèn” trước quốc hội trước khi xô ghế bỏ về. Ấy vậy mà sau khi bị báo chí la ó rùm beng, bà cải chính rằng, bà chỉ nói các ông dân biểu “thất hèn”. Không ai biết trong số hàng trăm dân biểu đó, ai đã hèn hò với bà rồi cho bà leo cây? Cách cải chính của bà càng làm người ta cười mũi.

Khi nghe tin hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cầu nguyện hòa bình và phản đối Ngô Đình Diệm thì Trần Lệ Xuân thông qua hệ thống truyền thông gọi vị sự tự thiêu này là “món thịt thầy chùa nướng”.

Với cha đẻ mình là ông Trần Văn Chương, Trần Lệ Xuân cũng xài ngôn ngữ chợ búa nót. Sau khi nghe tin con gái chửi các nhà sư, ông Chương – lúc ấy là Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Mỹ, vốn là tín đồ Phật giáo – đã lên tiếng với báo chí thế giới xin lỗi các vị hòa thượng vì “con gái tôi đã vô lễ với các nhà tu hành”. Bà “phản pháo” với cha qua các bài phỏng vấn của cơ quan truyền thông quốc tế. Trong các bài trả lời phỏng vấn đó, bà gọi cha là “y” và chửi ông Chương là “kẻ phản bội”.

Xinh đẹp, ăn nói lưu loát, dẻo mồm, nếu Trần Lệ Xuân cam phận với vai trò một người phụ nữ nội trợ thì anh em Ngô Đình giảm được tiếng dè bieu của dư luận quốc tế được một nửa. Nếu bà im lặng, có lẽ người ta không nhận diện rõ rệt cái chất độc tài, phong kiến, gia đình trị của anh em Ngô Đình. Nhờ ngôn từ và những việc làm ấu trĩ của bà, người ta có cơ sở để đánh giá đúng điều đó.

Trong khi Ngô Đình Diệm muốn lấy lòng quần chúng bằng cách cổ xúy tinh thần dân tộc qua cách chọn áo dài khăn đóng làm quốc phục thì Trần Lệ Xuân lại cổ xúy cho một thời trang áo dài hở cổ, lộ ngực. Bà đã làm lộ tẩy tính chất phi dân tộc của “Ngô triều”.

Trong phòng làm việc của ông “có vấn” Nhu ở dinh Độc Lập, một bức họa truyền thần bán thân của bà Nhu treo trang trọng trên tường. Điểm đáng chú ý là bức truyền thần đó lột tả chân dung bà mặc chiếc áo cánh lụa mỏng, lồ lộ bộ ngực như một diễn viên điện ảnh Hollywood. Nếu một diễn viên điện ảnh, một cô cave trưng bức họa như vậy, không ai bàn tán. Nhưng bức họa một nữ sinh được vẽ như thế sẽ bị phê phán, huông gì bà là một “Đệ nhất phu nhân”? Bởi khi ấy bà là chủ tịch của cái gọi là “Phong trào phụ nữ liên đới” và cũng là tác giả của các đạo luật cấm ly dị, cấm nhảy đầm, cấm phụ nữ ăn mặc hở hang.

Khi đã ngồi vắt vẻo trên bệ tốt đỉnh quyền lực trong dinh Tổng thống, bà cũng lên đỉnh điểm của bệnh cuồng vĩ. Có lần, một viên sỹ quan hầu hạ Diệm mãi lo chào đón một phái đoàn Mỹ đến dinh Độc Lập đã không giờ tay chào bà theo quân cách, ngay sau đó, bà “méc” với Ngô Đình Diệm rằng viên sỹ quan nọ đã xem thường bà. Diệm phải giải thích chống chế rằng, viên sỹ quan đó là quân nhân nên chỉ chào quân nhân.

Có lần ông Palmer – Phó đại sứ Mỹ tại Sài Gòn - mời vợ chồng ông Nhu và một vị tổng giám đốc ngân hàng, cố vấn tài chính của Diệm dùng cơm tối chung. Bà Nhu đã khó chịu nói với vị phó đại sứ Mỹ là, cương vị của bà bị xúc phạm vì ngồi ăn chung với vị tổng giám đốc ngân hàng nọ (chức vụ thấp hơn bà). Vị phó đại sứ chỉ biết lắc đầu. Bà bực mình bỏ về.

Một lần, Trần Lệ Xuân sang Nhật, ghé tòa đại sứ với tư cách gì cũng chẳng ai biết. Tuy vậy Trần Ngọc Thơ là đại sứ cho Diệm tại Nhật, vẫn phải tổ chức tiệc linh đình và mời đại diện chính quyền Nhật Bản tham dự. Trong bữa tiệc, một đề tài được đưa ra và gây tranh cãi giữa Trần Lệ Xuân và Trần Ngọc Thơ. Đuối lý, Trần Lệ Xuân đã lớn giọng mắng ông Thơ trước mặt các quan khách Nhật bằng ngôn ngữ chợ búa.

Việc đúc tượng đài hai Bà Trưng mang gương mặt giống Trần Lệ Xuân và cô con gái Ngô Đình Lệ Thủy năm 1962 tại bến Bạch Đằng cũng đủ thấy bà cuồng vĩ đến mức độ nào. Qua việc đó cũng thấy anh em Diệm vừa dốt chính trị vừa xem thường quần chúng đến mức cao độ.

Cũng trong chứng bệnh cuồng vĩ, Trần Lệ Xuân yêu cầu hằng thông tấn Việt Tân Xã khi nói đến bà phải dùng danh xưng “Bà Ngô” khiến một số quốc gia tưởng nhầm bà là vợ của Ngô Đình Diệm. Chưa ai thấy bà cải chính cái danh xưng “Đệ nhất phu nhân” của Việt Nam Cộng hòa. Theo thông lệ, cái danh xưng ấy chỉ dành cho vợ của vị lãnh đạo tối cao của chính quyền. Chỉ riêng mỗi chi tiết này cũng cho thấy bà và cả gia đình Ngô Đình ấu trĩ chính trị đến cùng cực.

Khi nhắc tới bà, tay em chồng lãnh chúa miền Trung Ngô Đình Cẩn chỉ biết nói vắn tắt: Con mụ ấy lăng loàn.

Trước thời gian xảy ra biến cố đảo chính tháng 11.1963, Trần Lệ Xuân đi Mỹ đề lu loa, ngụy biện về những tội ác của chính bà và chính quyền Ngô Đình Diệm để xoa dịu dư luận thế giới. Chính quyền “nhà Ngô” muốn nhờ tài mồm loa mép dải của bà để biện minh những tội ác mà gia đình họ đã tạo ra.

Giữa lúc Trần Lệ Xuân sùi bọt mép thao thao bất tuyệt ở Mỹ thì tại Việt Nam, chính quyền “nhà Ngô” sụp đổ bởi một cuộc đảo chính của những thuộc hạ. Tệ hơn, hai anh em Diệm, Nhu đã bị hạ sát trong chiếc xe bọc thép. Trần Lệ Xuân rút lui và mất hút trên chính trường. Bà đã không còn chỗ dựa để khua môi bẻm mép, để rồi tự nhận mình là “khả năng chính trị bẩm sinh”. Nếu bà có bản lĩnh chính trị bẩm sinh, tại sao không đứng lên làm một cuộc cách mạng trả thù chồng? Hóa ra, bà chỉ là một loại đàn bà tầm thường hơn cả tầm thường. Bà chỉ nổi bật khi dựa vào thế lực của ông anh chồng là tổng thống. Khi chỗ dựa bị mất, bà trở lại cốt cách tầm thường.

Bà trốn nhui một thời gian ở Ý rồi sang Pháp sống cuộc đời tẻ nhạt.

Nhiều người cho rằng Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân phục vụ chế độ một cách liêm khiết không vụ lợi, vì vậy chẳng có tài sản riêng. Sau khi chế độ Diệm sụp đổ, người ta mới phát giác nhiều điều ngược lại.

Ở huyện Thốt Nốt (Cần Thơ), thời Pháp có một dinh điền rộng 81 mẫu do một gã Pháp tên Ma Lie khai thác. Khi Pháp rút khỏi Việt Nam, gã địa chủ Pháp cũng bỏ của chạy lấy người. Những nông dân nghèo chưa kịp hân hoan lấy lại cuộc đất của ông cha mà Ma Lie cướp đoạt thì thấy một tiểu đoàn Bảo An xách súng đến xây lô cốt, đồn bót bao vây cuộc đất 81 mẫu đó. Sau đó, người ta không thấy tiểu đoàn này đi đánh đám gì cả mà chỉ nai lưng canh tác, sản xuất trên cuộc đất của Ma Lie. Hỏi ra mới biết, cuộc đất này đã thuộc về Trần Lệ Xuân và tiểu đoàn này trở thành “tiểu đoàn nông dân” làm không công cho bà.

Ở vùng Ka Tum thuộc huyện Tân Biên (Tây Ninh) và một số vùng ven biên giới Campuchia thuộc tỉnh Bình Phước (tức Sông Bé cũ) có nhiều con đường được những đoàn quân giới của Diệm phá rừng khai mở. Những tuyến đường từ nội địa Việt Nam găm thẳng sang các khu rừng già đầy tài nguyên của Campuchia ấy, gọi là đường Trần Lệ Xuân. Thuở đó, người ta được giới thiệu đó là những con đường chiến lược phục vụ cho cuộc chiến bảo vệ Việt Nam Cộng hòa. Chỉ có những người dân địa phương mới biết, trên những con đường đó, rừng rừng từng đoàn xe khai thác gỗ lậu cho Trần Lệ Xuân xuôi ngược ngày đêm.

Năm 1963, khu biệt thự Trần Lệ Xuân (số 2 Yết Kiêu, Đà Lạt) đang xây dựng phải bỏ dở vì Diệm đã bị lật đổ là một bằng chứng về sự “liêm khiết trong nghèo khó” của vợ chồng bà. Khu biệt thự rộng trên 13 ngàn mét vuông ấy, nay đã được trưng dụng làm Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, lưu giữ hơn 30 ngàn mộc bản triều Nguyễn.

Trần Lệ Xuân sang Pháp mai danh ẩn tích tại Paris, gần tháp Eiffel, cùng con cái của bà trong một căn chung cư trên tầng 11. Bà ẩn mình kỹ đến mức một số người quen biết của bà đang sinh sống tại Paris cũng không nghĩ bà đang ở đó.

Kể từ biến cố 1963, bà không về thăm quê nhà Việt Nam lần nào. Có lẽ vì xấu hổ.

Chương 6: NGÔ ĐÌNH CẦN

Ngô Đình Cần sinh ngày 2.11.1912. Ngày sinh nhật của Cần là ngày anh em nhà Ngô Đình nhận thảm cảnh của cuộc đảo chính năm 1963.

Cần là em kế của Ngô Đình Nhu và là anh của Ngô Đình Luyện. Một số người cứ nhầm lẫn Cần là con trai út vì thấy Cần là người giữ nhà từ đường thờ họ và chăm sóc mẹ là bà Khả.

Những anh em trai trong gia đình đều học cao, riêng Cần chỉ vừa học xong tiểu học bậc một tức lớp ba trường làng. Do ít học nên Cần đành cam phận quanh quẩn xó nhà chăm sóc mẹ già thay cho các anh, chị. Khi Ngô Đình Diệm chưa cầm quyền, Cần chỉ là một nông dân chăm chỉ ruộng vườn, không biết chính trị là gì và vô danh giữa xóm làng mộc mạc ở Phú Cam. Thuở đó, Cần suốt ngày thui thủi một mình cô quạnh với mẹ và một người giúp việc nhà tên Luyện cũng là bà con trong họ. Ngôi nhà ba gian kiểu phú nông hết thời lọt thỏm giữa cuộc đất tông đường hiu quạnh, ít ai lui tới.

Đùng cái, khi Diệm được trao quyền hành thủ tướng, người ta thấy nhiều nhân sỹ, trí thức, quan, binh bắt đầu lui tới thăm Cần gói quà cáp. Rồi bất chợt, Cần biến thành bí thư của cái gọi là Đảng Cần lao khu vực miền Trung. Khi Diệm thành tổng thống của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, ngôi nhà từ đường của Cần càng thêm tấp nập. Và vai vế, địa vị của những người đến thăm viếng cũng được nâng cấp. Nhiều quan chức cấp cao, tướng tá đến nhà Cần theo kiểu vào lòn ra cúi đã biến cái dáng điệu nông dân, quê mùa của Cần trở thành dáng vẻ đường bệ của một “vị lãnh chúa miền Trung”.

Từ đó, cái nhà của Cần kiêm thêm chức năng “văn phòng lãnh đạo Đảng Cần lao” miễn phí. Nhiều nhân vật tai to mặt lớn của chính quyền Sài Gòn được kết nạp đảng tại ngôi nhà ấy. Lễ kết nạp đảng viên được thực hiện gần giống với lễ xin rửa tội ở nhà thờ. Mỗi khi làm lễ kết nạp đảng

viên, Cẩn mặc áo dài, khăn đóng đen đứng cạnh bàn thờ lắng nghe “đảng viên mới” quỳ gối đọc lời thề “trung thành với tổng thống Ngô Đình Diệm” như đọc kinh. Có kẻ quá run trước “lãnh tụ Cẩn” đã thề thốt như dân giang hồ bên xe: “Con mà phản bội Ngô tổng thống thì bà bắn, xe cán, hộc máu chết tại chỗ”. Sau khi “nạn nhân” đọc xong lời thề, Cẩn xòe tay vụt lên trời chấp nhận lời thề. Người ta ghi nhận, trong số những nhân vật tai to mặt lớn được kết nạp “đảng tại gia” ấy có các tướng tá: Tôn Thất Xứng, Tôn Thất Đính, Lê Văn Nghiêm, Phùng Ngọc Trung, Nguyễn Vinh...

Nếu cho rằng Đảng Cẩn lao là một chính đảng và Cẩn là người ủng hộ đảng này thì đáng ra, ông ta chỉ là một đảng viên bình thường. Không ai thấy ông ta một lần tranh đấu cho cái đảng vô danh này. Ấy vậy mà, khi có anh là tổng thống, có anh là tổng thư ký đảng (Ngô Đình Nhu), ông ta bỗng dung trở thành bí thư miền Trung và đủ tư cách vò đầu sờ trán các vị quân cán chính cao cấp. Trong khi đó, nhiều kẻ hoạt động phôi thai cho cái đảng này đã từng chạy tháo ra quần vì mật thám Pháp truy bắt lại chỉ là những đảng viên tầm thường.

Một nông dân quê mùa kiêu thủ cự bài tân, đêm ngủ một giấc, sáng thức dậy thấy trong tay mình có uy quyền, nhiều quan chức khom lưng mọp gồi đã tưởng mình tiềm ẩn tài năng an bang trị thế khiến ông ta trở thành một thứ dị hợm của của chế độ Diệm.

Đó là khởi thủy sự tham chính của Ngô Đình Cẩn. Với tư cách là lãnh tụ đảng tại miền Trung, Cẩn đã tự tiện chõ môm vào hoạt động chính quyền theo kiểu lãnh đạo tinh thần. Để lấy lòng tổng thống, các vị lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo các ban ngành trước khi ra quyết sách gì đều mò đến nhà Cẩn xin ý kiến chỉ đạo. Thế là Cẩn được dịp lãnh đạo trực tiếp các bộ phận chính quyền mặc dù chẳng ai trả lương mà chỉ nạp bổng lộc. Đến như bà Luyến - một gia nhân lâu năm của Cẩn - cũng trở thành nhân vật quan trọng. Qua bà Luyến, người ta có thể gởi gắm quà cáp để xin xỏ đặc ân này nọ. Một gia nô như bà Luyến cũng trở thành kẻ “nói ra khói, thõ ra lửa” đối với thiên hạ.

Người ta thường thấy Cẩn thường mặc bộ bà ba trắng, ngồi tréo nguẩy trên chiếc sập gụ tại gian nhà trên, mồm nhai trầu bồm bẻm ra lệnh này nọ với những vị tỉnh trưởng ngồi dưới ghế tràng kỷ ngửa mặt ngóng lên.

Người ta lại thấy một tiểu đội quân nhân do một đại úy chỉ huy đến tận nhà túc trực làm oshin, chăm sóc cây kiềng, sản xuất vụ mùa cho Cẩn. Để được làm lính kiềng ở nhà Cẩn, nhiều người đã phải “cúng” không ít tiền của, lễ vật. Mặc dù phục dịch miễn phí cho “cậu Cẩn”, những tay lính kiềng này phải bỏ tiền túi ra mua vật dụng lao động. Người nào cả gan thề lưỡi xin “cậu Cẩn” chi những khoản này là bị “cậu” hăm dọa đưa ra chiến trường ngay. Bên cạnh nhóm “quân nhân lao công” này còn có một nhóm sỹ quan nghiệp vụ hành chính phục vụ các việc liên quan đến chữ nghĩa, giấy tờ cho Cẩn.

Tuy được trông vào cổ cái chức lãnh tụ Đảng Cẩn lao miền Trung, Cẩn vẫn không bỏ được thói tiện dân. Cứ hễ có khách đến nhà là ông tìm cách chửi bới, nạt nộ những quân nhân phục dịch để thị oai. Khi nhắc đến các quan chức thuộc quyền Diệm, ông Cẩn luôn gọi bằng thằng này, thằng kia và cổ nhún mạnh như để khoe với mọi người mức độ uy quyền của ông ta.

Hầu hết viên chức chính quyền từ quận trưởng, trưởng ty, tỉnh trưởng ở miền Trung thời đó, không được bổ nhiệm nhờ trình độ chuyên môn hay tài đức mà vì lòng trung thành và mức quý lụy đối với Cần.

Tính khí cố chấp, đã ghét ai thì ghi tạc sâu vào tâm trí và khi có dịp thì biểu lộ ngay. Có lần ông Ngô Đình Cẩn bị vị Bộ trưởng Canh nông của Diệm từ chối giúp đỡ việc buôn gỗ lậu. Khi ông bộ trưởng này đi kinh lý tỉnh Quảng Trị với vai trò là Ủy viên Trung ương Đảng Cần lao – tương đương cấp đảng với Cần – Ngô Đình Cẩn đã ra lệnh cho vị tỉnh trưởng không được tổ chức đón tiếp.

Vì ghét Trần Lệ Xuân nên Ngô Đình Cẩn và Ngô Đình Nhu không thuận thảo. Không thuận với ông Nhu nên ông Cẩn ghét luôn thuộc hạ thân tín của ông Nhu là Trần Kim Tuyền – Giám đốc cơ quan Mật vụ Trung ương.

Ông Cẩn tổ chức một mạng lưới mật vụ riêng cho mình ở khu vực miền Trung núp dưới cái tên hiền lành “Ban công tác miền Trung”. Ai cũng biết cái “Ban công tác miền Trung” này là một tổ chức mật vụ có tầm hoạt động khắp miền Nam Việt Nam. Nhiều vụ đụng độ giữa cơ quan mật vụ của Nhu và Cẩn xảy ra nảy lửa. Và khi xảy ra chuyện đụng độ, chỉ có Diệm lên tiếng hai ông em mới chịu thu xếp êm. Theo tài liệu công bố của CIA thì khoảng giữa năm 1956, CIA nhận được nguồn tin cho biết Cẩn có kế hoạch loại trừ Bộ trưởng Thông tin Trần Chánh Thành và Ngô Đình Nhu ra khỏi dinh Tổng Thống.

Cơ quan “công tác miền Trung” của Cẩn, ngoài việc thu thập tin tức tình báo, phục vụ cho chế độ còn có nhiệm vụ ám sát phi luật, phi hiến. Có nghĩa là bọn mật vụ này được phép giết người miễn tố. Chúng có quyền đi khắp nơi. Đi đến đâu địa phương phải tiếp rước chu đáo đến đó. Đoàn cần bắt ai thì giao cho công an đi bắt, bất kỳ đêm ngày. Nếu nạn nhân bị tra tấn chết thì quận trưởng và công an phải lập biên bản hợp thức hóa cái chết. Chúng bắt người không cần phải có chứng cứ, chỉ cần bị nghi chống chính phủ là bị bắt. Song song với hoạt động tình báo, ám sát, cơ quan này còn quản lý một hệ thống nhà giam mà ai nghe qua cũng sớn gai ốc. Đó là nhà giam “trại Chín Hàm”. Ai đã từng bị giam nơi đó đều có chung một câu nhận xét: Kinh khủng và tàn bạo.

Đó là một hệ thống gồm 9 cái hầm kho kiên cố chứa vũ khí bao bọc một ngọn đồi được Pháp xây từ năm 1941. Khi Nhật đảo chính Pháp, số vũ khí này bị quân Nhật tịch thu, 9 căn hầm bỏ hoang. Đến thời Ngô Đình Diệm, 9 căn hầm được tận dụng làm nơi giam giữ tù nhân chính trị và các phần tử bất mãn, chống đối chính quyền Diệm. Ngoài ra còn là công cụ để Ngô Đình Cẩn trả thù vật cá nhân hoặc làm tiền.

Cái dã man nhất của hệ thống nhà tù này là nạn nhân bị tra tấn bằng điều kiện khắc nghiệt vào bản năng sinh tồn liên tục hết ngày này sang tháng khác. Nạn nhân luôn mang cảm giác tồn tại hơn là sống. Và giữa lúc nạn nhân chỉ còn cảm giác tồn tại, Cẩn cho người tác động tư tưởng để “chuyển hướng”. Nếu ai đủ bản lĩnh vượt qua giai đoạn ở Chín Hàm mà không đầu hàng, Cẩn sẽ cho thuộc hạ tung tin gây hiệu ứng nghi ngờ.

Ông Võ Như Nguyễn là một phe cánh của Diệm từ khi Diệm chỉ là một gã thất cơ lỡ vận ngập ruồi ở quê nhà cổ xúy mồm cho Cường Để. Vì thấy đám thuộc hạ phục dịch nhà Cẩn “dựa hơi Chúa” lên giọng quát nạt mọi người, ông Nguyễn đã nổi điên đập cửa nhà Cẩn thượng cẳng tay hạ

căng chân với đám gia nhân này rồi mắng Cẩn. Khi ông Nguyễn được Diệm bổ làm tỉnh trưởng Bình Định, Cẩn cho thuộc hạ quấy nhiễu gây sự đến nỗi ông Nguyễn không chịu nổi phải từ chức về nhà dạy học. Bất mãn Diệm, ông Nguyễn đã cùng một số trí thức Huế ra tuyên ngôn chửi Diệm. Thế là Cẩn trùm lên đầu ông Nguyễn cái tội làm gián điệp cho Pháp, bắt đày vào Chín Hàm.

Nhiều doanh nghiệp tư sản giàu có nổi tiếng ở Huế vì cạnh tranh với hệ thống kinh tài của Cẩn đã bị thuộc hạ của Cẩn trùm vào đầu cái tội làm gián điệp để đưa vào Chín Hàm. Họ đã phải bán hết tài sản để lo lót, hối lộ cho Cẩn và thuộc hạ của ông ta để được tha. Khi được tha, những người này trở thành kẻ bần cùng.

Cái chết của thầu khoán Nguyễn Đắc Phương là một vụ án âm ỉ xảy ra tại Huế dưới thời Ngô Đình Diệm là một thí dụ cho sự độc ác vô nhân tính của Cẩn. Ông Phương bị Cẩn quy cho tội làm gián điệp và giam tại Chín Hàm chỉ vì ông Phương dám tranh thầu với bà Cả Lễ (chị ruột của Diệm, Cẩn) xây dựng trụ sở tỉnh Thừa Thiên Huế và công trình tu bổ điện Thái Hòa, Huế. Khi một số nhà báo điều tra và sắp phanh phui sự thật của vụ án, Ngô Đình Cẩn cho thuộc hạ đẩy ông Phương từ trên lầu rơi xuống đất chết thảm rồi thông báo rằng ông Phương tự tử.

Ngoài ông Phương còn nhiều nhà tư sản khác bị vu oan vì cạnh tranh làm ăn với ông Cẩn.

Thấy khách sạn Morin của ông Yến làm ăn phát đạt, Cẩn cho đàn em đến gợi ý mua lại với giá rẻ mạt. Ông Yến từ chối bán. Thế là sau đó, mang tội làm gián điệp, ông Yến bị đày vào Chín Hàm. Sau khi bị tra tấn như đòn, ông Yến còn bị tịch biên tài sản. Từ một đại gia, trong phút chốc ông Yến hóa thành kẻ bần cùng, gia đình ly tán.

Ông Đức Sinh là một nhà buôn có tiếng ở Huế. Vì từ chối liên kết làm ăn với Cẩn cũng bị bắt đày vào Chín Hàm. Để thoát tội, ông Đức Sinh phải cống nộp cho Cẩn qua đàn em là Phan Quang Đông toàn bộ tài sản.

Ông Bang - Ròng Vàng, ông Châu - Nam Hưng... và nhiều nhà tư sản khác bị Ngô Đình Cẩn trùm vào đầu tội làm gián điệp để lấy tiền chuộc một cách trắng trợn.

Những ai không chịu ỏi tiền ra thì chỉ còn con đường chết vì bị tra tấn. Ví dụ như ông Nam “thầu khoán”. Ông này bị bắt và mất tích, mãi sau này, khi chính quyền Diệm sụp đổ người ta mới biết ông Nam bị hành hạ đến chết, rồi bị ném xác dưới một cái giếng.

Không chỉ hạ độc với giới doanh nhân cạnh tranh trong chuyện làm ăn, Cẩn còn hạ độc với những vị quyền chức trong chính quyền.

Một vị trưởng ty Thanh niên Huế bị giam ở Chín Hàm rất vô duyên. Cái ngày 11.11.1960, khi nghe tin đại tá Nguyễn Chánh Thi và đại tá Vương Văn Đông tổ chức đảo chính Diệm ở Sài Gòn, ông này đã vội vã gỡ bức chân dung Ngô Đình Diệm khỏi vách nhà vì tưởng cuộc đảo chính thành công (Thời đó, Diệm bắt mỗi gia đình phải treo bức chân dung của ông ta nơi trang trọng nhất trên vách phòng khách). Chẳng có luật nào bắt tội người vì chuyện này. Thế mà Cẩn ra lệnh giam ông này với tội “mưu làm phản”.

Những khi ra đường bằng xe hơi vào ban đêm, Cần không bao giờ cho bật đèn pha vì sợ bị ám sát. Thế nhưng một chiếc xe hơi khác chạy ngược chiều mà bật đèn pha là ông ta cho thuộc hạ đẩy vào Chín Hàm ngay.

Nhiều người bị bắt đã tự tử chết chứ không để thủ hạ của Cần đẩy vào Chín Hàm. Ông Phan Châu và ông Nguyễn Đình Cát ở Huế là ví dụ.

Bà Ái Huyền - một cựu nữ sinh Đồng Khánh Huế đã từng là nạn nhân của Chín Hàm viết một bài thơ về nơi địa ngục này:

*Trước phong cảnh hữu tình ai có biết
Rằng nơi đây địa ngục trần gian
Nơi chứa chấp một chế độ bạo tàn
Và cạnh đây là cung vàng điện ngọc.
Du khách hỡi! Dừng lại đây nghe tiếng khóc,
Của oan hồn tử sĩ chết đau thương
Những nắm mồ vô chủ suốt đêm trường
Như quần quai theo từng cơn gió buốt!
Trên nệm ẩm kẻ bạo tàn đâu có biết,
Bao thân người chui rúc dưới tanh hôi
Và nghe hồn khóc kẻ mãi không thôi!*

Bài thơ “Sống trong mồ” 3.000 câu của tác giả Nguyễn Văn Trung, tức đại tá tình báo Nguyễn Minh Văn là cựu tù nhân của Chín Hàm đã lột tả sinh động nỗi thống khổ của tù nhân nơi đây. Bài thơ này ông sáng tác thâm và học thuộc lòng khi đang bị giam cầm ở Chín Hàm. Sau này bài thơ được nhiều tờ báo nước ngoài đăng tải:

*Anh thu hình vào một góc co ro
Gió ngoài rùng không ngớt thổi vi vo
Và chốc chốc lại luôn vào trong động
Leo theo vách lách vào lưng vào bụng
Tay ma nào dạo trên khắp làn da?*

Vuốt quỹ đầu móc vào tận ruột già
Nước mưa dột vẫn đều đều rơi mạnh
Ngồi trên ván tường ngồi trên đá lạnh...

...Các anh:

Những người hầm thế kỷ hai mươi
Như người cổ sơ trần trụi giữa hang dơi

Các anh ở:

Hai thước chuồng lạnh hơn hốc đá
Ngày thiếu ánh mặt trời đêm không ánh lửa

Các anh thở rặt mùi phân

Nằm trên ván trét bùn

Đánh nhau với chuột

Bạn cùng đế giun

Các anh ăn:

Cơm sổng trộn dầu hôi mắm tanh mùi thịt rữa

Các anh uống:

Nước khe nước lá

Quần áo các anh là giẻ rách tả tơi

Lộ rõ hình tù bụng hở lưng phơi

Tắm thân gầy nghìn ngày không tắm rửa

Ghét đóng thành chai

Râu rậm dài tua tủa

Tóc rối xù xuống vai...

Bắt chước Tần Thủy Hoàng, Ngô Đình Cẩn chuẩn bị ngôi sinh phần cho mình ngay khi đang ngất ngưỡng quyền lực. Để có phần đất xây sinh phần, ông ta buộc chủ một doanh nghiệp tư sản tên Thịnh nhượng lại với giá rẻ mạt một cuộc đất vườn cách khu Chín Hầm non 1 cây số. Ngôi sinh phần này rộng đến vài chục ha, ở giữa xây một lăng sảnh to lớn kiểu vua chúa và một ngôi lầu nguy nga, xung quanh là những vườn hoa và cây ăn trái. Toàn bộ số tiền tiền xây sinh phần đều từ nguồn cướp đoạt, cưỡng bức của thiên hạ.

Tiếc rằng, ngay sau khi được tin chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, dân địa phương đã bộc phát lòng căm thù uất hận bị chất chứa trong lòng bằng hành động đập phá vô tội vạ khu sinh phần của Cẩn. Một chứng tích độc ác bị phá hủy.

Ngày Cẩn bị hành quyết ở Sài Gòn, có người từ Huế đã đáp máy bay đến tận pháp trường chứng kiến giây phút cuối cùng của kẻ thù rồi lấy khăn thấm máu Cẩn đem về đặt lên bàn thờ cha.

Ngày 6.12.1993, Chín Hầm được Nhà nước công nhận là di tích tội ác (chế độ Diệm) cấp quốc gia.

Chương 7: ĐĂNG SAU VỞ KỊCH TRƯNG CẦU DÂN Ý

Sau khi Ngô Đình Diệm đã yên vị trong cái ghế thủ tướng của chính quyền Bảo Đại, ngày 6.10.1955, qua sự cố vấn của Lansdale, Diệm cho tuyên bố sẽ tổ chức một cuộc “trưng cầu dân ý” với mục tiêu: ***Xin ý kiến người dân về việc truất phế Bảo Đại và đồng ý bầu Ngô Đình Diệm lên làm quốc trưởng.***

Về hình thức, đó là một cuộc bầu cử tay đôi giữa Ngô Đình Diệm và Bảo Đại. Tuy nhiên những gì diễn ra cho thấy, đó là một cuộc bầu cử độc diễn chỉ có Diệm. Tại Sài Gòn, nhiều đơn vị bầu cử đã thu được số phiếu bầu cho Ngô Đình Diệm đạt đến... 130% số cử tri. Nhiều tay chân của Diệm đã tổ chức cho người của họ đi bỏ phiếu nhiều lần. Có nơi, phiếu bầu phát ra đã gạch sẵn tên Bảo Đại, người dân chỉ việc bỏ vào thùng phiếu.

Cũng cần phải nhắc lại rằng, lúc này Bảo Đại đang ung dung nghỉ mát ở Pháp và chắc hẳn anh em Ngô Đình Diệm sẽ chung chi đủ số đô la thương lượng mua bán chức. Nhưng Bảo Đại không nhận được tiền mà chỉ nhận được hung tin Diệm đã soạn ngôi.

Người ta đánh giá Ngô Đình Diệm là người mưu toan bán nước ba lần: Lần thứ nhất bán cho Pháp, lần thứ hai cho Nhật và lần thứ ba cho Mỹ. Đó chỉ là “mưu toan” khó bắt tận tay day tận mặt.

Nhưng Diệm phản phúc 4 lần thì có đủ bằng chứng. Lần phản phúc thứ nhất và thứ hai Diệm dành cho triều đình và Pháp lúc tranh chấp quyền lực với Phạm Quỳnh rồi bị cách chức. Lần thứ ba Diệm phản Bảo Đại. Lần thứ tư, Diệm phản bội các thế lực ủng hộ mình. Diệm không phản Mỹ mà chỉ không vâng lời. Như vậy, Diệm hội đủ bản chất: Phản chúa, phản thầy, phản bạn. Những thầy tướng số thườ ầy đều nhận xét như thế khi thấy cái dáng mập tròn, thấp lùn, đi lạch bạch và sắc mặt trắng bệch của ông ta.

Ngày 23.10.1955, các cơ quan công quyền của Diệm cho lính tráng, công an xua dân đi bỏ phiếu để “lựa chọn lãnh tụ” giữa Ngô Đình Diệm và Bảo Đại. Một vai là quốc trưởng Bảo Đại - ông vua ăn chơi đong nhà Nguyễn. Một vé là “chỉ huy thủ tướng toàn quyền kiêm tổng tư lệnh quân đội” Ngô Đình Diệm. Ngày đó, khắp đường phố các bích chương ca ngợi Ngô Đình Diệm và tố cáo Bảo Đại được dựng, treo khắp các ngã đường. Kết quả được công bố, Ngô Đình Diệm thắng cử với 5.721.735 phiếu (chiếm 98,2%).

Với kết quả đầy yếu tố gian lận đó, các giáo phái lên tiếng kêu gọi tẩy chay Diệm.

Bất chấp dư luận, 3 ngày sau, tức ngày 26.10.1955, Ngô Đình Diệm tự phong làm “Tổng thống Việt Nam Cộng hòa”.

Muốn biết Mỹ đã thò mũi vào chính trường Việt Nam lúc này như thế nào, cần nhắc lại một vài biến cố lịch sử.

Bảo Đại chỉ là một giải pháp thí nghiệm chính trị của Pháp nhằm tái chiếm Đông Dương mang tên “Nam Kỳ Quốc tự trị”, “Tây Kỳ tự trị”... Để “vỗ béo” chính quyền Bảo Đại, Pháp gia tăng quân đội “quốc gia”, chấp nhận giao cho người Việt trách nhiệm quân sự.

Pháp cuốn cò tại trận Điện Biên Phủ khiến Mỹ lo lắng. Mỹ không dám tham chiến tại Đông Dương. Vì vậy, tổng thống Mỹ lúc đó là Eisenhower cam kết viện trợ 800 triệu đô la trong tài khóa 1954, 1955 cho Pháp để duy trì chiến trường Việt Nam.

Ngày 16.1.1954, Eisenhower thiết lập một ủy ban đặc biệt nghiên cứu về Đông Nam Á, gồm Tướng Walter B. Smith, Roger Keyes, Đề đốc Arthur Radford, Allen Dulles (CIA), và C.D. Jackson. Ủy ban này có nhiệm vụ đề ra kế hoạch xâm lược Việt Nam theo một lộ trình thích ứng từng diễn biến.

Trước cú sốc Điện Biên Phủ, ủy ban này đề nghị Eisenhower bằng bất cứ giá nào cũng phải không chế được một phần Việt Nam, không trả lại cho người Việt Nam. Để chiếm miền Nam Việt Nam hợp pháp, Mỹ đề ra một sách lược lâu dài.

Bảo Đại không có khả năng làm quốc sự, lười biếng, chỉ thích gái và đánh bạc làm cả Mỹ lẫn Pháp đều thất vọng. Trước uy tín của chủ tịch Hồ Chí Minh và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bảo Đại và chính quyền Bảo Đại trở thành trò nhảm nhí.

Mỹ muốn có một người khá hơn Bảo Đại nhưng tìm mãi không ra.

Lúc này, sau chuyến đi quảng cáo thương hiệu cá nhân tại Vatican, anh em Thục, Diệm gửi thư cho Bảo Đại xin làm thủ tướng.

Nhờ Mỹ dàn xếp hậu trường, 6.6.1954, chính phủ Pháp cho Ngô Đình Diệm thay Bửu Lộc - thủ tướng của Bảo Đại. Ngày 12.6, Bửu Lộc lên tiếng từ chức để có cơ cho Ngô Đình Diệm lên thay.

Thực ra, từ tháng 5.1954, Mỹ đã lên tiếng yêu cầu cho Bảo Đại về vườn nhưng một số quan chức Mỹ lẫn Pháp đều e ngại khả năng của Diệm nên chưa thực thi. Diệm quá nông cạn và tự phụ. Chính

sách duy nhất của Diệm chỉ xin Mỹ viện trợ tức khắc mọi lĩnh vực, kể cả việc huấn luyện binh sĩ và trang bị vũ khí mà chẳng có giải pháp nào mang tính thông minh.

Diệm chỉ có thể là một tổng trưởng nắm Bộ Nội vụ hay Quốc phòng.

Dựa hơi Mỹ, Diệm bộc lộ thái độ bài Pháp nên vào tháng 8.1954, Pháp đã có ý đuổi Diệm về vườn, cho giang hồ Bảy Viễn làm thủ tướng nhưng Mỹ không muốn. Ngày 21.9.1954, Bộ Ngoại giao Mỹ phải gửi công điện cho chính phủ Pháp khẳng định ủng hộ Diệm và chống việc đưa Bảy Viễn ra cầm quyền.

Một lần giữa tháng 9.1954, tướng Pháp Ely ép Diệm nhận Nguyễn Văn Tâm vào chính phủ với lời đe nếu không nghe lời, cái chức thủ tướng của Diệm sẽ được đếm ngược từng ngày. Mỹ phải lên tiếng dọa lại Pháp: Cắt viện trợ đấy!

Thừa thắng, Diệm đánh tiếng với “quốc trưởng” Bảo Đại: Mỹ sẽ không viện trợ cho ai cướp chính quyền trong tay Diệm.

Mỗi lần Pháp chê Diệm là thủ tướng gàn dở, Mỹ đều bênh: Tuy vậy nhưng Diệm biết vâng lời Mỹ.

Trong khi Diệm tự tung hê mình là “người nước Chúa sai khiến lãnh đạo miền Nam bằng tài năng” thì ngày 29.9.1954 Mỹ và Pháp bí mật hội đàm để ký một mật ước quyết định vận mệnh miền Nam Việt Nam. Theo đó, Mỹ tuyên bố ủng hộ Diệm. Pháp sẽ trả quyền tự trị cho Diệm. Pháp sẽ bàn giao các cơ sở hành chính, kinh tế cho Diệm đến cuối tháng 12.1954.

Bảo Đại nổi điên khi nghe tin này và chuẩn bị ra quyết định cách chức thủ tướng của Diệm đồng thời đưa Nguyễn Văn Xuân vào thay thế. Tuy nhiên, Bảo Đại chưa kịp ra quyết định, Mỹ đã lên tiếng hù dọa cắt viện trợ. Pháp đành xoa đầu Bảo Đại giải nhiệt.

Nghe Bảo Đại nổi giận, Ngô Đình Diệm hờn dỗi đòi từ chức. Ngày 28.9.1954, Tổng thống Mỹ Eisenhower phải gửi một lá thư cho Diệm khẳng định Mỹ sẽ viện trợ trực tiếp cho Nam Việt Nam và huấn luyện quân đội “quốc gia”.

Trước sức ép một cô hai ách Mỹ - Pháp, Bảo Đại đành ngoan ngoãn, Nguyễn Văn Hinh và Nguyễn Văn Xuân qua Pháp. Đồng thời, lệnh cho lệnh Bảy Viễn hợp tác với Diệm. Bảy Viễn vâng tục khi nhận được lệnh của Bảo Đại.

Để tăng thêm liều thuốc can đảm cho Diệm, ngày 8.11.1954 Mỹ cử tướng hồi hưu J. Lawton Collins sang Việt Nam làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền. Collins được giao nhiệm vụ đại diện tổng thống Mỹ cấp thời giúp đỡ trực tiếp cho Diệm. Nhờ có Collins, tướng Hinh thất bại trong cuộc đảo chính nhỏ ở dinh Độc Lập.

Nhân cơ hội này, Ngô Đình Diệm quyết ra tay với các giáo phái.

Các giáo phái ngu ngơ về chính trị không biết Mỹ đã cương quyết ủng hộ Diệm và Pháp đã mất quyền kiểm soát miền Nam Việt Nam. Các giáo phái đã tuyên bố thành lập “Mặt trận Thống nhất

toàn lực quốc gia” tạo liên minh chống Diệm vào ngày 2.3.1954. Họ đã tự đưa đầu cho Diệm báng. Điểm đầu tiên Diệm cần thanh trừng là Bảy Viễn.

Lúc này Bảy Viễn đang nắm giữ ngành cảnh sát - công an vùng Sài Gòn, Chợ Lớn. Ngay sau khi loại bỏ được tướng Hinh, Diệm mới chỉ kiểm soát được ít khu phố ở Sài Gòn và các trại lính.

Khởi sự gây hấn với Bảy Viễn, cuối năm 1954, Diệm ra lệnh rút hết giấy phép kinh doanh các sòng bạc và ổ mại dâm của Bảy Viễn.

Tiếp tục, ngày 15.2.1955, Diệm lệnh đóng cửa sòng bạc Kim Chung, Đại Thế Giới. Đồng thời rút hai đại đội từ Phan Thiết, tăng cường thêm 7 chiếc xe bọc thép về bảo vệ dinh Độc Lập. Một số đơn vị của tướng Trình Minh Thế cũng được điều về quanh Sài Gòn, chặn hậu Bình Xuyên.

Ngày 26.3.1955, Diệm chỉ thị phải đặt lực lượng cảnh sát của Bảy Viễn dưới quyền Nha Cảnh sát - Công an Đô thành (tức Sài Gòn), đồng thời ra lệnh giải tán lực lượng Công an Xung phong Bình Xuyên.

Đáp lại, Bảy Viễn cho Công an Xung phong nổ súng chiếm đóng một số đồn bót cảnh sát. Diệm đã phải cử một đại đội dù đổ bộ chiếm lại.

Trưa ngày 28.4.1955, hai bên bắt đầu nổ súng.

Bảy Viễn cho nã cối vào dinh Độc Lập. Quân Diệm phản công vào khu Đại Thế Giới ở Chợ Lớn của Bảy Viễn đồng thời chiếm lĩnh các trụ sở của Bảy Viễn...

Bảy Viễn cảm cự không lại đã cho phá cầu Chữ Y rồi rút về rừng Sác.

Diệm cho quân tiến sang cầu Chữ Y tiến vào đại bản doanh của Bảy Viễn. Khoảng 1.300 quân Cao Đài Liên minh của Trình Minh Thế cũng được điều vào mặt trận. Bảy Viễn cùng ban tham mưu chạy thực mạng. Ngày hôm sau, Trình Minh Thế tử trận khi đang đứng chỉ huy quân trên cầu Tân Thuận.

Chương 8: BẢN CHẤT DIỆM

Ngay sau khi hất được Bảo Đại ra khỏi ghế quốc trưởng, Ngô Đình Diệm bắt đầu chiến dịch trả thù và loại bỏ đối thủ bằng những thủ đoạn rất hèn hạ.

Ông ta cho tịch thu ngay ngôi biệt thự của bà Từ Cung ở quận 1, Sài Gòn rồi bán tháo cho ông Nguyễn Đình Thuần với giá... 1 đô la.

Trần Văn Bạch là một đồng chí của ông ta thuở ngấp ruồi chính trị và là tổng trưởng phụ trách giao thông công chánh thuở ông ta ngồi ghế thủ tướng là nạn nhân đầu tiên. Ông này bị cách chức chỉ vì trong lễ chào cờ trước kia không chịu hô “Ngô Thủ tướng muôn năm”.

Trong một chuyến thị sát các địa phương, Ngô Đình Diệm đã dùng baton đập tới tấp một tay trung tá tỉnh trưởng khiến tay này phải quỳ sụp xuống và lạy Diệm tới tấp. Sau đó, Diệm còn lột lon tay trung tá tại chỗ. Chỉ vì tay này đã từng cãi lời Diệm.

Cách làm việc của Ngô Đình Diệm hoàn toàn tùy hứng, vô chừng mực. Nhiều khi, ông ta làm khổ các sỹ quan phục dịch vì bất chợt phá lịch trình làm việc. Có những lúc, kế hoạch đi tỉnh này nhưng bất chợt ông yêu cầu ghé tỉnh khác khiến thuộc cấp bối rối trong việc tiếp đón. Có lần, ông thông báo ghé một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tay tỉnh trưởng huy động dân chúng tập trung chào đón từ tờ mờ sáng đến trưa nắng gay gắt vẫn không thấy ông đến. Tuy vậy, tay tỉnh trưởng không dám cho dân chúng giải tán. Cho đến quá trưa mới hay ông đã ghé tỉnh khác.

Mỗi lần Ngô Đình Diệm đi thăm một tỉnh nào thì toàn dân tỉnh ấy phải chuẩn bị cơm nước từ khuya, quần áo thơm tươm tất, đi bộ tay cầm cờ hô như cái máy: “Ngô Đình Diệm muôn năm! Muôn năm!”. Gia đình nào vắng mặt sẽ bị chính quyền xã, ấp ghi vào sổ xem như đó là gia đình thuộc diện nghi vấn chống đối chế độ. Còn các cơ quan từ tỉnh xuống quận phải huy động tối đa lực lượng cảnh sát chìm, cảnh sát nổi, quân đội sẵn sàng chiến đấu. Ngoài ra các vị “quan địa phương” còn phải tổ chức tập luyện cho những người sẽ phục dịch tổng thống Diệm phải thừa bầm điều gì, không được báo cáo, giấu nhem chuyện gì.

Ngô Đình Diệm thường ăn cơm, làm việc, tiếp các bộ trưởng, tướng lĩnh ngay tại phòng ngủ trong dinh Độc Lập.

Khi chủ trì những cuộc họp, Ngô Đình Diệm thường nói tràng giang đại hải, thiếu chủ đề chính, không đầu vào đầu và cũng chẳng có kết luận khiến chẳng ai hiểu Diệm muốn nói vấn đề chính là gì.

Việc bổ nhiệm chức tước cho thuộc cấp, Ngô Đình Diệm chỉ dựa vào tình cảm cá nhân của ông với người đó mà không cần quan tâm đến năng lực.

Chưa ai từng thấy Diệm có một mưu lược nào rõ ràng và hiệu quả. Hầu hết những chuyện liên quan đến quyết sách đều do Ngô Đình Nhu bày vẽ.

Diệm luôn lộ cho mọi người thấy mình là người yêu nghệ thuật nhiếp ảnh nhưng chưa ai thấy ông có được một bức ảnh nghệ thuật nào ra hồn. Tuy thích nhiếp ảnh nhưng ông thường sử dụng loại máy ảnh Polaroid - một loại máy ảnh tự động, chụp xong có ảnh ngay, chất lượng ảnh rất kém.

Diệm rất thích mọi người gọi mình bằng “cụ” xưng “con”, kể cả những người lớn hơn Diệm nhiều tuổi. Nhiều người đến gặp Diệm đã quỳ lạy xì xụp, khi ra thì cuối đầu đi lui như châu vua.

Giai đoạn Diệm vừa được Mỹ giao chức thủ tướng, miền Nam Việt Nam như một lò lửa chính trị mà thanh củi là các tổ chức, các giáo phái vũ trang tự phát. Một số lãnh đạo của các tổ chức mạnh nham từ phong trào kháng Pháp, giờ quay sang ủng hộ Pháp qua việc cổ xúy cho giải pháp Bảo Đại. Họ thỏa hiệp với Pháp để giành giật quyền lợi. Một số tổ chức núp dưới danh nghĩa kháng Pháp để ủng hộ Pháp. Chỉ một số ít tổ chức vẫn giữ lập trường kháng Pháp. Những tổ chức

yêu nước thật sự đã sáp nhập vào lực lượng kháng chiến của Việt Minh để theo đuổi con đường kháng Pháp.

Những lực lượng vũ trang có xu hướng thỏa hiệp với Pháp thì chiếm lĩnh một khu vực để “làm vua một cõi”. Lực lượng vũ trang Hòa Hảo chiếm lĩnh các khu vực có đông tín đồ Hòa Hảo thuộc miền Tây Nam bộ như Cái Vồn, Thốt Nốt, Cái Dầu, Cao Lãnh. Lực lượng vũ trang Cao Đài chiếm lĩnh một vùng rộng thuộc Tây Ninh và các tỉnh miền Đông. Lực lượng vũ trang Thiên Chúa giáo Bến Tre (tức là bọn Union Militaire de defense des Chretientes - Liên hiệp Quân sự Bảo vệ Giáo dân) do một sỹ quan Pháp gốc Việt là tay chân thân tín của tướng Nguyễn Văn Hinh chỉ huy, lấy Bến Tre làm bàn doanh. Lực lượng này khác với lực lượng quân sự Phát Diệm. Lực lượng nguy Bình Xuyên của Lê Văn Viễn phản bội Bình Xuyên về Sài Gòn chiếm lĩnh vùng Chợ Lớn. Lực lượng vũ trang Đại Việt lập trụ sở tại Tân Định... Các lực lượng nguy kháng Pháp này bị nhân dân gọi biếm nhẽ bằng những cái tên rất thực tế đối với hành động gian ác của chúng. Lực lượng vũ trang Hòa Hảo viết tắt là H.H được gọi là “hốt hết”. Quân Hòa Hảo tiến đến đâu là hốt sạch tài sản người dân ở đó; Lực lượng vũ trang của Cao Đài, gọi là “chặt đầu”; Lực lượng Thiên Chúa giáo được gọi là “uống máu” (lấy chữ cái đầu của tên Union Militaire); Để phân biệt với lực lượng Bình Xuyên kháng chiến thật sự của Huỳnh Văn Trí (Mười Trí), người dân gọi lực lượng nguy Bình Xuyên của Bảy Viễn (được viết tắt là B.X.B.V) là “bán xôi bán vịt”.

Và những lực lượng này được Pháp thu xếp để biến thành cái gọi là “Mặt trận quốc gia liên hiệp” mà người dân gọi tắt là “Cao – Thiên – Hòa – Bình”. Chủ trương của Pháp là sử dụng “mặt trận” này làm hậu thuẫn cho Bảo Đại. Nhờ chủ trương đó mỗi nhóm được hùng cứ một lãnh địa.

Thời điểm Bảo Đại vừa về chấp chính, những nhóm vũ trang “kháng chiến cơ hội” này được Pháp lôi “về thành”. “Về thành” là tiếng lòng của những người kháng chiến chân chính ám chỉ việc đầu hàng và chấp nhận làm tay sai cho Pháp. Họ được Pháp trang bị vũ khí, cấp lương bổng và được đặc quyền thu tiền mãi lộ ở những vùng chiếm đóng. Riêng Bảy Viễn được mở sòng bài và buôn thuốc phiện công khai ở khu vực Chợ Lớn nhờ làm “em nuôi” của Bảo Đại và cống nạp tiền xâu hàng tháng cho vị vua mê chơi này.

Ngồi vào ghế thủ tướng nhưng Ngô Đình Diệm cảm thấy cái ghế ấy lung lay vì ông ta không có thực lực lẫn thực quyền. Vốn là một chính trị gia cơ hội, Diệm không có lực lượng. Lực lượng thật sự của ông ta chỉ là một nhóm lèo tèo những người theo Cần lao của Ngô Đình Nhu và một số vị đã từng bị Pháp thả hồi. Có cả bà em dâu to mồm, lớn giọng Trần Lệ Xuân nữa. Tuy nhiên, sau lưng ông ta là Mỹ, hay đúng hơn là đô la. Bên cạnh ông ta là quân sư Lansdale. Diệm muốn củng cố địa vị nên cần phải dẹp ngay cái đám “Cao – Thiên – Hòa – Bình”. Diệm cần thời gian để làm điều đó một cách tuần tự.

Tuy nhiên, Mỹ không muốn thanh toán tất cả. Mỹ muốn Diệm thu phục họ hơn là giết họ. Cái ghế thủ tướng vẫn chưa vững vàng nên Diệm buộc lòng vâng lời Mỹ để rồi sau đó ngấm ngấm tiêu diệt.

Để thực hiện nhiệm vụ thu phục đó, Lansdale đã làm “thuyết khách đô la” đi tìm gặp những thủ lĩnh các lực lượng kháng chiến như Cao Đài, Bình Xuyên, Hòa Hảo... để mua chuộc họ bỏ Bảo Đại về với Ngô Đình Diệm. Lansdale đã thành công chút ít trong nhiệm vụ này. Lực lượng vũ trang của Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên đã “quay giáo” về với Bảo Đại nhưng thực chất là Diệm.

Nhờ Pháp, Bảo Đại có cả một hệ thống quân sự, công an, mà đáng ghê nhất đối với Diệm là Nguyễn Văn Hinh - Tổng tư lệnh quân đội. Hinh chống đối Diệm ra mặt vì Hinh nhận rõ bản chất phản trắc của Diệm ngay khi Diệm chấp chính. Hinh cân đảo chính Diệm để Hinh tồn tại. Hinh đã cho đài phát thanh Sài Gòn phát đi những bài “văn chửi” Diệm và rải truyền đơn đảo đảo Diệm. Cuộc đảo chính này được Đỗ Mậu báo cáo đầy đủ với Diệm. Có lẽ nhờ thành tích này mà Đỗ Mậu được Diệm giao phụ trách An ninh quân đội khi Diệm lên “ngai” tổng thống. Thế nhưng Đỗ Mậu sau này cũng trở thành nạn nhân của một kẻ mang tâm địa phản trắc như Diệm.

Thực ra, từ trước khi Nguyễn Văn Hinh chống đối ra mặt, Ngô Đình Diệm đã có mưu đồ “đuổi anh tây con về Pháp”. Muốn thực hiện mưu đồ lật đổ Bảo Đại, Diệm phải chặt “tay chân” của Bảo Đại, điều đầu tiên cần phải làm là lật ghế Tổng tư lệnh quân đội của tướng Nguyễn Văn Hinh. Muốn vậy nhưng Diệm chẳng biết phải làm gì đối với Hinh. Ông ta đã toan “buông tay” và về vườn tiếp tục ngáp ruồi chính trị. Diệm cầu cứu và được Lansdale dạy bài học thứ nhất về lợi ích của sự phản trắc. Qua lời răn đe của Mỹ, Bảo Đại đành ra lệnh buộc Nguyễn Văn Hinh phải giao quân đội cho Ngô Đình Diệm và cuốn vó khỏi Việt Nam vào ngày 19.11.1954. Diệm được Mỹ cứu thoát khỏi một cuộc đảo chính dành cho ông ta. Lúc này, Diệm còn là diễn viên chính của Mỹ.

Nguyễn Văn Hinh ra đi, Ngô Đình Diệm quay sang đối phó với Bảy Viễn. Một vài cuộc đọ súng giữa quân của Diệm và Bảy Viễn đã nổ ra.

Đụng tới Bảy Viễn là đụng tới kho tiền của Bảo Đại. Vì vậy, Bảo Đại tức khắc triệu Diệm sang Pháp. Đáp lại lệnh triệu tập của Bảo Đại, một mặt Diệm bắn tiếng là sẽ từ chức, mặt khác ngầm quy tụ sẵn một nhóm gọi là “Hội đồng nhân dân cách mạng” vào ngày 29.4.1955 để chờ đối phó với Bảo Đại. Theo dư luận, để có được cái hội đồng này, Lansdale đã chi 1 triệu đô la, mà người nhận trực tiếp là quân sự của Trình Minh Thế (Ông này đã phải bỏ trốn sang Campuchia sau khi Trình Minh Thế chết).

Không biết âm mưu của Ngô Đình Diệm, ngày 30.4.1955, tướng Nguyễn Văn Võ theo lệnh của tướng lưu vong Nguyễn Văn Hinh (đang trú ở Pháp) - xông vào dinh Độc Lập thực hiện một cuộc đảo chính đơn lẻ bằng cách xách súng vào dinh Thủ tướng yêu cầu Diệm đi Pháp theo lệnh của Bảo Đại.

Như chờ sự cố này sẵn, cái gọi là “Hội đồng nhân dân cách mạng” xuất hiện đúng lúc tướng Võ đang hằm hè Diệm. Một cuộc thu xếp ngoạn mục diễn ra như trong phim cao bồi. Đám chính trị gia “Hội đồng nhân dân cách mạng” vờ như không biết chuyện gì đang xảy ra đối với Diệm và Võ. Họ đến trao cho Diệm trao một bản tuyên ngôn đề nghị truất phế Bảo Đại và đưa Diệm lên thay. Cùng đi kèm với đám chính trị nhà vườn này, còn có hàng tướng Cao Đài Trình Minh Thế và một vài sỹ quan nô lệ của Diệm. Một viên sỹ quan cấp úy đã chĩa súng ngắn vào tướng Võ đòi xử tử tại chỗ. Đúng vai diễn, Diệm đóng mặt nhân từ lôi Võ vào phòng riêng che chở cho sinh mạng của tướng Võ. Sau đó, Diệm buộc tướng Võ phải viết đơn xin quy hàng “Hội đồng nhân dân cách mạng”.

Trước đám diễn viên đóng vai chính trị gia quá khích, Võ không còn là vị tướng oai phong nữa mà ỉu xiu viết đơn để được thả về.

Cái nhóm “Hội đồng nhân dân cách mạng” cứu mạng Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chính lễ của tướng Nguyễn Văn Võ và cả tướng Trình Minh Thế phải trả giá đắt cho sự ủng hộ Diệm. Tướng Thế - một nhân chứng của màn kịch xếp đặt sẵn diễn ra tại dinh Thủ tướng đã bị ám sát bí ẩn khi đang đứng trên cầu Tân Thuận chỉ huy quân đội đánh vào tổng hành dinh Bảy Viễn.

Cái nhóm “đánh chính trị hội đồng Bảo Đại và tướng Võ” có 30 nhân sỹ của 18 đảng phái nhưng ngoài các nhân vật trong ban thường vụ ra, chẳng ai biết chính xác cái ngày họp hội đồng ra nghị quyết thư tôn Diệm lên “ngai”. Thế nhưng số phận của các vị này, lịch sử ghi nhận rất chính xác.

Khi Ngô Đình Diệm là tổng thống đúng “nguyên vọng” của cái “Hội đồng nhân dân cách mạng” thì Diệm cho thuộc hạ bắt cóc ông Nguyễn Bảo Toàn bỏ vào bao bố rồi đem ra sông Sài Gòn thả. Ông Nguyễn Bảo Toàn chính là chủ tịch của cái nhóm “Hội đồng nhân dân cách mạng” ấy. Sau khi Diệm bị lật đổ vào năm 1963, tay thuộc hạ nhận lệnh thủ tiêu ông Toàn đã thừa nhận trước tòa án và dư luận rằng, chính Diệm đã ra lệnh.

Hồ Hán Sơn là phó chủ tịch của cái hội đồng ma ấy cũng được Ngô Đình Diệm trả ơn bằng cách cho thuộc hạ ám sát, giấu xác dưới một cái giếng ở Tây Ninh.

Ngay sau khi giải quyết xong đám “quân đội thân Tây”, đám chính trị “Hội đồng nhân dân cách mạng” tủa vào dinh Độc Lập thỏa sức tung bọt mồm. Ai cũng muốn mình là nhất. Trong khi đó, các quân nhân của Ngô Đình Diệm và lính của Bảy Viễn bắn giết nhau ì xèo.

Đã có Mỹ thu xếp, Pháp đánh bỏ rơi Bảy Viễn và chu cấp đạn dược cho đại tá Dương Văn Minh – lúc ấy được giao quyền chỉ huy chiến dịch Hoàng Diệu xóa sổ quân Bảy Viễn.

Quân Bảy Viễn chỉ là đám quân ô hợp, chỉ quen bắt nạt dân lành lại bị Pháp bỏ rơi nên sau vài trận giao tranh nhỏ đã bỏ chạy về rừng Sác cố thủ và bị bao vây. Biết không còn cơ hội nữa, Bảy Viễn xin Pháp thu xếp cho mình một cuộc đào tẩu an toàn sang Pháp. Được Pháp đồng ý, Bảy Viễn bỏ rơi đám quân ô hợp của mình giữa rừng sâu nước độc.

Nhân cơ hội chiến thắng Bảy Viễn, Lansdale dùng thủ thuật tuyên truyền bom Ngô Đình Diệm lên tận mây xanh.

Trong khi đó, Mỹ cử một đoàn ngoại giao đến Paris thương thuyết với Pháp và đề nghị Pháp rút quân đội về nước, giao Việt Nam cho Mỹ lo liệu. Nếu không thất bại trận Điện Biên Phủ, quân đội Pháp ở Việt Nam chưa hẳn chấp nhận yêu cầu này. Nhưng cú nốc ao Điện Biên Phủ đã khiến quân Pháp không còn sinh khí nữa. Toán quân xâm lược cuối cùng của Pháp rời Việt Nam vào ngày 2.7.1955.

Sau khi giải quyết xong lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn, Dương Văn Minh được thăng từ cấp đại tá lên thiếu tướng.

Dương Văn Minh tiếp tục nhận nhiệm vụ tư lệnh thực hiện một loạt chiến dịch nhằm xóa sổ các lực lượng chống đối tại miền Tây mà mấu chốt là các nhóm vũ trang của Hòa Hảo. Ngày 1.6.1955, Nguyễn Giác Ngộ chính thức về “hợp tác” với chính phủ Diệm.

Ngày 28.11.1955, Diệm cho quân chiếm thánh địa Hòa Hảo.

Ngày 29.12.1955, tướng Dương Văn Minh được giao chỉ huy chiến dịch Nguyễn Huệ truy quét lực lượng quân sự Hòa Hảo.

Thời điểm này, các lực lượng vũ trang của Hòa Hảo có 4 nhóm. Nhóm Lâm Thành Nguyên trú quân ở Cái Dầu và Châu Đốc; Nhóm Trần Văn Soái đóng quân ở Cái Vồn, Sa Đéc và Lai Vung; Nhóm của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt đóng quân ở Thốt Nốt, Long Xuyên, Rạch Giá, Gò Quao, Ô Môn. Trong số đó, chỉ có nhóm của Ba Cụt là đáng gờm.

Trong suốt quá trình “kháng chiến chống Pháp” của mình, Ba Cụt đã 6 lần dẫn quân hợp tác với Pháp. Sau mỗi lần hợp tác, Ba Cụt được Pháp gán thêm một cấp hàm để rồi sau lại kéo quân ra bùng tiếp tục chống Pháp. Lần “hàng Pháp” cuối cùng vào tháng 12.1953, Ba Cụt được Pháp trao lon thiếu tướng. Sau khi đeo lon tướng xong, Ba Cụt tiếp tục ra bùng “kháng Pháp”.

Trong loạt chiến dịch này, Ngô Đình Diệm tung hết 4 sư đoàn bộ binh, 3 phi cơ oanh tạc, 4 hải đoàn, 6 thiết giáp, 5 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn nhảy dù. Trong khi đó, quân số của Ba Cụt chỉ có gần 4.000 người với các loại súng cả tâng của Pháp. Biết không thể địch lại, Ba Cụt rút quân từ bản doanh Cái Vồn chạy về Đồng Tháp Mười lập căn cứ.

Đồng Tháp Mười khi ấy là một bãi đầm lầy mênh mông rất có lợi thế để ẩn núp. Tại đây, quân của Ba Cụt và của Diệm đụng độ nhau kịch liệt suốt 2 tháng. Phe nào cũng có thương vong. Tuy nhiên, quân của Ba Cụt chiếm ưu thế về địa thế hơn. Thế là Diệm dùng chiêu.

Ngày 11.2.1956, giữa lúc đang hầm hè nhau, Ngô Đình Diệm triệu Nguyễn Ngọc Thơ đang là đại sứ tại Nhật Bản về làm thuyết khách để chiêu dụ Ba Cụt ra đầu hàng. Nguyễn Ngọc Thơ vốn là dân Thốt Nốt, Cần Thơ - đồng hương với Ba Cụt. Khi còn là Tỉnh trưởng Long Xuyên thời Bảo Đại, ông Thơ đã từng đứng ra làm lễ quy thuận của quân Ba Cụt với quân Pháp. Cũng cần nhắc rằng, mục tiêu ban đầu của lực lượng vũ trang Hòa Hảo là kháng Pháp.

Miếng mồi được Nguyễn Ngọc Thơ đưa ra là, nếu đầu hàng, Ba Cụt vẫn sẽ được trọng dụng trong chính quyền Ngô Đình Diệm với lon tướng và bổng lộc đầy đủ. Miếng mồi quá thơm, Ba Cụt chấp nhận. Không biết mình đã lọt vào bẫy chuột, Ba Cụt còn đưa yêu sách: Diệm phải chấp nhận cho Ba Cụt lập 3 đại bản doanh ở Long Xuyên, Sài Gòn và lưu động.

Trong khi Ba Cụt và Nguyễn Ngọc Thơ đang thương thuyết trên một cái cò giữa dòng thượng nguồn Tiền Giang thì quân của Diệm bao vây tất cả những khu vực của quân Ba Cụt. Khi thấy bị lừa, Ba Cụt chạy trời chết. Ông ta lên trong một chiếc ghe thương hồ đến bến Chác Cà Đào (vùng ngoại vi Long Xuyên) thì bị bắt.

Để hợp pháp hóa việc giết Ba Cụt, Diệm cho lập tòa án tại Cần Thơ.

Trong phiên xử, một người cậu của Ba Cụt là Huỳnh Văn Hoàn đã đứng lên làm nhân chứng việc Nguyễn Ngọc Thơ có nhờ ông ta làm trung gian thu xếp để Nguyễn Ngọc Thơ gặp Ba Cụt. Ông Hoàn đã chứng minh Diệm phản bội lời hứa với Ba Cụt. Thế là nhân vật này bị mật vụ vào tận phiên tòa kẻ ra ngoài và mất tăm vĩnh viễn. Ba Cụt bị tuyên án tử hình.

Ba Cụt bị xử tử hình bí mật vào ngày 13.7.1956.

Cái chết của Ba Cụt đã khiến hơn 1,5 triệu tín đồ Hòa Hảo sôi sục thề trả thù. Nguyễn Ngọc Thơ chuồn về Sài Gòn và không bao giờ dám trở về nơi chôn nhau cắt rốn nữa.

Một lực lượng nhỏ của Ba Cụt đã thoát ra vùng Bảy Núi để tổ chức ám sát các viên chức phục vụ cho chính quyền Ngô Đình Diệm tại Long Xuyên để phục thù.

Để trấn an Nguyễn Ngọc Thơ, Ngô Đình Diệm phong cho ông Thơ làm phó tổng thống mà không cần bầu cử.

Lúc Ba Cụt chưa bị bắt, tướng Trần Văn Soái tức Năm Lửa đã đầu hàng quân của Ngô Đình Diệm vào ngày 2.3.1956. Hai lực lượng của Lâm Thành Nguyên và Nguyễn Giác Ngộ (đã chấp nhận phục vụ cho chính quyền Bảo Đại trước đó vào năm 1950 qua sự thuyết phục của Nguyễn Ngọc Thơ) tự động giải tán. Xem như Diệm đã loại được một lực lượng đối kháng đáng kể ở miền Tây bằng một thủ đoạn cổ xưa.

Ở một diễn biến khác, Ngô Đình Diệm sai Nguyễn Thành Phương về tận tòa thánh Cao Đài Tây Ninh thực hiện một cuộc đảo chính nội bộ trong tôn giáo này bằng âm mưu dùng “dây đậu nấu đậu”.

Từ năm 1954, Lansdale đã mua chuộc Nguyễn Thành Phương - thiếu tướng, Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang của Cao Đài ở Tây Ninh về phục vụ Diệm. Diệm đã thăng chức trung tướng và bổ chức Quốc vụ khanh trong chính phủ.

Chiến thắng Bình Xuyên và Hòa Hảo quá dễ khiến Ngô Đình Diệm quyết định giải quyết gọn Cao Đài. Ngày 5.10.1955, Phương mang quân “Cao Đài của Diệm” đánh với quân “Cao Đài của Tắc”. Không đánh lại, Phạm Công Tắc - giáo chủ Cao Đài - phải rời Tây Ninh trốn sang Campuchia xin tị nạn. Phương bắt sống 300 “Cao Đài của Tắc”, kể cả vợ con Phạm Công Tắc.

Ngày 19.2.1956, quân của Diệm làm chủ tòa thánh Cao Đài Tây Ninh.

Xưng danh là “Tổng tư lệnh quân đội Cao Đài”, Phương tước vũ khí và tuyên bố “quốc gia hóa” toàn bộ lực lượng vũ trang của Phạm Công Tắc vào ngày 31.3.1956. Ấy vậy mà, sau khi lên làm tổng thống, Diệm tước mọi quyền hành, tịch thu tài sản và cho Phương về vườn. Những kẻ phục dịch Diệm trong chiến dịch này cũng bị Diệm loại bỏ dần.

Lực lượng vũ trang Thiên Chúa giáo “uống máu” tức Union Militaire de defense des Chretientes thì bị giải tán nhanh sau một vài trận càn quét đẫm máu của quân đội Diệm.

Cái mặt trận “Cao – Thiên – Hòa – Bình” bị Ngô Đình Diệm tàn sát không thương xót. Hậu quả của những chiến dịch tàn sát này đã đào sâu một đường hầm ngầm thù hận giữa các giáo phái đối với Diệm chỉ chờ chờ sụp đổ.

Đội ơn Mỹ, Diệm phải giương cao lá cờ chống Cộng để hoàn thành nhiệm vụ Mỹ giao. Để cho Mỹ thấy mình là nhân vật Mỹ cần, Diệm tráo trở không công nhận Hiệp định Genève với luận

điều: Pháp ký chứ Diệm không ký. Diệm biết chính phủ của mình là chính phủ ngụy tạo không có được sự ủng hộ của dân chúng nên bất chấp dư luận, lơ lảo không tổ chức tổng tuyển cử, không công nhận tính hợp pháp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Quốc dân Đảng miền Trung lúc đầu ủng hộ Diệm rất tích cực. Đám chính trị này có cán bộ giữ chức vị tỉnh trưởng và quận trưởng ở hai tỉnh lớn Quảng Nam và Quảng Ngãi. Chúng tích cực chống Cộng. Phong trào tổ Cộng, ly khai Cộng sản do đám này phát động đầu tiên ở Quảng Nam từ tháng 10.1954. Chính vì vậy, Diệm, Nhu sợ Mỹ nhìn thấy mặt “tích cực” đó sẽ bỏ rơi mình. “Tiên hạ thủ vi cường”, Diệm bắt thần đuổi cổ các tỉnh trưởng và bắt giam hàng loạt các quận trưởng thuộc phe Quốc dân Đảng ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và mật lệnh triệt hạ toàn bộ Quốc dân Đảng.

Thế là tháng 3.1955, phe Quốc dân Đảng miền Trung lập chiến khu chống Diệm. Ngô Đình Cẩn bày kế mời phe Quốc dân Đảng về hợp tác. Sau khi 2.000 “nghĩa binh” Quốc dân Đảng làm lễ nộp vũ khí và hợp tác với Diệm tại Hội An cuối năm 1956, Cẩn lần lượt cho thuộc hạ giam cầm, thủ tiêu mất tích từng người.

Những kẻ biết luôn cúi, xu nịnh và biết phục dịch tạo thế làm ăn cho anh em Ngô Đình thì nhanh chóng được cất nhắc vào những chức vụ then chốt.

Trong lực lượng đặc biệt, các sĩ quan thân tín như Lê Quang Tung, Lê Quang Triệu, Trần Hữu Kính nắm giữ các vị trí quan trọng; Trong công an, Ngô Đình Nhu bố trí Dương Văn Hiếu và Nguyễn Văn Hay làm phụ tá cho đại tá Nguyễn Văn Y. Mặc dù chỉ là phụ tá giám đốc nhưng Dương Văn Hiếu là nhân vật quan trọng nhất trong ngành công an vì ông ta phụ trách công tác tình báo, phản gián, bắt người, giết người, tiêu diệt đối lập.

Tổng giám đốc Nha Hành ngân kế Bộ Quốc phòng là Nguyễn Đình Cẩn (Bí thư Cẩn lao ở Sài Gòn); Nha Nhân viên thì có trung tá Kỳ Quang Liêm thay đại tá Đinh Sơn Thung.

Chủ tịch Quốc hội và đa số dân biểu đều là người Công giáo. Đến năm 1963, tất cả tỉnh trưởng, thị trưởng miền Trung và miền Cao nguyên đều là người Công giáo Bắc và Trung trừ Đà Lạt, Thừa Thiên và Phú Yên.

Cách bổ nhiệm hoàn toàn dựa vào tình cảm cá nhân, không theo một tiêu chí nhất định nào.

Hoàng Khắc Thành là một kẻ thô lỗ, tục tĩu đã từng bị một ngân hàng thương mại nhỏ sa thải nhưng nhờ biết luôn cúi, Thành được anh em Diệm ký gởi vào làm ở Ngân hàng Việt Nam Thương Tín để dần dà thay thế tay giám đốc cũ. Tay giám đốc cũ bị đẩy đi vì không chịu ăn cánh với Ngô Đình Thục. Nhiều lần tay này từ chối không cho Ngô Đình Thục vay một khoản tiền lớn mặc dù Diệm đã lên tiếng nhờ vả.

Thành được đưa vào làm tổng giám đốc ngân hàng để những người họ hàng với anh em Ngô Đình có thể vay vốn vô giới hạn. Sau khi Diệm bị lật đổ, Thành phải vào tù vì... tham nhũng và lạm quyền.

Dưới quyền Ngô Đình Diệm, người liêm khiết thì ít mà kẻ gian manh thì nhiều. Họ noi gương anh em Diệm, ra sức bóc lột dân nghèo.

Một tay nhà buôn là dân Thừa Thiên ăn cánh với Ngô Đình Cẩn buôn gạo lậu chưa từng biết chính trị là gì, bất chợt muốn làm dân biểu để có thể lực làm ăn đã nhờ Cẩn giúp đỡ. Nhờ sự giới thiệu của Cẩn, tay này được đưa ra ứng cử dân biểu ở Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam – nơi mọi người chẳng ai biết ông ta là ai. Thế mà ông ta vẫn đắc cử với 99% số phiếu. Tay này nhiều lần bị cánh cảnh sát bắt quả tang buôn lậu với đầy đủ tang chứng. Vụ việc được đưa sang tòa án rồi chìm ngấm, chẳng ai dám xử.

Năm 1956, ông Trần Trung Dung, cháu rể, gọi Ngô Đình Diệm bằng cậu, đang là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng ra Ninh Thuận ứng cử dân biểu. Ngày ông Dung ra Ninh Thuận, tay tỉnh trưởng tổ chức một cuộc tiếp rước linh đình trọng thể. Tay tỉnh trưởng lừa dân và học sinh tất cả các trường lớn nhỏ ra đứng hai bên vệ đường hoan hô từ ga Tháp Chàm về đến trung tâm tỉnh lỵ Phan Rang. Chưa bầu cử, dân Ninh Thuận ai cũng biết ông Dung sẽ đắc cử 100%.

Trung tá Trần Thanh Chiêu, một tay chân “Cần lao Công giáo” thân tín, giữ chức Tư lệnh sư đoàn dù. Mặc dù không có kinh nghiệm chiến trường nhưng Chiêu được thăng từ trung úy lên trung tá chỉ trong 5 năm.

Lê Văn Sâm chỉ là một thợ máy tàu dò chạy trên sông ngòi miền Lục tỉnh được Nguyễn Ngọc Lễ - sỹ quan chỉ huy Việt Bình Đoàn - thu dụng đem về Huế cho điều khiển ba chiếc thuyền máy quân sự. Sau khi cưới em gái bác sỹ Lê Khắc Quyến, Sâm được giữ chức Giám đốc Nha Quân cụ. Vì bác sỹ Quyến là thầy thuốc riêng của mẹ ông Diệm và “cậu Cẩn”.

Thiếu tá Trần Ngọc Tám, Tỉnh trưởng Vĩnh Long nhờ biết xu nịnh Ngô Đình Thục đã được thăng ba cấp lên đến thiếu tướng.

Khi Diệm mới về nước vào tháng 7.1954, Lê Quang Tung mới tốt nghiệp sỹ quan trừ bị nhưng nhờ được lòng Diệm nên chỉ 8 năm sau đã mang hàm đại tá. Trong 8 năm Tung được thăng 6 cấp mặc dù chỉ là lính kiểng.

Bản chất phản trắc và tàn ác của Ngô Đình Diệm bộc lộ rõ. Những kẻ đã từng là “đồng chí” của ông ta lần lượt bị bắt, bị thủ tiêu hoặc trốn chui nhủi. Đạo luật 10/59 và chiếc máy chém lưu động của ông ta đã thể hiện hành động tàn ác nhất của chế độ. Với chính sách tố Cộng, Ngô Đình Diệm đã thực hiện những hành vi vô đạo, vô nhân tâm nhất bằng việc vợ phải tố giác chồng, con từ cha v.v... Chỉ trong 9 năm Diệm cầm quyền đã có gần 800.000 người bị khép tội chống đối, làm Cộng sản, bị bỏ tù và 90.000 người bị giết bằng tra tấn, ám sát hoặc tử hình. Trong đó, không ít người bị vu cáo oan(). Lòng hận thù, oán thán chất ngất khắp miền Nam.

Từ thành thị đến nông thôn, bất kỳ lúc nào, ai cũng có thể bị bắt với tội danh làm Cộng sản. Người dân sống trong nơm nớp, lo âu. Lỡ miệng nói xấu một tay xã trưởng cũng có thể bị quy là Cộng sản.

Chỉ sau vài tháng thực hiện chiến dịch Trương Tấn Bửu, nhiều người dân vô tội phải chết oan dưới tay của chính quyền họ Ngô. Chỉ cần gán cho bất kỳ ai hai từ cộng sản là họ có quyền bắn

giết dã man. Nhiều cuộc hành hình tàn ác nhất được bọn tay sai sử dụng giữa thanh thiên bạch nhật. Hàng ngày các nguồn tin khắp nơi đưa về cho biết có hàng trăm người bị mổ bụng moi gan chỉ vì “nghĩ vẩn có liên can đến Cộng sản”. Tại Củ Chi, hàng trăm người bị giết dã man theo kiểu trung cổ. Không khí căm phẫn trong nhân dân ngày càng sôi sục.

Gian xảo và bội tín nên Ngô Đình Diệm mang luôn cái tính đa nghi. Vì vậy, sau khi vững vàng trên chiếc ghế tổng thống, Diệm trở mặt với hầu hết bạn bè, chiến hữu, “đồng chí” thuở ông ngáp ruồi chính trị. Một số bị tay sai của Diệm bắt, một số bị thủ tiêu, một số bị cô lập quyền lực. Công thần như Nguyễn Đôn Duyệt, Trần Văn Hương cũng bị đẩy ra nước ngoài công tác. Ông Võ Như Nguyễn, Nguyễn Chữ, Võ Thu Tịnh thì bị Ngô Đình Cẩn o ép đến mức về vườn. Đỗ Mậu thì trở thành quan không lính.

Dân gian lưu truyền một “bản vắn” vọng cổ về Ngô Đình Diệm:

“Nước Nam có Ngô Đình Diệm

Bày chuyện quốc hội lừa bịp

Lòng dạ ác độc hiểm sâu

Suốt đời ba lần bán nước

Để mong kiếm chút bơ thừa

Đồ bù nhìn

Lũ bán nước

Đồ cô lý

Bợ dít Mỹ

Khắp nơi toàn dân oán hờn”.

Chương 9: VỤ ÁM SÁT Ở BUÔN MÊ THUẬT

Sáng sớm ngày 23.2.1957, toàn miền Nam chấn động bởi đồng loạt các tờ báo chạy hàng tít lớn ở trang nhất: Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát tại Hội chợ Buôn Mê Thuật. Các nguồn tin tường thuật chung chung: “Ngày 22.2.1957, Khánh thành long trọng Hội Chợ Buôn Mê Thuật. 8g30 T.T Ngô Đình Diệm tới, gần đến khán đài, bị một thanh niên bắn bằng tiểu liên Mas49 giấu dưới áo blouson. Nhưng đạn lại trúng Bộ Trưởng Cải Cách Điền Địa là ông Đỗ Văn Công; Ông Công bị thương nặng ở tay và ngực. Người bắn bị bắt ngay... Thanh niên bị bắt là Hà Minh Chí, tức Phạm Ngọc Phú, đã từng làm việc ở Ty Thông Tin Tây Ninh”.

Thuở ấy, dư luận báo chí trong nước lẫn ngoài nước đều cho rằng nhân vật ám sát tổng thống họ Ngô là người của Cao Đài Liên minh. Họ cho rằng phát súng ám sát ấy chỉ là một tiếng động khởi

phát từ sự bức xúc của tôn giáo, bùng phát từ nỗi hận thù tín ngưỡng của Cao Đài giáo trả đũa lại những hành động đàn áp của tổng thống họ Ngô. Dư luận lúc ấy đã tiếc nuối cho rằng, phát súng ấy đã không thành công, không giết chết được vị tổng thống có nhiều nợ máu với dân tộc Việt và phát súng ấy đã không hoàn thành được vai trò của sứ mạng lịch sử. Phát súng ấy chỉ là một tiếng động nhỏ nhoi lẻ loi trong vô vàn tiếng súng hướng về phía chính quyền Ngô Đình Diệm.

Nhưng nhận định ấy chỉ là dư luận nhất thời chứ không là lịch sử.

Người thanh niên dũng sỹ ấy tên thật là Phan Văn Điền. Các biệt danh khác là Hà Minh Trí (chứ không phải Hà Minh Chí), Triệu Thiên Thương, Mười Trí, Đình Hùng Dũng, Mười Thương. Mọi người thường biết đến ông với cái tên Hà Minh Trí.

Hà Minh Trí sinh năm 1935 ở Nghi Thiết, Nghi Lộc, Nghệ An. Cha ông hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Đô Lương khi ông còn nhỏ, chưa biết gì. Mẹ lấy chồng khác, ông sống với bà nội già. Năm 1945, khi mới 10 tuổi, nạn đói hoành hành khắp nơi, ông bị một đoàn lính viễn chinh Nhật bắt nuôi khi đang lang thang vất vưởng nơi đầu đường xó chợ. Đoàn quân Nhật mang ông về đến Sài Gòn thì bị giải giới vì Nhật hoàng đầu hàng quân Đồng Minh. Trước khi lên tàu về nước, chúng bỏ rơi ông ở Vũng Tàu. Số phận đã đưa ông vào nhà một chiến sỹ Việt Minh và được nhận làm con nuôi. Sau khi cha nuôi qua đời vì một cơn bạo bệnh, ông được lực lượng vũ trang Thiếu niên Đồng ấu thuộc Ban công tác thành Vũng Tàu của chính quyền Việt Minh kết nạp vào làm thành viên.

Nhiệm vụ thường ngày của ông là hóa trang thành trẻ đánh giày, bán hàng rong để tiếp cận lính Tây rồi bắt nạt tung lựu đạn tấn công.

Đầu năm 1947, trong không khí kháng chiến sôi sục, ông được Ban công tác Thành đưa vào trường Thiếu sinh quân ở núi Nứa, Bà Rịa đào tạo rồi đưa vào lực lượng Thiếu nhi Xung phong Anh dũng Đội.

Nhiệm vụ của ông là làm giao liên cho đại đội A - một đơn vị bộ đội do ông Đặng Quang Long làm đại đội trưởng (sau này, Đặng Quang Long còn có tên là Đặng Quang Hồng trở thành Tư lệnh quân khu 7). Vài tháng sau, ông được trung đoàn rút lên làm giao liên cho ông Hứa Văn Yên - Trung đoàn phó trung đoàn vũ trang 307, chiến khu 7 (sau này là quân khu 7). Người trung đoàn phó này còn kiêm thêm chức vụ Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Bà Rịa (sau này ông là Bí thư Đảng ủy văn phòng phía Nam Bộ Xây dựng). Ông Yên đặt cho ông cái tên kháng chiến là: Đình Hùng Dũng. Năm này ông mới 12 tuổi.

Sau nhiều chuyến xâm nhập vào đồn Cao Đài để lấy tin tình báo quân sự, khi trở về, mặt khu kháng chiến đã bị Pháp tấn công phải dời đi nơi khác, ông bị mất liên lạc và trở thành em ruột của một viên sỹ quan quân đội Cao Đài tên Phạm Ngọc Chấn.

Phạm Ngọc Chấn là em ruột của trung tá Cao Đài Phạm Ngọc Trấn - Tư lệnh trưởng lực lượng quân đội Cao Đài ở miền Tây Nam bộ (Thời điểm đó Trình Minh Thế mang cấp hàm đại tá - Tư lệnh trưởng quân đội Cao Đài ở miền Đông Nam bộ).

Vì nghi ngờ thiếu úy Chấn bắt liên lạc với Việt Minh nên Đề nghị phòng Cao Đài tức cơ quan tình báo của Cao Đài ra lệnh bắt cả Chấn và Hà Minh Trí đem về giam ở tòa thánh Tây Ninh.

Tại đây, hai người bị bọn điều tra của quân đội Cao Đài tra tấn một trận ra trò. Điều mà chúng muốn thiếu úy Chấn phải nhận là có hợp tác với Việt Minh. Bản thân Hà Minh Trí cũng bị bọn giả danh tôn giáo này đánh đập không nương tay. Chúng bắt thiếu úy Chấn chỉ vì một bản báo cáo lão của vệ úy Danh nhân dịp Bộ tư lệnh quân đội Cao Đài đặt dấu hỏi về những trận hành quân đột kích của chúng vào chiến khu Việt Minh cứ bị thất bại. Danh căm thù thiếu úy Chấn chỉ vì một lần hành quân nọ, hấn toan cưỡng hiếp một phụ nữ, bị thiếu úy Chấn ngăn cản và làm bề mặt trước binh lính.

Nghे tin em mình bị bắt, trung tá Phạm Ngọc Trăn từ miền Tây Nam bộ chạy về nhờ Trình Minh Thế can thiệp.

Trung tá Trăn vốn là một thầy giáo dạy học ở trường Đạo đức Học đường của Cao Đài, sau được tham dự một khóa đào tạo sỹ quan của Pháp. Thuở thiếu thời, Trình Minh Thế là học trò của trường Đạo đức Học đường. Bây giờ, tuy mang quân hàm đại tá, lớn hơn trung tá Trăn một cấp nhưng Trình Minh Thế vẫn phải gọi Trăn bằng thầy. Nhờ sự can thiệp của Trình Minh Thế, phòng nhì của Cao Đài thả thiếu úy Chấn lẫn Hà Minh Trí ra. Sau sự kiện đó, trung tá Trăn xin được ở lại tòa thánh làm cố vấn quân sự cho giáo chủ Phạm Công Tắc và chỉ huy lực lượng Cơ Thánh Vệ - một lực lượng “ngự lâm quân” bảo vệ tòa thánh Cao Đài. Hà Minh Trí được trung tá Trăn và thiếu úy Chấn đón về nhà nuôi dưỡng và cho ăn học. Ông được đặt tên mới: Phạm Ngọc Phú.

Năm 1949, ông gia nhập vào đội công an xung phong của chính quyền kháng chiến tỉnh Tây Ninh. Khi ấy ông được 14 tuổi. Ban ngày ông vẫn đi học bình thường nhưng ban đêm ông cùng các đồng chí rải truyền đơn chống Pháp và ám sát Việt gian, ám sát những quan chức Pháp. Năm 15 tuổi, ông vào hắc mật khu.

Năm 22 tuổi, ông được giao chức vụ Tổ trưởng Tổ Trừ gian diệt ác. Tổ có 4 người. Sau khi tỉnh Tây Ninh thành lập Ban Định tình thì Tổ Trừ gian diệt ác được nhập vào thành một tổ, gọi là Tổ Ám sát.

Ngày 20.7.1956 Ngô Đình Diệm chính thức phá vỡ Hiệp định Genève. Bằng ngân sách của Mỹ, Diệm cho xây dựng hệ thống đồn bót khắp nơi. Lực lượng công an, mật vụ, chỉ điểm được rải khắp từng ấp, từng xóm nhà. Hệ thống “ngũ gia liên bảo” của Diệm đã phân loại quần chúng thành từng đối tượng a, b, c. Đối với những gia đình có thân nhân theo Cộng sản, Diệm đàn áp không nương tay. Nhiều tay chân của Diệm giết người rất man rợ. Ở Giồng Riềng, Kiên Giang, chúng bắt chị Hồng Hạnh - một người kháng chiến cũ - lột từng miếng thịt đem xào và bắt chị chứng kiến cho đến lúc tàn hơi. Một số người khác bị chúng mổ bụng rồi bắt chạy để ruột xổ lòng thông ra ngoài đến chết. Chỉ trong 300 ngày đầu tổ Cộng, chống Cộng, chính quyền Diệm đã giết 1.202 người; 705 người chết mất xác, 4.231 người bị thương và 25.000 người bị bắt (). Luật 10/59 của Diệm là cao trào tàn ác của cái gọi là chính quyền Cộng hòa do y chủ xướng.

Những chính sách dã man của Diệm đã gây nên một làn sóng căm phẫn trong nhân dân.

Trước tình hình đó, Cách mạng miền Nam chuyển hướng hoạt động vào bí mật để bảo toàn lực lượng.

Tháng 7.1956, Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu với ý đồ “quét Cộng sản ra khỏi 9 tỉnh miền Đông Nam bộ”. Để thí điểm, chúng lấy 2 xã Hòa Hội và Phước Vinh ở Tây Ninh mở màn chiến dịch. Những gia đình có “liên can với Cộng sản”, chúng bắt xếp hàng chụp ảnh với khẩu hiệu trên tay: “Gia đình tôi kiên quyết ly khai với Cộng sản”.

Một đêm giữa tháng 10.1956, lãnh đạo Công an Tây Ninh giao cho Hà Minh Trí một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng: ám sát Ngô Đình Diệm.

Trước khi lên đường làm “thích khách”, ngoài việc trang bị vũ khí, tâm lý, lãnh đạo còn trang bị thêm cho ông một điều bí mật. Đó là lời khai với địch nếu bị bắt.

Ông đã lên kế hoạch ám sát tổng cộng 3 lần.

Lần thứ nhất, ông dự định ám sát Ngô Đình Diệm trong dịp Cao Hoài Sang thỏa thuận “bán Cao Đài” cho Diệm thông qua cái gọi là lễ ký kết Thỏa ước Bính Thân tại tòa thánh Tây Ninh để qua mặt giáo dân. Ông sẽ bắn Diệm trong buổi lễ đó. Ngay sau khi nhận nhiệm vụ tổ chức ám sát Ngô Đình Diệm, ông đã cùng 3 đồng chí khác là Phát, Tám Bụng và Kính thảo luận kế hoạch điều tra đường đi nước bước của Diệm. Tuy nhiên do thời gian quá gần, ông xin hủy bỏ kế hoạch ám sát Diệm tại lễ ký kết.

Kế hoạch ám sát Diệm lần thứ hai vào dịp lễ Giáng sinh đêm 24.12.1956. Lệ thường, vào đêm Giáng sinh, Diệm cùng gia đình và đám thuộc hạ từ dinh Độc Lập ra nhà thờ Đức Bà cầu kinh.

Ông từ Tây Ninh đi Sài Gòn bắt liên lạc với ông Lê Văn Cửu. Ông Lê Văn Cửu là tình báo viên của Ban Địch tình thuộc biên chế của Tỉnh ủy Tây Ninh được cử đi Sài Gòn học Anh văn ở Hội Việt Mỹ. Sau khóa học ông Cửu trở thành phiên dịch cho Cơ quan viện trợ Mỹ (USAID) tại Sài Gòn.

Thông qua ông Cửu, Hà Minh Trí nắm được quy trình dự lễ Giáng sinh của Diệm. Những buổi cầu kinh Giáng sinh hàng năm, Diệm thường quỳ ở hàng ghế đầu tiên. Hai bên là Nhu, con trai Nhu, hai sỹ quan tùy viên. Phía sau Diệm từ 2 đến 3 hàng ghế là các bộ trưởng và công chức cao cấp.

Nhóm hành động của Hà Minh Trí gồm 4 người: Hà Minh Trí, Cửu, Phát và Tám Bụng. Theo phương án, đến giờ hành lễ, Hà Minh Trí và Cửu sẽ vào nhà thờ. Cửu sẽ đưa Hà Minh Trí len lỏi vào đám công chức cao cấp quỳ ở hàng ghế thứ năm. Hà Minh Trí sử dụng súng ngắn Colt 9 ly, Cửu sử dụng ru-lô. Tư Phát và Tám Bụng mỗi người thủ một trái lựu đạn khói, trụ ở bên ngoài để hỗ trợ cho nhóm bên trong. Hai người bên ngoài ăn mặc như công nhân điện lực. Tám Bụng đứng sẵn tại trụ điện chính đường Catinat (nay là đường Đồng Khởi), phía trước nhà thờ. Phía sau nhà thờ là đường Duy Tân (Phạm Ngọc Thạch hiện nay). Tư Phát đứng tại trạm biến thế điện trước dinh Độc Lập. Đó là hai trụ điện của hai cầu dao chính nối mạch cung cấp điện cho khu vực từ dinh Độc Lập đến sở Thú. Thời điểm hành động được ấn định là sau bài kinh đầu tiên. Từ chỗ quỳ cách Diệm 4 hàng ghế sau, Trí và Cửu sẽ đồng loạt nổ súng thẳng vào đầu Diệm.

Ở bên ngoài, Tám Bụng và Phát chỉ chờ nghe loạt súng trong nhà thờ vang lên là đồng loạt cúp cầu dao điện ngay. Tiếng súng nổ và mất điện sẽ làm mọi người hoảng loạn tạo cơ hội cho Hà Minh Trí và Cửu trà trộn vào đám đông lộn xộn thoát ra ngoài.

Tối 24.12.1956, nhóm ám sát có mặt tại khu Nhà thờ Đức Bà đúng theo phương án. Tiếc rằng, lễ Giáng sinh năm đó, Diệm đột ngột thay đổi kế hoạch và đi dự lễ ở Đức Huệ. Kế hoạch ám sát lần thứ hai của Hà Minh Trí bất thành.

Một ngày đầu tháng 1.1957, Hà Minh Trí tiếp tục lên kế hoạch ám sát Diệm lần thứ 3 sau khi biết tin Diệm sẽ cắt băng khánh thành Hội chợ triển lãm kinh tế Cao nguyên sẽ diễn ra vào ngày 22.2.1957 tại Buôn Mê Thuột.

Phương án ám sát được vạch như sau:

- Vị trí bắn: Đứng trực diện mục tiêu.
- Yêu cầu yếu lĩnh: Mục tiêu đứng cố định, không bắn lúc Diệm di chuyển.
- Thời điểm bắn: Thời điểm tốt nhất là lúc Diệm đứng chào cờ và lúc đọc diễn văn khai mạc.
- Điểm bắn trên người Diệm: Từ ngực trở lên đầu (để phòng Diệm có mặc áo chống đạn che từ ngực xuống bằng quang).

Kế hoạch ám sát lần này, ngoài việc giết Diệm, người Cộng sản Hà Minh Trí còn mang theo một thông điệp ly gián nội bộ chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Diệm là kẻ đa nghi, tàn độc. Trong nội bộ Diệm lại có sẵn nhiều lực lượng kinh chống, sát phạt nhau. Lực lượng thứ nhất là tay chân thuộc hạ của tướng Nguyễn Văn Hinh. Sau cú lật đổ Diệm không thành công, Nguyễn Văn Hinh chạy sang Pháp sông lưu vong nhưng những sỹ quan thân tín của Hinh vẫn đang phục vụ dưới trướng Ngô Đình Diệm. Đó là những kẻ thân Pháp như Mai Hữu Xuân, Trần Văn Đôn (đều do phòng nhì Pháp cài lại). Đối lập với nhóm thân Pháp là nhóm thân Mỹ như tướng Trần Văn Khánh, tướng Dương Văn Minh. Ngoài ra còn có các lực lượng quân sự của Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên... Trong số các phần tử đối lập nhưng vẫn làm việc cho Diệm cũng có những người đã từng đồng cam cộng khổ với Diệm từ thuở Diệm còn lang thang cầu thực.

Hầu hết những lực lượng này đều đã từng bị Diệm tạo mối thâm thù. Lời khai của Hà Minh Trí phải tạo được hồ sâu thâm thù giữa Diệm với những lực lượng đó.

Ngoài khẩu súng Mas49, Hà Minh Trí còn được trang bị thông điệp ly gián nội bộ Diệm bằng khẩu ngữ. Nguyên văn: “Tập đoàn Mai - Dương - Nguyễn bên trong câu kết với tập đoàn Hinh - Tâm - Hữu bên ngoài. Sử dụng mặt trận Cao - Thiên - Hòa - Bình giết Diệm lật đổ chính quyền thân Mỹ lập lại chính quyền thân Pháp ở miền Nam. Tôi là người của Cao Đài Liên minh”.

“Mai - Dương - Nguyễn” tức Mai Hữu Xuân - thiếu tướng, Giám đốc Nha An ninh Quân đội; Dương Văn Minh - thiếu tướng, Tư lệnh Biệt khu thủ đô Sài Gòn - Gia Định; Nguyễn Hữu Châu - Bộ trưởng Phủ Tổng thống.

“Hinh - Tâm - Hữu” là Nguyễn Văn Hinh - thiếu tướng, nguyên Tổng tư lệnh quân đội Bảo Đại; Nguyễn Văn Tâm và Trần Văn Hữu – nguyên Thủ tướng chính quyền Bảo Đại, tiền nhiệm của Diệm.

Kế hoạch chi tiết lập xong, Hà Minh Trí được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Sáng ngày 20.2.1957, ông Năm Sếp, ông Tư Ngươn thiết đãi người thanh niên yêu nước Hà Minh Trí một bữa cơm thịnh soạn dọn sẵn tại nhà ông Ba Thằng. Đó là bữa cơm vĩnh biệt.

Sáng ngày 21.2.1957 Hà Minh Trí và một nữ đồng chí bắt xe đồ đi Buôn Mê Thuật mang theo khẩu súng Mas49 giấu trong chiếc vali.

5 giờ 30 phút sáng ngày 22.2.1957, cả hai đến Buôn Mê Thuật liên lạc với một nữ đồng chí tên Nhung đã được cài cấy vào lực lượng Công dân vụ của chính phủ Ngô Đình Diệm. Nhung đã cung cấp những thông tin cần thiết về giờ giấc, hành trình của Diệm và những chi tiết canh phòng của lực lượng cảnh sát tại hội chợ cho Hà Minh Trí.

Hà Minh Trí giấu khẩu Mas49 bên trong áo khoác một mình ung dung xâm nhập vào bên trong hàng rào dây đặc mật vụ của Ngô Đình Cần.

Gọi là tổ chức hội chợ triển lãm cho dân chúng nhưng những người có vé mời vào cổng đều là cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền. Còn những người dân hiếu kỳ chỉ dám đứng tùm tùm từ xa nhìn về phía chiếc cổng được trang hoàng lộng lẫy.

Trên lễ đài bày sẵn một hàng ghế danh dự. Chiếc ghế ở giữa dành cho Ngô Đình Diệm. Bên cạnh và phía sau là hàng ghế dành cho đoàn tùy tùng và các quan chức Phủ Tổng thống. Trước lễ đài là lực lượng dự khán gồm các tổ chức đoàn thể, các già làng người dân tộc thiểu số, một số lính dân tộc thiểu số đóng khố tay cầm giáo mác. Bao quanh lực lượng dự khán là một đội ngũ khá đông cảnh sát, mật vụ, an ninh quân đội làm nhiệm vụ canh giới. Hà Minh Trí chọn vị trí đứng lẫn chung với đám canh giới. Ông đứng giữa một thượng sỹ an ninh quân đội và một viên cảnh sát sắc phục.

Từ cổng đến lễ đài, hai hàng cảnh sát nghi lễ mặc sắc phục trắng toát bồng súng chào. Cạnh cổng, một nhóm phóng viên báo chí, truyền hình đứng nhắp nhòm chờ đợi Ngô Đình Diệm xuất hiện. Hoàn toàn không có thường dân ở trong sân lễ. Những người bán hàng rong chui rào vào bán bên trong bị cảnh sát đẩy ra khỏi cổng một cách cứng rắn, thô bạo.

Sau khi cất băng khánh thành, Ngô Đình Diệm cùng Ngô Đình Thục, Ngô Đình Nhu và đám tùy tùng tiến vào lễ đài trong tiền kèn quân nhạc.

Một sỹ quan hành lễ tiến đến trước mặt Diệm chào rồi hô to:

- Trình tổng thống, ngài tổng giám mục, ngài cố vấn... Xin phép được hành lễ chào quốc kỳ.

Diệm gật đầu. Viên sỹ quan quay người về trụ cờ hô:

- Nghiêm! Chào quốc kỳ!

Quân nhạc lại trỗi lên. Diệm và tất cả mọi người đứng thẳng, mắt hướng về phía lá cờ ba que.

Đúng thời điểm đó, Hà Minh Trí giương súng nhắm thẳng vào Diệm tác xạ. Một tiếng nổ đánh gọn vang lên. Bộ trưởng Nông nghiệp Đỗ Quang Công trúng đạn gục xuống. Diệm đứng chết trân, mặt đỏ bừng. Súng bị kẹt đạn.

Sau phút giây thăng thót, đám cảnh giới đã lấy lại bình tĩnh, xông vào nằm đè chồng đồng lên người Hà Minh Trí. Ông bị đánh đập như tử, bất tỉnh trước khi bị trói thúc kè cho Ngô Đình Nhu, Trần Kim Tuyền và Phạm Ngọc Thảo hỏi cung. Lúc đó, Hà Minh Trí chưa biết Phạm Ngọc Thảo là tình báo của ta.

Phạm Ngọc Thảo là người hỏi cung đầu tiên:

- Ai tổ chức cho mày giết tổng thống?

Hà Minh Trí trả lời rành mạch:

- Thiếu tướng Mai Hữu Xuân và lực lượng Cao Đài ra lệnh cho tôi.

Nghe xong lời khai đầu tiên, Ngô Đình Nhu lập tức ra lệnh cho tất cả những người có mặt phải tuyệt đối giữ bí mật. Trần Kim Tuyền móc sổ tay ra ghi chép tên tuổi từng người có mặt trong phòng hỏi cung.

Hà Minh Trí bị giải sang Ty Cảnh sát và khai tiếp với Trần Kim Tuyền: Đại tá Nguyễn Văn Đồn và thiếu tướng Nguyễn Văn Mạnh ở Cao Đài Liên minh trực tiếp giao nhiệm vụ và giao súng. Thiếu tướng Nguyễn Văn Mạnh là em rể Trình Minh Thế. Đại tá Nguyễn Văn Đồn là tham mưu trưởng của Thế. Nguyễn Văn Mạnh là tư lệnh phó. Cái chết bí ẩn của Thế trên cầu Tân Thuận còn nóng hổi. Tất cả những lời khai của Hà Minh Trí đều được nộp lên “Hội đồng thẩm vấn Trung ương” do Ngô Đình Nhu trực tiếp chỉ đạo.

Những lời khai của Hà Minh Trí có tác dụng rất mạnh đối với Ngô Đình Nhu. Từ những lời khai này, Ngô Đình Nhu tìm cách “cắt xén” bớt quyền bính trong tay một số nhân vật chính trong hệ thống chính quyền của chúng.

Ngày 4.5.1958, Nguyễn Hữu Châu bị Trần Lệ Xuân đẩy đến mức từ chức Bộ trưởng Phủ Tổng thống và Bộ trưởng Nội vụ rồi bí mật vượt biên sang Campuchia để sang Pháp tỵ nạn không dám ở lại Việt Nam. Châu đã phải bỏ của, bỏ gia sản chạy giữ mạng.

Không đoái hoài đến công trạng “người hùng rừng Sác”, Ngô Đình Diệm điều chuyển Dương Văn Minh từ Tổng tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng trấn Sài Gòn – Gia Định về làm tổng thư ký văn phòng Tổng thống - một chức vụ không quyền hành, không lính. Dương Văn Minh trở thành tướng không quân, không quyền.

Tháng 10.1957, tức là sau ngày Hà Minh Trí bị bắt 8 tháng, Mai Hữu Xuân - Tổng giám đốc Nha An ninh Quân đội bị điều về trường huấn luyện tân binh Quang Trung, một vị trí chỉ huy yếu thế trong lực lượng quân đội. Với đám tân binh, nếu Xuân có phản trắc cũng không làm Diệm lo ngại. Sở dĩ, Diệm không thả Xuân vì nghĩ Xuân có thực tài. Tướng Đỗ Mậu đang làm Đại sứ ở Pháp về nước thay Xuân giữ chức vụ Tổng giám đốc Nha An ninh Quân đội.

Nhiều tay chân thân tín đã từng ủng hộ Diệm thuở hàn vi nhưng có hơi hướm thân mật với những kẻ “dính dáng” đến lời khai của Hà Minh Trí đều bị hạ tầng công tác, đưa ra nước ngoài hoặc đưa về các vùng xa Sài Gòn - trung tâm đầu não của Diệm.

Từ cuộc thanh lọc nội bộ của Ngô Đình Nhu, nhiều nhân vật tỏ thái độ bất mãn, chán nản ra mặt. Nguyễn Đôn Duyến – một nhân vật thân tín đã từng ủng hộ Diệm thuở thất chí nay phải đi nước ngoài lánh nạn. Nguyễn Chữ, Võ Thu Tịnh là một trong những tay sai đắc lực tại khu vực miền Trung bị Ngô Đình Cần cách chức.

Chính quyền Ngô Đình Diệm đang tự đào hố chôn sống nhau.

Ngày 26.4.1960, một nhóm gồm 18 nhân vật có vai vế trong chính quyền Diệm họp mật tại khách sạn Caravelle để đề ra một bản tuyên ngôn phản đối chế độ độc tài của Diệm. 18 nhân vật ấy gồm: Lê Ngọc Chấn, Trần Văn Dân, Trần Văn Đỗ, Trần Văn Tuyên, Trần Văn Lý, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Nguyễn Tăng Nguyên, Nguyễn Tiến Hỷ, Lê Quang Luật, Phạm Hữu Chương, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất, Lương Trọng Tường và linh mục Hồ Văn Vui. Trong đó có 10 nhân vật đã từng kề vai sát cánh với Diệm khi Diệm chưa có quyền hành trong tay. Sau đó cả nhóm này lần lượt bị bắt bỏ tù. Ngô Đình Nhu đã mỉa mai gọi nhóm này là “chính trị gia salon”.

Trong số “chính trị gia salon” ấy, có Trần Văn Lý và linh mục Hồ Văn Vui là 2 ân nhân thật sự của Ngô Đình Diệm trong thời gian ông ta còn là một kẻ thất cơ lỡ vận.

Một ngày của tháng 10.1963, Hà Minh Trí bị đưa ra Côn Đảo cùng với 300 tù nhân chính trị bị án từ 5 năm trở lên và 41 tù nhân tử hình. Tên Hà Minh Trí nằm trong danh sách tù tử hình.

Cùng chung chuyến tàu đi đảo này có cả đám tù “Caravelle” và nhóm đảo chính hụt năm 1960 như thiếu tá Phan Trọng Chinh, thiếu tá Nguyễn Văn Tài, Phan Bá Tòng, bác sỹ Phan Quang Đáng...

Khi tàu còn đang lênh đênh giữa biển cả, Ngô Đình Nhu ra lệnh cho một chiếc phản lực bay theo ném bom thủ tiêu con tàu và tất cả những tù nhân chính trị trên đó. Thế nhưng viên đại úy phi công Huỳnh Minh Đường không thực hiện lệnh đó. Ông ta bay quần 3 vòng trên bầu trời để chào chuyển tàu tù nhân chính trị rồi nhắm hướng Campuchia bay mất dạng. Ông Đường tự nạn tại Campuchia cho đến khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ mới trở về Việt Nam cùng với 2 phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc.

Sau khi Diệm bị lật đổ, Hà Minh Trí được về đất liền nhưng vẫn bị giam cầm. Sau khi Phan Khắc Sửu thuộc phe Cao Đài nhậm chức “quốc trưởng”, nhờ võ bọc Cao Đài, Hà Minh Trí được trả tự do.

Vừa thoát cảnh giam cầm, ông trở vào chiến khu để tiếp tục chiến đấu cho đến ngày 30.4.1975.

Sau năm 1975, ông vẫn phục vụ trong ngành Công an Tây Ninh và dưỡng hưu với cấp hàm đại tá vào năm 1999 tại Tây Ninh.

Phát súng của Hà Minh Trí đã hoàn thành xuất sắc 3 nhiệm vụ chính:

1. Tạo tiếng vang, báo cho quần chúng nhân dân biết: Cách mạng vẫn tồn tại (thời điểm đó).
2. Tạo được mâu thuẫn sâu sắc trong nội bộ đầu não Diệm.
3. Với “vô bực” tù nhân ám sát Ngô tổng thống, Hà Minh Trí thu thập được nhiều thông tin tình báo rất quan trọng trong nhà tù Côn Đảo phục vụ cho kháng chiến trường kỳ.

Vào thời điểm 1957, do hoàn cảnh chính trị, lực lượng Cách mạng miền Nam rút vào hoạt động bí mật, vì vậy, “phát súng Hà Minh Trí” đã đại diện cách mạng thông báo cho nhân dân, quần chúng biết sự tồn tại vững mạnh của lực lượng kháng chiến. Tiếng súng ấy đã tạo niềm tin, tạo một luồng sinh khí cách mạng trong quần chúng nhân dân. Tiếng súng ấy còn là động tác “điểm mặt chỉ tên” lên án chế độ độc tài tàn ác Ngô Đình Diệm cho dư luận báo chí quốc tế biết.

“Phát súng Hà Minh Trí” không làm Ngô Đình Diệm chết ngay, nhưng “dư âm” của phát súng, hay chính xác hơn là ảnh hưởng của lời khai, đã làm nội bộ Diệm xáo xáo, tạo mối ân oán, thù hận.

Chương 10: CUỘC ĐẢO CHÍNH NĂM 1960 - MỸ CẢNH CÁO DIỆM

Sáng sớm ngày 11.11.1960, ánh mặt trời chưa kịp xua cái lạnh của hơi sương và màn đêm vẫn còn ngái ngủ, người dân Sài Gòn đã thẳng thốt choàng thức giấc bởi hàng loạt âm thanh chết chóc của từng đoàn xe thiết giáp rùng rùng kéo về hướng dinh Độc Lập.

Qua khe cửa, người ta thấy từng nhóm lính dù chiếm giữ những góc đường, tay lăm lăm súng hướng về phía tòa dinh thự quyền lực nhất miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ.

Vẫn còn ám ảnh bởi hàng ngàn xác chết oan uổng của dân thường trong trận chiến “quân chính phủ đánh quân quốc gia” giữa quân đội Ngô Đình Diệm và quân Bảy Viễn, người dân khiếp đảm chui mình ẩn nấp dưới giường, ghế, bàn tủ cầu mong tránh được tên bay đạn lạc. Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết vạ lây là câu ngụ ngôn đúng nhất trong trường hợp này.

Cái tập nập thường ngày của trung tâm Sài Gòn trở nên khác biệt. Không ai đại dợt ló mặt ra đường trong lúc này. Đường phố vắng lặng như tờ, không khí chết chóc lớn vờn từng góc phố.

Trong khi đó, ở các vùng ven nội thành, người ta vẫn sinh hoạt bình thường. Không ai biết giữa lòng Sài Gòn đang có một cuộc tranh giành quyền lực đầy máu lửa giữa hai phe cùng cánh “chính nghĩa quốc gia” mà sau này người ta gọi tắt là cuộc “đảo chính sáu mươi”.

Ngay sau khi cuộc đảo chính kết thúc, dân Sài Gòn bình luận với nhau rằng, đó là cuộc đảo chính của tay sỹ quan binh chủng nhảy dù Nguyễn Chánh Thi bất mãn chế độ Ngô Đình Diệm. Ông ta muốn lật đổ chế độ thối nát, bóc lột, tham nhũng, độc tài, gian ác ấy cho dân chúng nhờ. Một thời gian ngắn sau đó, người ta lại bình luận rằng, đó là chuyện chó mèo tranh ăn. Một thời gian sau nữa, người ta lại cho rằng Nguyễn Chánh Thi chỉ là kẻ cơ hội đảo chính.

Bây giờ, khi các gã chỉ huy mạng lưới tình báo CIA tại Sài Gòn thời điểm ấy đã hết hơi cống hiến cho hợp chủng quốc Hoa Kỳ, đã về vườn chờ chết già, mới tiết lộ rằng: Cuộc đảo chính ấy là một roi “cảnh cáo cho chừa” của Mỹ đét vào mông anh em Ngô Đình Diệm.

Cuối năm 1956, sau khi hoàn tất nhiệm vụ cổ xúy Diệm, xây dựng xong một chính quyền nguy tạo và đặt Diệm ngồi ngay ngắn vào chiếc ghế tổng thống, cơ quan Saigon Military Mission – chi nhánh em của CIA tại Sài Gòn giải tán vì đã hoàn thành nhiệm vụ, tay trùm chơi bài tráo Lansdale được triệu hồi về Mỹ. Một loạt chi nhánh khác của CIA được cử sang mang nhiều tên khác để hoạt động chính thức, len sâu vào nội bộ Diệm. Trong số đó có “Cơ quan viện trợ hỗn hợp Việt - Mỹ”.

Năm 1960, sau hàng loạt vụ khủng bố, bắt bớ và tàn sát thuộc hạ, bịt mồm báo chí và áp bức dân chúng xảy ra hàng ngày tại miền Nam Việt Nam, phe đối lập ở chính trường Mỹ đã bám vào đó đập phe cầm quyền để giành phiếu bầu. Thế là phe đối lập lu loa tố cáo phe cầm quyền đang hà hơi tiếp sức cho chính quyền tay sai Sài Gòn chà đạp nhân quyền. Cho dù hầu hết những hành vi của Diệm đều được Mỹ ủng hộ nhưng để giữ lấy cái ghế quyền lực, những nhà cầm quyền Mỹ buộc lòng phải đét vào mông Diệm để ông ta kín tiếng hơn.

Thế nhưng, lúc này Diệm như một con sói say máu. Ông ta đang ngất ngưỡng với hàng loạt chiến thắng triệt tiêu những “đồng chí” không cùng phe cánh. Ông ta mù quáng tin rằng mình đủ tài năng như một vị lãnh tụ thật sự. Sự mù quáng đã khiến ông ta không nhìn thấy hoặc lơ tịt sự trợ giúp tối đa của Mỹ. Ông ta ngu đến mức không nhận ra hoặc không muốn nghĩ đến chiều hướng: Bản thân ông ta chẳng làm được gì nếu Mỹ ngoay ngoáy xoay lưng.

Khi rơi vào trạng thái cuồng võ, người ta thường tự cho mình là cái rún của vũ trụ, cho dù “cái rún” ấy chỉ là một cái rún trên bụng mình. Diệm tin là, không có Mỹ, anh em ông ta cũng đủ sức và ông ta bắt đầu cãi lời Mỹ cho dù nhận được rất nhiều lời đe dọa.

Thế là bài học số một của Mỹ dành cho Diệm được khởi động ngầm bằng trò chơi đảo chính. Nhân vật của trò chơi này là những thuộc hạ của Diệm do Mỹ chọn.

CIA bắt đầu ném đô la ra mua chuộc và xây dựng một lực lượng đối lập sau lưng Diệm. Đó là cái roi mây dành để răn đe Diệm. Cái “roi mây” này gồm trung tá Vương Văn Đông, Nguyễn Triệu Hồng, Phan Trọng Chinh, Nguyễn Văn Lộc, Trần Văn Đô, Nguyễn Thành Chuẩn, Nguyễn Chánh Thi... Nguyễn Chánh Thi chỉ là một nhân vật thứ yếu của nhóm này.

Vương Văn Đông – một sỹ quan xuất thân từ quân đội Pháp, từng là Liên đoàn phó Liên đoàn Dù, xuất thân từ trường Võ bị Đà Lạt; Tư lệnh phó sư đoàn 7, sau bị Diệm đày về trường đại học quân sự làm sỹ quan huấn luyện để cắt quyền lực quân sự.

Bị tước đoạt quyền binh, Đông nuôi lòng phản trắc Diệm. Trước khi đảo chính, Vương Văn Đông được Mỹ đưa sang Kansas tham gia học khóa chỉ huy và tham mưu ở Học viện Quân sự Lavenworth Mỹ.

Tại đây, CIA bắt đầu mua chuộc Đông và cấy vào Đông một hạt giống đảo chính Diệm. Khi trở về nước, Đông khởi sự chiêu mộ phe cánh. Những kẻ tham gia đảo chính cùng Đông đều có mối thù riêng với anh em Ngô Đình Diệm. Riêng Nguyễn Triệu Hồng là anh vợ của Đông. Để có đủ tiềm lực quân sự thực hiện cuộc đảo chính, Đông nhắm đến binh chủng nhảy dù mà Nguyễn Chánh Thi là chỉ huy trưởng. Thế là Đông rủ rê Thi. Thi đồng ý và tất cả chờ thời cơ.

Nguyễn Chánh Thi sinh năm 1923, là dân gốc Huế, làm thông dịch viên cho quân đội Pháp từ năm 17 tuổi. Sau khi Pháp đưa đi đào tạo nghiệp vụ quân sự, Thi mang hàm chuẩn úy trong lực lượng lính dù của Pháp.

Khi Điện Biên Phủ thất bại, Thi - đã mang hàm đại úy - cùng 1 tiểu đoàn dù tháo chạy trốn chết về Nha Trang để rồi trở thành một sỹ quan “quân đội quốc gia” của Diệm.

Diệm đẩy Thi về Đà Lạt chỉ huy tiểu đoàn ngự lâm bảo vệ dinh thự cho Bảo Đại. Khi nghe tin quân Diệm chuẩn bị đánh quân Bảy Viễn, Thi chớp cơ hội lập công bằng cách xin được tham gia. Đang cần quân số, Diệm đồng ý thăng cấp thiếu tá và bổ nhiệm Thi làm chỉ huy liên đoàn dù.

Giải quyết Bảy Viễn xong, Thi được thăng cấp trung tá rồi đại tá, chỉ huy trưởng liên đoàn dù. Được Diệm ưu ái và thăng cấp nhanh như vậy nên Thi luôn nghĩ mình là nhân vật tài ba, thao lược quân sự. Ông ta bắt đầu nuôi mộng công hầu và nuôi lòng phản trắc Diệm.

Được Vương Văn Đông rủ rê, Thi hăng hái nhận lời.

Một lần ghé nhà người anh ruột tên Nguyễn Chánh Thân là giám đốc ga Đà Nẵng, Thi cao hứng đem chuyện ra bàn bạc với người anh này. Thi hứa sau khi đảo chính thành công sẽ đưa ông anh lên làm bộ trưởng. Không ngờ, cô con gái rệu của Nguyễn Chánh Thân viết thư khoe với một cô bạn gái ở Sài Gòn về chuyện bố mình sắp được làm bộ trưởng sau khi “chú Thi” đảo chính thành công.

Lá thư đó rơi vào tay nhân viên an ninh của Đỗ Mậu – Giám đốc Nha An ninh Quân đội. Vốn là chỗ thân tình với Thi, thay vì báo cáo cho Diệm, Đỗ Mậu chỉ răn đe Thi vài câu chiếu lệ rồi ém nhẹm vụ việc. Như thế cũng đủ làm cho Thi rụt cổ, e dè tham gia vụ đảo chính.

Cùng lúc đó, CIA móc nối với các tổ chức chính trị dân sự làm “mồi” hậu thuẫn cho nhóm sỹ quan của Đông như Liên minh Dân chủ, Mặt trận Quốc dân Đoàn kết, lực lượng nghiệp đoàn (của ông Bùi Lương), Lê Vinh (nhóm Duy Tân), Phan Bá Cầm, Nguyễn Bảo Toàn (nhóm Hòa Hảo), Vũ Hồng Khanh, Xuân Tùng (nhóm Việt Quốc)... Những nhóm chính trị này đều đã từng nai lưng cho anh em Diệm cõng lên đài địa vị để rồi sau đó bị đập khối hệ thống chính quyền, tước mất quyền lực.

Vận động nhóm chính trị này là Hoàng Cơ Thụy, cậu ruột của Đông. Ông ta nuôi mộng được lên thay chính quyền Diệm sau khi đảo chính thành công.

Chiều 10.11.1960, Vương Văn Đông triệu tập bộ sậu đảo chính để hành động. Tất cả có mặt đầy đủ, duy thiếu Nguyễn Chánh Thi. Do bị lời đe dọa của Đỗ Mậu, Thi hết muốn tham gia đảo chính nên trốn ở nhà.

Nếu không có sự tham gia trực tiếp của lực lượng quân dù thì đảo chính chỉ có chỉ huy chứ không có lính. Thế là, tất cả kéo nhau đi tìm thiếu tá Soạn - một thuộc hạ của Thi đang chỉ huy trực tiếp lữ đoàn dù để lôi kéo tham gia. Soạn sợ hãi từ chối, liền bị nhóm sỹ quan đảo chính kéo vào nhà vệ sinh đập bể đầu, cắt cổ cho xỏ huyết đến chết rồi chôn xác như chôn một con chuột. Giải quyết xong Soạn, cả bọn kéo đến nhà Thi.

Đến lúc đó, Thi vẫn nài nỉ xin cho đứng ngoài cuộc với lời thề giữ bí mật. Tuy nhiên, để an toàn, Vương Văn Đông ra lệnh dẫn độ Thi vào Bộ Tư lệnh lữ đoàn dù, nơi đặt hậu cứ Bộ Tư lệnh chỉ huy hành động đảo chính giam lỏng.

Đông đã chiếm được quyền điều khiển quân dù từ việc giam lỏng Thi.

Nửa khuya về sáng ngày 11.11.1960, Vương Văn Đông lập bộ chỉ huy lưu động đặt tại góc nhà thờ Đức Bà sát vách dinh Độc Lập và triển khai binh sỹ của Thi bao vây dinh Độc Lập, đồng thời giao cho Phan Trọng Chinh cất quân chốt chặn các ngã đường tiếp viện vào Sài Gòn.

Sau khi súng nổ, Vương Văn Đông ra lệnh trả tự do cho Nguyễn Chánh Thi với điều kiện Thi phải tích cực tham gia đảo chính chứ không chơi trò nước đôi nữa. Dù sao cũng đã có mặt trong bộ chỉ huy đảo chính rồi, Thi không còn con đường nào khác là phải tuân lệnh.

Theo lệnh của Đông, Thi đến nhà của Hoàng Cơ Thụy để lấy truyền đơn và bản hiệu triệu binh sỹ đã được soạn sẵn. Nhiệm vụ của Thi là phát loa bản văn ký tên “Tổng tư lệnh quân đội cách mạng – Vương Văn Đông” kêu gọi binh sỹ thuộc quyền và binh sỹ trong dinh đầu hàng. Mục đích của Đông là đẩy Thi vào thế đã rồi.

Ngay sau khi bị bao vây, một đơn vị xe thiết giáp đã kéo đến hợp lực cùng lực lượng phòng vệ cố thủ dinh Độc Lập. Hai phe nổ súng đánh nhau sát rạt đến gần trưa. Nguyễn Triệu Hồng trúng đạn chết tại chỗ.

Trận đánh trở nên giằng co khi một gã CIA có tên là Russ Miller - người đứng cạnh lực lượng đảo chính – không muốn Vương Văn Đông đánh dứt điểm dinh Độc Lập. Không dám cãi lời Mỹ, vì thế, Đông trì hoãn cuộc tấn công quy mô. Mỹ chưa muốn thay Diệm. Mỹ muốn giữ cuộc đảo chính ở mức độ răn đe Diệm. Mỹ muốn Diệm và băng đảo chính có một cuộc thương lượng. Chính vì vậy, cuộc đảo chính trở nên lừng khừng.

Đến 9 giờ sáng, giữa lúc quân sỹ hai bên lắng bót tiếng súng và ghìm nhau, Nguyễn Chánh Thi cho quân không chế đài phát thanh Sài Gòn để phát lời hiệu triệu của “Tổng tư lệnh quân đội cách mạng – đại tá Vương Văn Đông” do chính Hoàng Cơ Thụy soạn thảo. Tuy nhiên, khi đọc bản hiệu triệu, Thi dẹp Đông sang một bên và tự nhận mình là “Tổng tư lệnh quân đội cách mạng”. Nguyên văn:

“Nhật Lệnh của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi - Tổng Tư Lệnh Quân Đội Cách Mạng gửi Tướng lãnh, Sĩ quan, Hạ sĩ quan và Binh sĩ.

...Ngô Đình Diệm đã áp dụng chính sách độc tài, phong kiến, gia đình trị mù quáng, đặt tham vọng ích kỷ của gia đình lên trên quyền lợi tối cao của Đất Nước.

Quân đội, lực lượng chính yếu của Quốc Gia, bị nghi kỵ, chia rẽ, mọi tầng lớp nhân dân bị bóc lột, áp bức, miệt thị, tự do không được bảo đảm, dân tộc bị dồn vào họa diệt vong.

Trước tình thế đen tối của đất nước, Quân đội đã đứng lên lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm và tạm thời điều khiển chính phủ với sự tham gia của những nhân sĩ quốc gia để kịp thời thi hành những biện pháp cần thiết chống Cộng và cứu quốc.

Cuộc cách mạng của Quân đội đã thành công!...

Sài Gòn ngày 11.11.1960.

Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, Tổng Tư Lệnh Tối Cao Quân Đội Cách Mạng.

Ký Tên

Nguyễn Chánh Thi”.

Nguyễn Chánh Thi tin rằng cuộc đảo chính của Vương Văn Đông đã thành công hoàn toàn.

Thi thực hiện một “vụ đảo chính nhỏ trong một cuộc đảo chính lớn”. Thi “đảo chính” Đông ngay khi cuộc đảo chính Diệm chưa ngã ngũ. Đó là lý do mà suốt một thời gian dài người ta cứ ngỡ Thi là nhân vật đầu tiêu trong vụ đảo chính này mà không biết Đông mới là thủ lĩnh.

Trong lúc Nguyễn Chánh Thi đọc bản hiệu triệu, nhóm chính trị gia Nguyễn Bảo Toàn đang tụ tập tại nhà Hoàng Cơ Thụy chuẩn bị hành lý vào dinh Độc Lập để thay Diệm. Tại nhà Phan Khắc Sửu, một nhóm chính trị gia khác gồm Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Nguyễn Xuân Chữ cũng lục tục in truyền đơn để chớp cơ hội giành giật quyền lực. Họ không ngờ rằng, tại dinh Độc Lập một cuộc thu xếp của Mỹ đang được tiến hành. Trong cơn nguy khốn, Ngô Đình Diệm đã tỏ vẻ ngoan thật ngoan với Mỹ.

Khoảng 10 giờ sáng, giữa lúc hai phe lính đang ghì súng hàm hè nhau thì một chiếc xe hơi Frederic có cắm cờ hiệu đại sứ chạy thẳng vào dinh Độc Lập. Đó là Nolthing - Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn. Đang bản loạn, Ngô Đình Diệm tỉnh táo ngay. Sau khi nuốt từng lời khuyên của quan “thái thú” Mỹ, Diệm ríu rít hứa, hứa và hứa thực thi mọi điều Mỹ yêu cầu để an toàn sinh mạng. Đã đạt được sự mong muốn của Nhà Trắng ở Washington, Nolthing tuyên bố với Diệm sẽ gặp nhóm quân nhân đảo chính để thu xếp.

Diệm thở phào nhẹ nhõm và lấy lại ngay “phong độ”. Ông ta lập tức cho phát thanh lời kêu gọi binh tằm tướng cá ở các vùng ngoài Sài Gòn kéo quân về “cứu giá”. Sau một buổi sáng xanh mặt và im như thóc, giờ Trần Lệ Xuân mới dám ra giọng thường ngày, the the chỉ đạo tướng Lê Văn

Ty cách cầm quân chống đảo chính. Tướng Ty nổi nóng phải lên tiếng nhắc nhở rằng bà ta không có quyền hành chỉ đạo quân đội.

Nolthing đi gặp Vương Văn Đông - kẻ lãnh đạo cuộc đảo chính. Nolthing cho Đông hay rằng Diệm đã đồng ý cải tổ chính phủ theo phương thức “chính phủ liên hiệp”. Đồng thời Nolthing buộc Đông hứa bảo toàn tính mạng cho anh em Ngô Đình Diệm. Tin lời Nolthing, Đông lệnh cho binh sỹ chờ đợi Diệm thi hành lời hứa.

Khoảng 11 giờ, Diệm cho ông Võ Văn Hải - Đồng lý văn phòng của Diệm - đến tận bộ chỉ huy quân đảo chính gặp và mời Đông vào dinh Độc Lập để thương lượng. Biết rõ bản chất lừa lọc của Diệm, Đông từ chối. Thực ra, đó chỉ là thao tác trì hoãn của Diệm để quân tiếp viện các nơi có đủ thời gian về cứu. Đông trở nên mắc kẹt. Tấn công thì méch lòng Mỹ, và lại, Nguyễn Chánh Thi đã lấy lại quyền điều khiển quân dù. Lệnh điều khiển binh sỹ của Đông không còn hiệu lực nữa. Đông gần như trắng tay. Không tấn công thì Diệm cứ cù cưa.

Trong khi đó, Nguyễn Chánh Thi hoàn toàn không hay biết gì về cuộc ngã giá giữa Mỹ - Diệm - Đông. Thi vẫn tiếp tục hô hào lật đổ Diệm và cho người rải truyền đơn.

Nghe tin Diệm bị bao vây nhưng vẫn chờ đợi, nghe ngóng tình hình đến quá trưa, khi biết chắc Diệm thắng thế, một số đơn vị “cứu giá” mới bắt đầu lục tục kéo quân về dinh Độc Lập thể hiện “lòng trung thành”.

Lữ Đình Sơn (biệt kích), Lâm Quang Thơ (thiết giáp), Huỳnh Văn Cao (sư đoàn 70), Nguyễn Văn Chuân (sư đoàn 5) bắt đầu lục tục kéo quân về giải vây dinh Độc Lập.

Thấy Diệm cù cưa cù nhậy trong khi quân tiếp viện ngày càng đông, trời đã ngả về chiều, Vương Văn Đông biết mình đã rơi vào thế “việt vị” nên quyết định đi một mình vào dinh Độc Lập để gặp Diệm.

Diệm đã tỉnh hồn vía, không thèm tiếp Đông mà sai tướng Khánh chặn Đông ở ngoài sân dinh để hứa nhăng cuội cho qua chuyện.

Qua lời Khánh, Diệm không chịu thành lập chính phủ liên hiệp mà chỉ đồng ý thành lập một chính phủ quân nhân do tướng Lê Văn Ty (trung thành với Diệm) lãnh đạo. Trở mặt là cá tính bầm sinh của Diệm.

Không còn đường thoát, Vương Văn Đông đồng ý. Kể từ lúc đó, phe đảo chính của Vương Văn Đông đã thất bại ngụy. Các đơn vị ứng cứu Diệm đã tề tựu đầy đủ tại dinh Độc Lập. Đông đã mất cơ hội cuối cùng của mình.

Đông và nhóm sỹ quan phe của Đông rúc vào Bộ Tổng tham mưu ngồi chờ... thất bại.

Tướng Lê Văn Ty được lệnh của Diệm vào Bộ Tổng tham mưu họp với nhóm quân đảo chính của Đông để thu xếp một giải pháp nhăng cuội. Nhóm đảo chính của Đông kể như đã bị vô hiệu hóa.

Diệm đã chắc phần thắng trong tay mà không ngờ ở một diễn biến khác, quyền đảo chính đã thuộc về một phe nhóm khác. Đó là phe nhóm của Nguyễn Chánh Thi.

Nguyễn Chánh Thi cứ như kẻ điếc không sợ súng, vô tư chỉ huy quân dù trụ chân tại chỗ chống trả quân tiếp viện của Diệm, đồng thời cho người đi mời Phan Quang Đán - một chính trị gia salon - làm cố vấn chính trị để lập chính phủ mới thay Diệm. Phan Quang Đán cũng như Thi, không hay biết gì về sự thu xếp của Mỹ và sự thất bại của Đông trước Diệm. Và lại, Thi đã “đảo chính” quyền chỉ huy quân đảo chính của Đông từ lúc sáng.

Phan Quang Đán tổ chức ngay những nhóm binh sỹ xách súng đi hô hào dân biểu tình đả đảo Diệm. Đán còn lên đài phát thanh Sài Gòn đọc lời hiệu triệu dân chúng tập trung biểu tình đả đảo Diệm trước dinh Độc Lập vào sáng 12.11.1960. Trong bản hiệu triệu, Đán giới thiệu mình là cố vấn chính trị của “Hội đồng cách mạng”. Đài phát thanh đọc liên tục lời hiệu triệu biểu tình cho đến sáng hôm sau.

Tôi nghiệp dân chúng bị lừa đi biểu tình Ngô Đình Diệm mà không biết chút nào về những diễn biến xảy ra giữa các phe đảo chính và phe Diệm. Hàng trăm người ra đứng lảo nháo trước dinh Độc Lập đã bị xe thiết giáp của quân bảo vệ Diệm rượt chạy dài, toi tã.

Quân đảo chính của Đông đã bị các sỹ quan Mỹ kẹp chặt trong Bộ Tổng tham mưu để ghìm mọi động thái. Xung quanh dinh Độc Lập, quân “cứu giá” của Diệm đã làm chủ tình hình.

Đến lúc này, Nguyễn Chánh Thi mới nhận rõ tình hình thất bại và hiểu Mỹ đang cứu Diệm.

Bỏ mặc đám lính dù đang ngơ ngác trước sự uy hiếp của quân cứu giá, đám “cách mạng” và sỹ quan đảo chính của Vương Văn Đông lẫn Nguyễn Chánh Thi tìm đường đào thoát. Họ bắt Thái Quang Hoàng - thiếu tướng - làm con tin rồi cướp một chiếc máy bay vận tải bay sang Campuchia lánh nạn.

Hoàng Cơ Thụy bị bỏ rơi mà không hay biết. Ông ta đã phải trốn chui nhủi cả tháng trời. Sau đó, được Mỹ giúp đỡ, ông ta phải rúc vào một bao tải giả làm một kiện hàng trên một máy bay quân sự của quân đội Mỹ. Ông được đưa sang Mỹ trốn sự trừng phạt của Diệm.

3 năm sau, vào ngày 5.7.1963, Diệm mới tổ chức xét xử những kẻ tham gia đảo chính. 19 sỹ quan và 34 viên “xôi thịt” tham gia đảo chính phải ra hầu tòa.

Trong phiên tòa này, Diệm lệnh cho tay chánh án: “Màn răng thì màn, phải kiếm cho ra hai thằng bị tử hình”. Xét mãi trong bộ luật của chế độ, tay chánh án vẫn không biết làm cách nào để tìm cho ra “hai thằng đáng tội tử hình”, đành đổ hết tội lên đầu Vương Văn Đông, Nguyễn Chánh Thi và Hoàng Cơ Thụy. Bởi 3 người này đều đã lần trốn ở nước ngoài, có tuyên tử hình cũng chẳng chết ai. Số còn lại bị đày ra Côn Đảo cùng chuyến tàu với người ám sát hụt Diệm tại Hội chợ Buôn Mê Thuột tháng 2.1957.

Khi chuyến tàu chở những tù nhân - kẻ thù của Diệm - đang lênh đênh giữa biển khơi, Diệm ra lệnh cho 1 chiếc máy bay ném bom đánh đắm tàu để tàn sát tất cả một cách bí mật. Thế nhưng, viên phi công bay quần trên bầu trời “chào” tất cả những tù nhân trên tàu rồi bay thẳng sang

Campuchia. Diệm đã đánh mất tất cả những thuộc hạ của mình. Bản chất ti tiện, gian hiểm của ông ta đã phơi bày, ai cũng nhìn thấy. Chỉ mỗi anh em ông ta không thấy.

Trong vụ đảo chính năm 1960, Diệm thắng lợi hoàn toàn vì Mỹ vẫn còn nuôi dưỡng. Ông ta không chịu ghi nhận công ơn sâu thẳm đó để cản trở ngấm vành phục vụ. Trái ngược lại, ông ta luôn khoe với các sỹ quan tùy viên rằng: Hồng phúc nhà ta cao lắm!

Thậm chí Diệm không nhận ra vụ đảo chính đó là ngọn roi mây của Mỹ dành cho ông ta. Ông ta vẫn tiếp tục chứng nào tật nấy: Cãi lời kẻ đã đẻ ra mình.

Chương 11: NGỌN LỬA ĐỐT CHÁY CHÍNH QUYỀN HỌ NGÔ

Suốt 9 năm cầm quyền, Ngô Đình Diệm đã tự chứng minh sự bất tài và tàn ác của mình. Người dân miền Nam than oán, hận thù ông chất chồng. Những người hiền từ nhất cũng muốn lật đổ và thù sát ông.

Trong khi Ngô Đình Diệm bắt buộc gần như cưỡng bức các chương trình chiếu phim, cải lương, ca nhạc... phải phát bài hát “Ngô tổng thống muôn năm!” trước khi mở màn; trong khi ông huênh hoang với thế giới là miền Nam Việt Nam sống trong chế độ dân chủ toàn diện; trong khi ông ngất ngưỡng với chứng cuồng vĩ... thì người dân miền Nam lẫn thuộc hạ của ông tạc dạ ghi thù ông vào tâm khảm. Ngày càng nhiều những bài báo lên án sự độc ác của Diệm bay chấp chới vào chính trường Mỹ. Diệm trở thành đề tài để phe đối lập trong chính phủ Mỹ sử dụng làm vũ khí chống phe cầm quyền.

John F. Kennedy đắc cử tổng thống Mỹ vào năm 1961. Để thỏa mãn các yêu sách từ phe đối lập, Kennedy buộc phải lấn sâu hơn vào quyền lực của Diệm. Trong lúc đó, Ngô Đình Nhu bắt đầu trao đổi với CIA ý định muốn thay Ngô Đình Diệm làm tổng thống. Kể từ cuối năm 1962, người ta đã thấy Nhu thể hiện sự lấn lướt quyền lực với ông anh Diệm. Trần Lệ Xuân đã có nhiều biểu hiện bất phục tùng Diệm, thậm chí còn dám to tiếng lại với Diệm. Trong cuộc bầu cử hạ viện năm 1963, Trần Lệ Xuân ủng hộ 30 ứng viên thuộc phe cánh, Diệm không đồng ý. Thế là trong một buổi gặp gỡ gia đình, Trần Lệ Xuân sù sì bọt mồm to tiếng với Diệm. Ngô Đình Nhu nói rõ quan điểm ủng hộ vợ và phê phán ông anh không biết làm tổng thống. Diệm đành nhượng bộ và chịu thua trước cô em chồng đánh đá. Trong kế hoạch thực hiện lễ Hai Bà Trưng, ông Diệm chỉ định phó tổng thống Thơ làm chủ tọa và đọc diễn văn. Trần Lệ Xuân bất chấp. Khi tiến hành làm lễ, Trần Lệ Xuân bước thẳng lên bục và lệnh cho người tổ chức giới thiệu bà là chủ tọa và đọc diễn văn khai mạc.

Vốn là kẻ tự phụ, Ngô Đình Nhu sợ bị mất quyền hành khi nhận thấy những “thái thú kiểu Mỹ” ngày càng đông trong hoạt động của ông ta. Cụm từ “hãy hỏi ý kiến ông cố vấn Nhu” đã bị lấn át dần bởi cụm từ “hãy hỏi ý kiến ông cố vấn Mỹ”. Điều đó làm Nhu khó chịu, Trần Lệ Xuân khó chịu, dẫn đến Diệm khó chịu.

Sự lỳ lợm trước Mỹ của Diệm (thực ra là của Nhu) ngày càng lộ liễu. Điều đó làm Mỹ khó chịu.

Cái khó chịu của Diệm đối với Mỹ chẳng là cái đỉnh gì nhưng sự khó chịu của Mỹ đối với Diệm là một tai họa.

Mỹ đã chán ngắt cái trò lý lợm hay cãi lời của Diệm.

Mỹ cần tìm một vai diễn ngoan ngoãn hơn. Thế là Mỹ ngấm ngấm nuôi dưỡng một kế hoạch thay Diệm. Một biến cố xảy ra đã tạo cơ hội cho Mỹ làm điều đó mà không sợ dư luận thế giới, đồng minh lên án. Đó là biến cố Phật Đản.

Giả thiết được đưa ra là, nếu không có biến cố Phật Đản năm 1963 thì Mỹ có lật Ngô Đình Diệm? Tài liệu giải mật mới đây của CIA đã trả lời điều đó rất cụ thể. Mỹ đã có những động thái muốn thay Diệm từ trước khi biến cố Phật Đản xảy ra. Vì vậy, biến cố Phật Đản năm 1963 chỉ là chất xúc tác đẩy nhanh tiến trình lật đổ Diệm một cách hợp pháp trong luật chơi.

Với anh em Diệm, đó là cái bẫy.

Có được cái ghế tổng thống, Ngô Đình Diệm tạc dạ vai trò của Vatican và một lòng ngưỡng mộ ông anh Ngô Đình Thục. Ông tôn sùng giáo phái Thiên Chúa và kỳ thị các giáo phái khác là lẽ đương nhiên.

Người ta ghi nhận năm 1956, tức là lúc Diệm chấp chính được gần 2 năm, một linh mục thuộc địa phận Vĩnh Long của Ngô Đình Thục đã ngang nhiên cho cắm một biểu tượng Thiên Chúa là cây thập tự giá trên đỉnh Ngũ Hành Sơn và “lệnh” cho vị tổng trị sự Phật giáo miền Trung: “Phải có trách nhiệm bảo vệ cây thánh giá đó”.

Tất nhiên, một vị cao tăng Phật giáo không chấp nhận một linh mục ra lệnh này lệnh nọ. Hôm sau, cây thập tự giá bị bứng nhổ. Vụ việc đến tai “cậu Cẩn”. Mấy ngày sau, đặc vụ miền Trung xuất hiện để bắt nhốt một số tín đồ Phật giáo vì tội “muru toan làm phản”.

Sự phân biệt tôn giáo còn thể hiện rõ qua nhiều chính sách miệt thị của chính quyền Diệm. Những quan chức dân sự lẫn vũ trang nếu là tín đồ Thiên Chúa giáo sẽ được thăng cấp, chức rất nhanh. Một số quan chức, nhất là các tay tinh trưởng là tín đồ Phật giáo được khuyến cáo phải xưng tội và theo đạo Thiên Chúa. Những người cương quyết giữ đạo Phật và từ chối vào đạo Thiên Chúa sẽ bị sa thải hoặc chuyển vào các đơn vị chiến đấu trực tiếp. Ngày lễ ngân khánh của Ngô Đình Thục, những tín đồ Phật giáo bị buộc phải góp “tiền mừng” một cách phỉ lý.

Các trường tư thục tại miền Nam Việt Nam phần nhiều là của Thiên Chúa giáo và được chính phủ trợ cấp, còn những trường của Phật giáo thì không bao giờ nhận được khoản này. Các sinh viên Thiên Chúa giáo luôn được ưu tiên trợ cấp học bổng du học. Khi đã không còn trường hợp sinh viên Thiên Chúa giáo nào mới đến lượt xét cấp cho các sinh viên thuộc tôn giáo khác.

Các tổ chức Phật giáo muốn hội họp phải xin phép chính quyền, trong khi các tổ chức Thiên Chúa giáo không cần xin phép.

Trong thành phần nội các của Diệm chỉ có 2 người là tín đồ Phật giáo, số còn lại đều là giáo dân Thiên Chúa giáo.

Theo thông lệ hàng năm, ngày Phật Đản, người dân Huế tổ chức đám rước Phật rất trọng thể từ chùa Từ Đàm qua cầu Trường Tiền đến chùa Diệu Đế. Kể từ khi Ngô Đình Diệm cầm quyền, cứ

đến ngày trọng đại ấy của Phật tử, Ngô Đình Cẩn cho tay chân xây một cái cổng tam quan chặn trên cầu Trường Tiền. Trên cánh cổng tam quan ấy, Cẩn cho treo cờ Thiên Chúa và ảnh đức mẹ Maria để đám rước tượng Phật phải chui dưới cái cổng ấy. Không chỉ riêng ở Huế, rất nhiều tỉnh ở miền Nam cũng đón rước lễ Phật Đản trong sự khiêu khích trắng trợn ấy.

Sự bất mãn của giới Phật giáo dâng lên cao trào vào lễ Phật Đản năm 1963.

Trong khi các tín đồ Phật giáo chuẩn bị đón mừng lễ Phật Đản quy mô sẽ diễn ra vào ngày 8.5.1963 thì ngày 6.5.1963, Ngô Đình Diệm ban hành lệnh cấm treo cờ Phật giáo. Ngay sau đó, Diệm cho cảnh sát đi từng ngôi chùa bắt hạ cờ Phật giáo.

Nhiều vị sư và các tín đồ bộc phát hành động bảo vệ lá cờ thiêng liêng của tôn giáo mình bằng cách giang tay ngăn cản đã bị cảnh sát đánh đập không nương tay.

Nghe tin này, sáng ngày 8.5.1963, hầu như tất cả những tín đồ Phật giáo tại Huế đều tự giác tập trung về chùa Từ Đàm. Một nguồn tin được truyền tai rằng, Diệm sẽ thẳng tay đàn áp cuộc rước tượng khiến các tín đồ Phật giáo càng háo hức tham gia.

Một nhóm khoảng 500 tín đồ đã tụ tập nhau giương biểu ngữ phản đối hành vi kỳ thị và phân biệt đối xử giữa Thiên Chúa giáo và Phật giáo. Các biểu ngữ được ghi: “Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ”; “Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ chính pháp dù phải hy sinh”; “Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng”; “Chúng tôi không từ chối một sự hy sinh nào”; “Phản đối chính sách bất công gian ác”; “Đã đến lúc chúng tôi tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng”.

Đến tối, mặc dù quân đội và cảnh sát được huy động tới đa đứng dày đặc các ngã đường, người dân vẫn tập trung về đài phát thanh Huế hàng ngàn người. Không khí đấu tranh hùng hực.

Người ta kéo đến đài phát thanh để phản đối đài này cho phát một bài phát biểu chào mừng lễ Phật Đản do chính quyền soạn thảo sẵn và yêu cầu phải phát bài phát biểu kêu gọi chống kỳ thị tôn giáo của một thượng tọa. Đáp lại, chính quyền Diệm điều ngay một lực lượng quân đội hùng hậu gồm 5 đại đội, trong đó có 1 đại đội thiết giáp do một phó tỉnh trưởng, thiếu tá quân đội là tín đồ Thiên Chúa giáo chỉ huy. Ngoài ra viên chỉ huy cuộc trấn áp còn chọn lựa 10 tay súng thiện xạ có mặt tại nơi biểu tình. 15 sát thủ khác chỉ được trang bị lựu đạn hơi nổ không miểng được bố trí ở 15 điểm tập trung đông người nhất và sẵn sàng tạo tiếng nổ trấn áp. Cũng cần ghi nhận rằng, cuộc trấn áp đã được lệnh không giết người.

Nghe tin có quân đội đến trấn áp, nhiều Phật tử đã ném đá, chai vào đài phát thanh để làm áp lực. Một nhà sư nhảy lên nóc đài phát thanh cấm cờ Phật giáo. Đội quân hùng hậu của Ngô Đình Diệm bắt đầu trấn áp cuộc biểu tình bằng xe vòi rồng để xé dòng người biểu tình bao quanh đài phát thanh.

Giữa lúc hỗn loạn ấy, một tiếng nổ long trời vang lên. Quả thuốc nổ cực mạnh được cài sẵn tại cổng đài phát thanh nổ ngay khi đoàn xe trấn áp chỉ còn cách cổng đài phát thanh khoảng 50 mét.

Đó là một kịch bản hoàn toàn của Mỹ. Khi đánh hơi về một vụ biểu tình của tín đồ Phật giáo Huế sẽ nổ ra, James Scott - một sỹ quan CIA kiêm cố vấn quân sự ở sư đoàn 1 bộ binh quân đội của Diệm đóng quân tại Đà Nẵng đã được bí mật điều về Huế trước 1 ngày để thực thi một nhiệm vụ bí mật. Và James chính là tác giả của quả thuốc nổ ấy.

Tiếng nổ giữa đám đông đã khiến 8 người thiệt mạng, thịt xương của những người này văng tung tóe khắp nơi. Có người bị tiếng nổ xé xác ném đầu bay xa hơn 30 mét. Nhiều người khác bị thương.

Ngay sau tiếng nổ, một luồng tin truyền tai vu cáo rằng, quân đội của Ngô Đình Diệm sát hại dân biểu tình. Một bác sỹ người Đức được CIA phân công chụp lại cảnh xương tan thịt nát sau vụ nổ, có cả bức ảnh chiếc xe bọc thép cán lên thi thể một người dân.

Sáng hôm sau, trên hầu hết các tờ báo nước ngoài đều đăng những bức ảnh đó với lời chú thích: “Diệm đàn áp Phật tử Huế đầm máu”.

Đám đông trở nên hỗn loạn, tang tóc, đau thương và căm phẫn. Họ càng biểu lộ quyết tâm tranh đấu mạnh mẽ hơn. Những người dân không phải Phật tử nghe tin cũng tự động kéo đến tham gia vào lực lượng biểu tình.

Sau này, để xoa dịu lòng căm phẫn của người dân, sau khi đổ vấy chuyện gài bom cho lực lượng Mật trện Dân tộc Giải phóng Miền Nam không thành công, Ngô Đình Diệm đã xử oan viên thiếu tá chỉ huy bằng cái án chung thân. Cách xử lý của Diệm rất đúng bản chất của Diệm.

Mỹ đã chơi Diệm một cú ngoạn mục, đúng kiểu Mỹ: Ném đá giấu tay.

Vụ nổ của CIA đã khiến những người căm phẫn Diệm trong im lặng đã phải lên tiếng. Giới trí thức, sinh viên, học sinh toàn miền Nam bắt đầu xuống đường biểu tình đả đảo Diệm.

Sáng ngày 9.5.1963, viên tỉnh trưởng Huế phải hạ lệnh giới nghiêm trong không khí tang tóc. Người dân bất chấp lệnh giới nghiêm vẫn tập trung về chùa Từ Đàm.

Chiều cùng ngày, các vị sư tăng thuộc Tổng trị sự Huế họp bàn với nhau lấy ý kiến gởi một kháng thư đến Diệm. Trong kháng thư, các sư tăng yêu cầu Diệm bãi bỏ lệnh cấm treo cờ Phật giáo, phản đối chính quyền dùng vũ lực trấn áp biểu tình, đồng thời cho biết sẽ có tuần hành nhân lễ cầu siêu cho 8 Phật tử thiệt mạng trong vụ đánh bom vào ngày 21.5.1963.

Hai ngày sau vụ nổ, tức ngày 10.5.1963, vẫn chưa thấy Diệm trả lời, Phật tử bắt đầu một cuộc biểu tình tự phát. Người ta thấy ông phó lãnh sự Mỹ tại Huế đi trên vỉa hè, song song với đoàn biểu tình. Điều đó cho thấy Mỹ đã ủng hộ cuộc biểu tình gần như lộ liễu.

Cuộc biểu tình lúc đầu chỉ là một nhóm người nhỏ lẻ, dần dần thu hút đến hơn 70.000 người, trong đó người ngoại đạo chiếm số lượng rất lớn.

Chùa Từ Đàm trở thành tâm điểm của cuộc biểu tình quy mô nhất từ trước đến giờ. Một bản tuyên ngôn của giới tu sỹ Phật giáo trên toàn miền Nam gồm 5 điểm được những người biểu tình đưa ra cho chính quyền Diệm:

“Đã từ nhiều ngàn năm, tăng ni và tín đồ Phật giáo trên thế giới cũng như trong nước vẫn trung thành với tôn chỉ: Từ Bi, Vị Tha và Như Thật của Đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Phật giáo đến đâu đều đem lại một không khí an lành ở đó. Điều ấy lịch sử đã chứng minh.

Và, đã từ nhiều năm nay Phật giáo đồ bị khủng bố, đàn áp khắp nơi, chúng tôi vẫn nhẫn nhục, đương nhiên không phải hèn yếu mà vì ý thức được những nỗi đau khổ, tang tóc của hoàn cảnh dân tộc hiện tại. Nhưng đau đớn thay, một số người đã lợi dụng quyền hành gây ra không biết bao nhiêu tang tóc đối với tăng ni và tín đồ Phật giáo khắp trong nước, đối xử một cách bất công với một Tôn giáo có hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc. Từ hành động này đến hành động khác, thậm chí đã chà đạp lên quyền lợi thiêng liêng nhất của Phật giáo đồ: Cờ Phật giáo quốc tế bị triệt hạ. Quyết định này đã trái hiến pháp và ngang nhiên vi phạm quyền tự do tín ngưỡng. Trước những hành động bất công đó, bắt buộc tăng ni và tín đồ khắp trong nước chúng tôi phải đứng dậy tranh đấu cho lý tưởng của mình.

Sự kiện xảy ra 3 ngày nay chính là phản ánh tinh thần đó. Máu đã chảy, nhân mạng đã bị hy sinh, một lần nữa, chúng tôi cương quyết đề đạt những nguyện vọng dưới đây lên chính phủ, yêu cầu thực thi 5 điểm:

1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong đạo dụ số 10.
3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bất bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo.
4. Yêu cầu cho tăng ni, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.
5. Yêu cầu Chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền tội đúng mức.

Những điều trên đây là những nguyện vọng tối thiểu và thiết tha nhất của toàn thể tăng và tín đồ Phật giáo trong cả nước. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho đến khi nào những nguyện vọng hợp lý trên được thực hiện”.

Bản tuyên ngôn được ký tên bởi các vị cao tăng gồm: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, thượng tọa Thích Trí Quang, thượng tọa Thích Thiện Siêu, thượng tọa Thích Mật Nguyên, thượng tọa Thích Mật Hiền.

Đạo dụ số 10 được nhắc tới trong bản tuyên ngôn là một đạo dụ được chính quyền Pháp áp đặt buộc Bảo Đại ban hành từ năm 1950. Đạo dụ này tạo cho Thiên Chúa giáo được hưởng quyền ưu tiên như một quốc đạo, trong khi xem các tôn giáo khác như một thứ đoàn thể quần chúng, một loại tôn giáo ngoại lệ. Trong đạo dụ đó, trừ Thiên Chúa giáo, các tôn giáo khác không được phép có đất riêng. Đất của các tôn giáo khác Thiên Chúa giáo được xem là đất công của chính phủ.

Trước diễn biến đó, Ngô Đình Diệm lúng túng chẳng biết làm gì. Diệm không phải là con người ứng biến. Ngô Đình Nhu trở thành lãnh đạo của Việt Nam Cộng hòa trong những tình huống như vậy.

Nguồn tin về cuộc biểu tình đã lan khắp thế giới. Ở Sài Gòn, người dân bắt đầu sôi sục khí thế đấu tranh hướng về miền Trung.

Nhiều nhà báo của các hãng thông tấn nước ngoài nườm nượp đến Huế và Sài Gòn để quan sát động thái của chính phủ lẫn của Phật tử. Trong đó, không ít nhà báo hưởng lương CIA có nhiệm vụ phao tin bất lợi cho Diệm.

Hãng tin thông tấn xã AFP đưa tin vào ngày 15.5.1963:

“Hiện tại ở miền Nam Việt Nam đang có một sự căng thẳng mãnh liệt về tôn giáo đã xuất phát vì một sự phân biệt mà các Phật tử xem mình là nạn nhân và đã biểu lộ mới đây trong những biến cố đẫm máu ở Huế. Theo luật điều chỉnh quyền thi đêm 8.5 dương lịch, một kẻ khủng bố đã tung ra một quả lựu đạn làm chết bảy người trong đám biểu tình trước trụ sở đài phát thanh trong ngày lễ Phật Đản. (Thật ra là 8 người – Tác giả).

Từ Huế, nơi quê quán của gia đình tổng thống, những du khách trở về cho biết là không khí đang còn “bùng nổ”. Những cuộc biểu tình sơ khởi đang còn tiếp diễn, các thượng tọa trong Giáo hội đã bắt đầu tuyệt thực và có lẽ, người ta đoán chừng đã gửi một thông điệp khẩn cấp kêu gọi ông Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc.

Còn những lãnh tụ chính yếu của Phật giáo thì đã phổ biến khắp trong nước một bản Tuyên Ngôn nói rằng: “Một số người đã lợi dụng quyền hành, gây ra không biết bao nhiêu tang tóc đối với tín đồ Phật giáo khắp trong nước và đã đối xử bất công với họ”. Những lãnh tụ đó đã đòi hỏi chính phủ phải tức khắc bãi lệnh cấm treo cờ Phật giáo, nguyên do của những vụ lòi thòi đẫm máu ở Huế và phải ban hành cho Phật giáo những đặc quyền như các Hội truyền giáo Thiên Chúa được hưởng trong xứ và sau cùng là phải đền bồi “thích đáng” cho những gia đình của nạn nhân vô tội bị giết oan.

Về phần chính quyền thì hiện tại họ đang giữ sự yên lặng tuyệt đối về vấn đề khó khăn này. Tuy nhiên hình như họ đang cố gắng bí mật tìm một giải pháp.

Người ta đang chờ tổng thống Ngô Đình Diệm tiếp kiến một phái đoàn cao cấp của Giáo hội Phật giáo, theo dư luận họ sẵn sàng dùng mọi biện pháp bất bạo động hợp giáo lý của Đức Phật, để tranh đấu cho được những yêu sách tối thiểu thiết yếu”.

Trước không khí sôi sục và căng thẳng đó, Diệm chỉ biết ra lệnh cấm trại 100% binh lính và cảnh sát.

Nhu tư vẫn cho Diệm tổ chức một cuộc thương thuyết cuối với một đoàn sư thượng tọa mà các vị sư này được quần chúng phát giác là “sư của cậu Cần”. Diệm mong rằng qua cuộc thương thuyết cuối, lòng căm phẫn của quần chúng được xoa dịu hòng tránh né một cuộc biểu tình lớn trong dịp

lễ cầu siêu các Phật tử chết trong vụ nổ bom. Thế nhưng, cuộc thương thuyết cuối cùng làm quân chúng thêm căm phẫn và chỉ trích kịch liệt.

Ngày 21.5.1963, tại Sài Gòn, Huế và nhiều nơi ở miền Nam, giới tu sỹ Phật giáo đồng loạt tổ chức lễ cầu siêu và tuần hành rước linh vị các thánh tử vì đạo của Phật giáo. Cuộc tuần hành ở Sài Gòn vàng rực màu áo của các vị tu sỹ cùng với hàng ngàn người dân đi từ chùa Ấn Quang dài đến chùa Xá Lợi. Tiếng cầu kinh vang khắp đường phố.

Diệm ra lệnh cho các xe bọc thép lăm lăm vũ khí nhắm vào đoàn rước.

Cùng ngày, Phật giáo các phái tại miền Nam cùng cử đại diện về chùa Xá Lợi thành lập “Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo” để phát động một cuộc tranh đấu quy mô toàn miền Nam. Ủy ban này gồm: Thượng tọa Thích Thiện Hòa, hòa thượng Minh Trực, đại đức Bửu Chơn, lục cả Lâm Em, thượng tọa Thích Thiện Hoa, thượng tọa Thích Tâm Châu, thượng tọa Thích Thanh Thái, ông Nguyễn Văn Hiếu, ông Vũ Bảo Ninh, ông Sơn Thái Nguyên, ông Mai Thọ Truyền.

Một cuộc vận động biểu tình và tuyệt thực được gọi đi khắp miền Nam.

Cuộc tuyệt thực quy mô nhất trong lịch sử Việt Nam bắt đầu diễn ra vào ngày 30.5.1963 trên khắp miền Nam Việt Nam.

Cuộc tuyệt thực tại chùa Từ Đàm, Huế được chính quyền đáp lời bằng cách cho quân đội và cảnh sát bao vây cô lập chùa, cúp điện, nước.

Ngày 1.6.1963, hầu như tất cả sinh viên, học sinh toàn miền Nam xuống đường biểu tình để ủng hộ cuộc tuyệt thực.

Ngô Đình Diệm vẫn im hơi lặng tiếng. Giống như kẻ điếc không sợ súng, ông ta cho rằng, đó chỉ là trò yêu sách.

Một lực lượng mật thám hùng hậu được rải đều xuống các chùa, các nơi tụ tập đông người để săn lùng, bắt bớ những phân tử tích cực vận động biểu tình.

Tại Huế, quân đội và cảnh sát thẳng tay đánh đập, ném lựu đạn cay vào đám đông biểu tình. Hơn 60 Phật tử bị thương trong các cuộc đàn áp. Máu lại đổ và lòng căm phẫn càng dâng trào. Những thông tin đó đã lôi kéo giới trí thức và sinh viên bắt đầu vào cuộc đấu tranh sống còn với chính quyền Ngô Đình Diệm. Mỹ đã thành công trong việc kết cấu một trò chơi lật Diệm. Diệm vẫn ngây ngô xem như chẳng có gì đáng bận tâm.

Cuộc đấu tranh hùng hực của sinh viên đã thu hút sự quan tâm của chính giới Mỹ. Một bức công điện từ Nhà Trắng gửi thẳng đến cho Ngô Đình Diệm thúc hối Diệm phải “làm gì đó” để giải quyết êm.

Đến lúc đó, Diệm mới cho lập một ủy ban hòa giải gọi là Ủy ban Liên bộ để tiếp xúc trực tiếp với “Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo”. Trái ngược lại, Trần Lệ Xuân lại triệu tập một cuộc họp ban lãnh đạo cái nhóm Phụ nữ Liên đới của bà rồi sau đó ra một bản thông cáo. Trong bản thông

cáo đó, bà cho rằng các nhà sư lãnh đạo cuộc biểu tình là phần tử phá hoại. Chưa hết, bà tuyên bố trên hệ thống phát thanh, báo chí Sài Gòn rằng: Sẽ đấu tranh tới cùng với các “nhà sư hổ mang”. Trần Lệ Xuân đã thổi bùng ngọn lửa tranh đấu của quần chúng.

Giữa lúc anh em Ngô Đình Diệm bỏ ngoài tai những nguyện vọng chính đáng của Phật tử và đàn áp không thương xót các cuộc biểu tình thì buổi sáng ngày 11.6.1963, một biến cố nổi bật trong hàng loạt các biến cố xảy ra trong thời gian ấy.

Sáng hôm đó, khi ánh nắng đã bắt đầu gay gắt, người ta thấy một chiếc xe hơi hiệu Austin hai màu xanh, trắng xuất hiện. Chiếc xe len lỏi giữa dòng người biểu tình cuộn cuộn đổ về trung tâm Sài Gòn rồi ngừng lại tại ngã tư Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng (nay là ngã tư Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu), cách dinh Độc Lập không xa. Nơi đó, hơn 800 vị sư, ni và hàng ngàn Phật tử đang biểu tình bằng cách đọc kinh. Tiếng kinh trầm uất ai oán vang động một góc trời. Quân đội, cảnh sát được trang bị vũ khí đầy đủ đứng thành từng hàng trong tư thế sẵn sàng đối phó với những hành vi quá khích của đoàn người biểu tình.

Từ trên xe Austin, một vị sư choàng áo cà sa bước xuống, đội xăng lên người, đỉnh đạc ngồi xuống mặt đường trong tư thế kiết già thiền định rồi tự tay châm lửa. Ngọn lửa bùng lên, nhà sư chấp tay đón nhận cái chết. Sự việc diễn ra ngay trước mắt hàng ngàn Phật tử, hàng trăm cảnh sát, lính chiến và hàng chục phóng viên trong nước lẫn nước ngoài.

Nhiều người khóc thét lên. Nhiều người khác đã quỳ sụp xuống mặt đường hướng về phía ngọn đuốc sống của nhà sư vừa lay vừa đọc kinh trong tiếng gào khóc. Một vài cảnh sát xông đến dập lửa khiến vị sư ngã xuống mặt đường nhưng ngay sau đó, vị sư lại ngồi dậy tiếp tục tư thế tọa thiền cho đến chết.

Ngọn đuốc sống ấy chính là hòa thượng Thích Quảng Đức. Tục danh của ông là Lâm Văn Túc. Ông sinh năm 1897 tại Vạn Khánh, Vạn Ninh, Khánh Hòa, xuất gia từ năm 7 tuổi.

Khi tự nguyện tự thiêu phản đối Ngô Đình Diệm, hòa thượng đang trụ trì một ngôi chùa ở Phú Nhuận, Sài Gòn, đồng thời đảm nhiệm chức vụ Phó ban trị sự kiêm Trưởng ban nghi lễ Giáo hội tăng già Nam Việt Nam. Trước khi tự thiêu một ngày, ông viết thư xin phép Tổng trị sự Giáo hội tăng già Việt Nam nhưng chưa được phúc đáp. Ông còn để lại một bức tâm thư trần trối:

“Tôi, pháp danh Thích Quảng Đức, hòa thượng, trụ trì chùa Quán Âm, Phú Nhuận. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ, mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật chư đại đức tăng, ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện.....gia hội cho chư đại đức tăng, ni Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác.....Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi thiết tha kêu gọi chư đại đức tăng, ni Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo. Nam mô Đấng Chiến Thắng Phật”.

Cả thế giới rung động trước hình ảnh hòa thượng Thích Quảng Đức tự đốt mình để chống đối Diệm. Người dân một số nước trên thế giới đã tự nguyện biểu tình đả đảo Diệm và Mỹ.

Có lẽ chính Mỹ cũng không tiên liệu được tình huống này. Họ chỉ muốn tạo làn sóng bất mãn Diệm để lật đổ Diệm. Tuy nhiên, họ quên Diệm là một kẻ cố lý, ngu xuẩn và ác độc. Với kẻ ngòn ngoan và am tường chính trị thì tình huống xảy ra chỉ vừa đủ liều để Mỹ cho Diệm từ chức và được sang Mỹ hưởng thụ cuộc sống còn lại. Đằng này, Diệm đã đẩy tình huống đi quá xa cái vạch mà Mỹ muốn đến khiến dư luận thế giới phần nộ luôn cả Mỹ.

Người dân Mỹ không muốn nộp thuế cho một chính quyền đang nuôi dưỡng tên gian ác như Ngô Đình Diệm. Tổng thống Kennedy bị quốc hội Mỹ phản đối. Nhưng lúc này Mỹ đã không còn điều khiển được Diệm nữa. Một kế hoạch triệt tiêu anh em Diệm đã được khởi động ngầm từ tòa Bạch Ốc.

Như một đứa trẻ ngây ngô, anh em Ngô Đình Diệm vẫn vô tư đẩy tiếp sự việc đi xa hơn nữa.

Đáp lại thông tin một vị sư tuần tiết bằng lửa để cầu mong Diệm bãi bỏ sự phân biệt tôn giáo, Ngô Đình Thục cười khẩy, Ngô Đình Cẩn cho mật vụ tăng cường bắt bớ người biểu tình, Ngô Đình Nhu tuyên bố không nhượng bộ, Trần Lệ Xuân tru tréo: “Đó chỉ là món thịt thầy chùa nướng. Chính quyền sẽ cung cấp thêm dầu lửa cho các vị sư”. Còn Diệm thì tổ chức một cuộc hòa giải nguy tạo tạm chấp nhận nguyện vọng của các nhà sư nhưng không thực hiện. Các nhà sư biểu tình vẫn bị đàn áp nặng tay. Máu của các nhà sư vẫn tiếp tục đổ ngay sau khi bản thông cáo chung của Diệm và các nhà sư chưa ráo mực.

Ngày 19.6.1963, người ta bắt được một bức điện mật của Ngô Đình Nhu ra lệnh cho các lực lượng vũ trang: “...Ngay từ giờ này chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới. Hãy theo dõi điều tra thanh trừng phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp...”.

Không thể im lặng được nữa, ngày 20.6.1963, SD. Chan Htoong - Chủ tịch Giáo hội Phật giáo thế giới - người Miến Điện - ban hành một văn bản hiệu triệu:

“Tất cả các trung tâm Phật giáo Thế giới và các tổ chức Phật giáo hãy giúp đỡ những anh em Phật tử của chúng ta đã chịu đựng sự đau khổ từ lâu tại miền Nam Việt Nam...”

Tôi cũng đã đề nghị thành lập một ủy ban điều tra gồm những pháp quan của tòa Thượng thẩm miền Nam Việt Nam để điều tra một cách chính xác, vô tư những sự kiện xảy ra ở Huế đã làm cho nhiều người chết và bị thương, rồi đệ bản tường trình cùng với những đề nghị yêu cầu chính phủ áp dụng những biện pháp nào để ngăn chặn những sự kiện ấy khỏi tái diễn sau này...

Tại Miến Điện: Tổng hội Phật giáo Miến Điện (kể cả trung tâm Phật giáo Thế giới), Hội Thanh niên Phật tử, Giáo hội Tăng già và các Hội Phật học. Tại Cao Miên: Hai Giáo hội Tăng già Miên Việt và các Giáo hội Phật giáo. Tại Tích Lan: Tổng hội Phật giáo Tích Lan (gồm cả trung tâm điểm của Phật giáo Thế giới) và nhiều tổ chức khác..... Tất cả tăng sĩ và Phật tử các nước. Miến Điện, Ấn Độ, Hồi Quốc, Cao Miên, Thái Lan, Tích Lan, Tây Tạng, Đức Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Ai Lao đã nhóm họp tại Tân Gia Ba trung tâm điểm Phật giáo thế giới...

Tất cả trung tâm Phật giáo Thế giới và các tổ chức Phật giáo trên khắp hoàn cầu hãy đoàn kết đồng thanh kêu gọi sự ủng hộ tinh thần của thế giới và giáo hội Thiên Chúa giáo. Đồng thời kêu

gọi tất cả các chính phủ của chúng ta áp dụng các biện pháp để có thể đòi hỏi cho được sự thỏa mãn 5 nguyện vọng của anh em Phật tử chúng ta tại miền Nam Việt Nam để họ thoát khỏi đau khổ và hưởng trọn vẹn quyền tự do tín ngưỡng và hành đạo như đã ghi trong bản Tuyên Ngôn Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc.

Cầu cho tất cả chúng sinh đều an lạc!”.

Cũng trong ngày 20.6.1963, một đám rước tang hòa thượng Thích Quảng Đức từ chùa Xá Lợi đến Phú Lâm để làm lễ hỏa táng được tổ chức. Hàng ngàn Phật tử lẫn người ngoại đạo tự giác tham gia đám rước để biểu tình trong câm lặng.

The Washington Post, số ra ngày 23.6.1963, nhà báo Unka viết: “...Các nhà lãnh đạo Phật giáo đã dành cho tổng thống Ngô Đình Diệm một thời hạn hai tuần lễ để ông tỏ thiện chí thực thi những lời cam kết của ông từ nay Phật giáo đồ sẽ không còn bị chính phủ Thiên Chúa giáo của ông đàn áp.

...cuộc khủng hoảng hiện nay không còn thuộc phạm vi một cuộc tranh chấp giữa số đông Phật tử ở đất nước và chính phủ Thiên Chúa giáo ít ỏi của ông Ngô Đình Diệm tại Sài Gòn. Theo họ thì cuộc tranh chấp đó là một trận cuồng phong có thể đem lại cuộc cách mạng Quốc gia và sự sụp đổ của ông Diệm...

Các viên chức Hoa Kỳ đã cảnh cáo ông Diệm mối nguy cơ mà ông đang phải đối phó, đó là cách đối xử bất công với Phật tử chiếm số đông trong nước. Trước những lời hứa mà ông Ngô Đình Diệm đã cam kết với Phật giáo tuần trước, ông còn phải đương đầu với bức tối hậu thư của Hoa Kỳ: “Hãy giải quyết ngay những nỗi thống khổ của Phật tử, nếu không, ông sẽ phải chịu sự lên án công khai của Washington...”.

Sài Gòn trở thành điểm nóng của dư luận quốc tế. Các hãng tin, các tờ báo của nhiều quốc gia cử phóng viên đến Sài Gòn quan sát từng phút diễn biến của cuộc đấu tranh.

Tất cả những phóng viên có mặt tại miền Nam Việt Nam lúc đó đều công kích mãnh liệt anh em nhà Ngô Đình. Nhiều tờ báo kêu gọi Mỹ phải chịu trách nhiệm “giáo hóa” anh em Ngô Đình Diệm. Lãnh đạo của rất nhiều quốc gia cũng lên tiếng phản đối Diệm.

Suốt 3 tuần sau khi ký bản thông cáo chung giữa chính quyền Diệm và giới Phật giáo, Diệm vẫn không thay đổi hành vi đàn áp các cuộc biểu tình. Bản chất giáo hoạt, trí trá lại được Diệm có dịp phô bày.

Nhiều chùa chiền vẫn bị canh sát, mật vụ dò xét và tấn công. Ở Khánh Hòa, mật vụ lên vào chùa cướp bức di ảnh của hòa thượng Thích Quảng Đức trên bàn thờ. Một số chùa khác bị một số kẻ giấu mặt tấn công bằng lựu đạn. Ở Huế, chính quyền cấm quân nhân, công chức đi chùa. Ở Sài Gòn, canh sát có vũ trang và mật vụ bao vây ngôi chùa, nơi cố hòa thượng Thích Quảng Đức trụ trì trước khi tự thiêu.

Giữa lúc phong trào quần chúng và Phật tử phản đối Diệm gay gắt nhất thì Diệm lại tổ chức một phiên tòa trí trá xét xử vụ đảo chính tháng 11.1960. Phiên tòa giống như một lời đe dọa và thách

thức dư luận từ phía anh em Diệm khiến ngọn lửa đấu tranh của quần chúng có dịp bùng lên. Lần này, quần chúng chuyển sang đấu tranh vì Diệm phản bội lời hứa trong bản thông cáo chung.

Phong trào đấu tranh càng dâng cao khi lực lượng trí thức, học sinh, sinh viên cùng đứng lên đả đảo Diệm. Mượn cớ dự lễ tang nhà văn Nhất Linh (tự tử trong nhà giam của Diệm vì dính líu đến vụ đảo chính năm 1960), giới trí thức, học sinh, sinh viên xuống đường biểu tình. Hình ảnh 5 con chuột cống đi kèm những biểu ngữ đòi lật đổ Diệm là biểu ngữ sinh động nhất của giới trí thức.

Ngày 17.7.1963, xuất phát từ chùa Xá Lợi, Sài Gòn, các nhà sư lại tổ chức tuần hành biểu tình, trong khi một số nhà sư khác tuyệt thực tại chỗ suốt 54 giờ. Cảnh sát và quân đội lại được lệnh đàn áp thẳng tay. Đoàn biểu tình vẫn tiến thẳng đến trước chợ Bến Thành ngồi tọa thiền phớt mặc dùi cui đánh đập bập máu. Chúng quăng ném các nhà sư này lên xe rồi chở thẳng đến An Dưỡng Địa - một nghĩa địa vắng vẻ - rồi dùng kẽm gai rào bao quanh. Nhiều nhà sư chết ngất, máu me nhuộm đỏ người. Có người trong tình trạng hấp hối vẫn không được chăm sóc cấp cứu.

Nửa đêm 17.7.1963, Ngô Đình Nhu ra lệnh cho cảnh sát có vũ trang xông thẳng vào chùa Xá Lợi bắt bớ thêm nhiều vị sư rồi cũng đẩy ra nơi giam giữ tạm ở An Dưỡng Địa. 3 ngày sau, khi các phóng viên, nhà báo tố cáo hành vi này, các nhà sư này mới được phóng thích. Tuy nhiên, có vài vị sư mất tích một cách bí ẩn.

Hãng tin AP đã đưa tin vụ đàn áp này:

“Cảnh sát đàn áp cuộc biểu tình của Phật giáo.

Sài Gòn (AP). Cảnh sát chiến đấu Việt Nam hôm thứ tư đã tấn công một đám biểu tình gồm các tăng, ni đàn bà và trẻ con, có ít nhất 50 người bị thương.

Những thiếu nữ, bà già và ni cô cầm hoa trong tay đã cố gắng mở đường để qua hàng rào dây kẽm gai mà cảnh sát đã giăng ngang đường để chặn lối đi của họ. Vào khoảng một ngàn người gồm cả tăng, ni và thiện tín mà đa số là phụ nữ, trẻ con đã tập trung tại một ngôi chùa để đi tới một ngôi chùa khác, nơi đây các nhà lãnh đạo Phật giáo đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực hôm thứ ba (17.7.1963).

Với sự trợ lực của lính mũ sắt, cảnh sát chiến đấu dùng báng súng và gậy gộc đánh các người biểu tình rồi túm cổ vớt họ lên xe của nhà binh đang đậu bên cạnh.

Tăng, ni, đàn bà và trẻ con bị cảnh sát đánh và đá ngã lăn ra đường. Rất nhiều người đổ máu. Cà sa vàng của tăng, ni và áo dài của đàn bà bị xé rách tả tơi trong khi họ bị quăng lên xe.

Những người biểu tình còn lại rút về chùa, sau đó cảnh sát chiến đấu phong tỏa chùa rất chặt chẽ bằng dây kẽm gai và hàng rào gỗ. Sau hai tiếng rưỡi đồng hồ, đám đông bị đàn áp hoàn toàn.

Sự lưu thông đình trệ tại nhiều khu vực Sài Gòn, vì tất cả ngã tư lớn đều có dây kẽm gai giăng kín”.

Ngô Đình Diệm ầu trĩ đến mức, trong khi các nhà sư bị chính quyền tấn công đâm máu thì ông ta liên tục nói trên đài phát thanh rằng, chính phủ tuyệt đối thực hiện nội dung của bản thông cáo chung.

Ngày 22.7.1960, Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo ra một thông cáo báo chí tường thuật lại diễn biến cuộc đàn áp mới của Diệm. Trích nguyên văn:

“...Chúng tôi không muốn nhắc lại vụ đổ máu tại đài phát thanh Huế, cuộc đàn áp Sinh viên và Thanh niên Phật tử tại chợ Bến Ngự Huế bằng một thứ lựu đạn gây thương tích nặng và điên cuồng, chưa nói việc xích chó berger cắn, những cuộc phong tỏa chùa chiền có các sư đang tuyệt thực ở Huế và Sài Gòn, những vụ phá chùa ở Bình Định, ám sát hụt ở Phật học viện Nha Trang hay mưu đầu độc ở nhiều nơi khác, v.v... Chúng tôi không muốn nhắc vì những việc ấy đã xảy ra cách xa thủ đô, khỏi tầm quan sát hay chứng kiến của quý ngài, quý vị, khiến quý ngài, quý vị khó bề nhận xét và phê phán đúng với sự thật.

...chúng tôi chỉ muốn khêu gợi lại hình ảnh của 2 cuộc diễn hành, một ở đường Phan Thanh Giản, một trước chợ Bến Thành, sáng ngày 17.7 vừa qua. Nếu ở địa điểm sau, toàn thể người diễn hành đều là tăng, ni, già có, trẻ có, Việt có, Miên có, Đại thừa có, Nguyên thủy có, ở địa điểm trước, ngoài số tăng, ni, còn một số cư sĩ và thanh niên nam, nữ. Tất cả đều tay yếu chân mềm, không một vũ khí, dầu là một cục đá, một khúc củi. Thế mà họ bị đàn áp một cách tàn khốc bằng dùi, bằng nắm tay, bằng giày có đinh sắt. Chịu đòn nặng nhất là chư tăng, ni bị chặn trước chợ Bến Thành. Muốn người như một, ai ai cũng thấy anh em cảnh sát, cảnh sát chiến đấu, dưới quyền điều khiển trực tiếp của ông giám đốc Trần Văn Tư, đã hành hung như thế nào. Chư tăng, ni lúc ấy ví như bầy cá bị kẹt trong các rọ dây kẽm gai, có những chiếc xe to đậu san sát, trở đầu ra ngoài và kết thành một vòng đai kiên cố. Đập đánh xong, làm cho trật chân biêu đầu và bị thương ở ngực, ở bụng, ông Trần Văn Tư làm hiện đề nghị đưa chư tăng về chùa Xá Lợi bằng xe cảnh sát, ông long trọng cam kết, tỏ ý hòa giải, nhưng mịa mai thay, các xe lại dùng hết tốc lực theo đại lộ Trần Hưng Đạo chạy về hướng Chợ Lớn, thẳng xuống Bình Chánh và đổ tất cả xuống An Dưỡng Địa nghĩa trang của Giáo hội Tăng già Nam Việt được biến tức tốc thành một trại giam, chung quanh có quân đội vũ trang canh gác ngày đêm, không cho ai ra vào.

Khi đi trên xe, vị sư nào la thì bị bóp cổ hoặc bị bóp ở hạ bộ tới nín thở, còn chư ni thì bị cảnh sát giở trò bỉ ổi đụng chạm đến thân. Ở phương tây người ta không nề đánh đàn bà bằng một cành hoa, còn ở đây hàng nữ tu sĩ mà bị đối xử như thế, chúng tôi xin để quý ngài, quý vị phê phán. Ngoài ra, để phản đối lại lời hứa không thành thật của ông Trần Văn Tư nên đã có 3 vị tăng nhảy xuống đất khi xe đang chạy và bị thương nặng. 1 trong 3 vị ấy hiện đang nằm dưỡng bệnh tại bệnh viện Chợ Quán, bên ngoài có 3 vòng lính gác, không một ai được vào thăm cả.

...Sự đàn áp cuộc diễn hành thứ nhì tại đường Phan Thanh Giản cũng tương tự. Đa số tăng, ni và thiện tín bị đánh đập thẳng tay. Ai chạy thoát vào chùa Giác Minh liền bị bao vây, ai bị bắt đều cũng bị vắt lên xe đưa đi giam ở An Dưỡng Địa...

Ở An Dưỡng Địa, tất cả đều phải trải qua những ngày đói khát và đau nhức vì những vết thương, không ai ngó ngàng tới, chết sống mặc kệ, thật không bằng hạng tội đồ.

Đến lúc thả, sau 3 ngày 3 đêm giam cầm, ông giám đốc Trần Văn Tư mời báo chí tới chụp ảnh các người mà ông cho là “phạm nhân”. Ông tuyên bố mấy lời xuyên tạc khiến cho một vị sư phải đứng lên đính chính, chưa kể ý định gieo sự ngờ vực chia rẽ mà ông đã tỏ ra trong một câu nói ngoài sự thật, là có mời Ủy ban Liên phái cử đại diện đến rước chư tăng, ni về, nhưng Ủy ban trước hứa, sau không chịu đi. Thật sự, chúng tôi trong Ủy ban đã phải chờ đợi mấy lần bởi những lời hứa đưa tăng, ni về chùa của ông giám đốc Trần Văn Tư, từ đêm 18 tới trưa ngày 20. Rốt cuộc, đến khi ông thả, thì ông mời báo chí mà không cho chúng tôi hay đừng nói là mời cử đại diện dự kiến hay đi rước.

...đã gạt găm, đã vu cáo, đã đánh đập gây thương tích nặng cho trên 20 người và thương tích nhẹ cho 50 người khác.

Ngoài số tăng, ni và cư sĩ bị bắt trong 2 cuộc diễn hành nói trên, còn một nhà sư bị mật vụ giả tài xế xe chở tuốt lên cầu Bình Lợi không biết với ác ý gì, nhưng nhờ hết sức kêu cầu, nhà sư ấy được thả xuống xe và bỏ bơ vơ tại đó; còn nhiều cư sĩ khác bị bắt oan uổng như anh Mã Văn Tô, thợ điện chữa đèn cho chùa Xá Lợi, như 7 Phật tử ở ngã tư Bảy Hiền, trong những ngày 17 và 18 tháng 7.

...hồi lúc 11 giờ tại chùa Xá Lợi, ngày hôm qua, chủ nhật 21.7, một nhóm thanh niên mặc thường phục len lỏi vào đám đông thiện tín và phân phát những tài liệu giả của Ủy ban Liên phái. Chẳng may cho họ, Phật tử nhận biết tri hô lên và một người trong bọn bị bắt. Hỏi cung, anh tự viết tờ khai là Nguyễn Đình Sỹ, binh nhất, quân số 305.675, thuộc đơn vị biệt động quân, quân khu thủ đô, đại đội 30 hành chính tiếp liệu, được lệnh thiếu úy Hùng đến chùa Xá Lợi phát những tài liệu ấy mà trong đó có những đoạn bắt lợi cho cuộc vận động của Phật giáo.

Nửa giờ sau, một viên chức hiến binh tên là Hồ Xuân Rượu và vị đại diện trưởng ty cảnh sát quận III Sài Gòn là ông Huỳnh Văn Trọng, đến chùa ký giấy lãnh Nguyễn Đình Sỹ, trước đó, hai thanh niên Phật tử có dự vào việc bao vây anh binh nhất nói trên bị công an bắt chờ đi khi họ ở chùa ra về.

Trước những sự thật quá chán chường, quá đau lòng và nhất là quá phản bội đối với lời hiệu triệu của tổng thống, mà chúng tôi vừa thuật lại, chắc quý vị đã thông cảm thái độ dè dặt và chờ đợi của chúng tôi đối với lời kêu gọi của vị nguyên thủ.

...Thật đúng như lời ông cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu đã nói với một phóng viên ngoại quốc: “chỉ 5 phút sau đủ giải quyết vấn đề Phật giáo”. Năm phút mà kéo dài đến gần 3 tháng, điều ấy quả là đáng tiếc, càng đáng tiếc hơn nữa là điều ấy hoàn toàn ngoài ý muốn và sự quyết định của Phật giáo chúng tôi...”.

Ngô Đình Diệm đang đào lỗ chôn mình mà không hay biết.

Chương 12: SỰ CĂNG THẲNG LEO THANG

Giữa lúc các cuộc biểu tình ngày càng sôi động, ngay trong dinh Độc Lập, một sỹ quan thân tín của Ngô Đình Diệm âm thầm chuẩn bị thực hiện một vụ ám sát Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Trần Lệ Xuân bằng lựu đạn. Tiếc rằng cuộc mưu sát bất thành, viên sỹ quan này bỏ lỡ một cơ hội

trong tầm tay và sau đó bị bắt. Cuộc mưu sát này được giấu kín đến mức dư luận lúc ấy không hề hay biết.

Anh em Ngô Đình Diệm đang đứng trên đỉnh cao nhất của ngọn núi thù hận.

Chính phủ Mỹ trở thành tấm bia công kích của quốc hội Mỹ. Các chính khách Mỹ thay phiên nhau lên án chính quyền Kennedy đang nuôi dưỡng một tên đồ tể khát máu ở Việt Nam. Trước áp lực đó, các đơn vị tình báo Mỹ tại Việt Nam liên tục nhận được chỉ thị từ Washington: “Không thêm răng cho Diệm nữa mà cần trừng phạt”.

Ngày 4.8.1963, ngọn lửa tự thiêu căm hờn lại bùng lên trước dinh tỉnh trưởng Bình Thuận, nơi mà trước đây Ngô Đình Diệm từng là tuần vũ “đèn cây đốt đất”.

Đó là ngọn lửa của đại đức Thích Nguyên Hương trụ trì chùa Bửu Tích. Tục danh của ông là Huỳnh Văn Lễ, pháp danh Đức Phong. Ông sinh năm 1940 tại Bình Thuận, xuất gia từ năm 18 tuổi. Trước khi tự biến thành ngọn đuốc sống, ông đã để lại 3 bức tâm thư, trong đó, ông nhận rằng mình tự thiêu vì chính sách thất nhân tâm của chế độ Ngô Đình Diệm. Cảnh sát và mật thám của Ngô Đình Cần được lệnh cướp xác thủ tiêu để bịt mồm dư luận.

8 ngày sau, tức ngày 12.8.1963, một nữ sinh trung học tên là Mai Tuyết An, sau khi đến chùa nguyện cầu đã tự dùng dao chặt một bàn tay để thể hiện sự căm hờn anh em Ngô Đình Diệm. Trước đó, cô đã viết 3 bức tâm thư, 1 gởi cho các nhà sư, 1 cho Ngô Đình Diệm và 1 cho Trần Lệ Xuân. 3 lá thư này đều lên án trực tiếp những hành động vô lương anh em Ngô Đình Diệm.

Ngay đêm hôm sau, tức 13.8.1963, nhà sư Thanh Tuệ, tục danh là Bùi Huy Chương, trụ trì chùa Phước Duyên ở Quảng Trị lại tự châm lửa thiêu mình để đáp lại lời tuyên bố của Trần Lệ Xuân: Hãy nướng thịt thầy chùa nữa đi, chính quyền sẽ cung cấp dầu.

Một loạt hành động tự hủy thân mình để lên án chế độ Ngô Đình Diệm đã làm rung động cả thế giới. Lương tri những người bình tâm nhất miền Nam cũng bị lay động. Những cuộc biểu tình không còn trong phạm vi của Phật tử, trí thức, sinh viên, học sinh mà lan rộng khắp các tầng lớp trong xã hội miền Nam. Người ta bỏ hẳn công việc mưu sinh thường ngày để rủ nhau đi kêu gọi thế giới tẩy chay anh em Ngô Đình Diệm.

Ngày 15.8.1963, Sài Gòn, Huế bùng bùng khí thế đấu tranh của quần chúng. Những nhóm biểu tình tự phát, nhỏ lẻ sát nhập cùng những đoàn biểu tình có tổ chức tạo thành một rừng người bao quanh các đường phố Huế, Sài Gòn. Ở chùa Diệu Đế (Huế), sinh viên xây một dàn thiêu dọa tự tử tập thể. Ở chùa Xá Lợi (Sài Gòn), sinh viên cùng các Phật tử tổ chức tuần hành, tuyệt thực với quy mô hàng ngàn người.

Cùng ngày 15.8.1963, ở Nha Trang, ni sư Diệu Quang, tục danh là Nguyễn Thị Thu, nữ tu thuộc ni viện Vạn Thạnh lại tự thiêu phản đối chính sách thô bạo, tàn ác của anh em Diệm. Khi ngọn lửa của vị nữ tu 27 tuổi này vừa bùng lên, lực lượng cảnh sát được lệnh của Ngô Đình Cần phong tỏa hiện trường, cướp xác để thủ tiêu. Cảnh sát ập đến chùa dùng vũ lực lục soát và thu giữ những bức tâm thư để lại của vị nữ tu này.

Hành động của cảnh sát đã kích thích hàng ngàn người dân kéo đến biểu tình đòi lại xác vị nữ tu này. Cảnh sát đánh đập trọng thương hàng chục người và bắt giam hơn 200 người. Các ngôi chùa ở Nha Trang bị phong tỏa, điện, nước đều bị cắt.

Trước khí thế hùng hục của quần chúng, một lần nữa, Ngô Đình Diệm lại trở về bản chất cố hữu của mình: Rút đầu trong dinh Độc Lập bằng thái độ thâm trầm.

Ông ta chẳng biết làm gì. Từ bấy lâu nay, xử lý tất cả mọi việc đều bằng cái đầu của các “thái thú” Mỹ và thuộc hạ. Chỉ có sự gian trá và tàn ác là của chính ông. Mà sự gian trá và tàn ác của ông phải bám dựa vào sự tham mưu của người khác chứ cũng không đủ sức tự đứng một mình. Bây giờ Mỹ câm lặng, các thuộc hạ lúng túng nên ông chẳng biết làm gì, xử lý thế nào. Bản chất thật của ông là vậy. Khi được thế, ông tàn ác. Khi thất thế, ông co rút lại.

Chính lúc này, Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn mới thật sự là người điều hành cái chính quyền mục ruỗng của Diệm. Nhu “coi sóc” khu vực phía Nam, Cẩn “coi sóc” khu vực miền Trung. Diệm lúc này chỉ là cái xác không hồn vĩa.

Mặc dù không phải là tổng thống nhưng Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn vẫn được các bộ phận cảnh sát, quân sự tuân lệnh răm rắp. Hai vị “tổng thống” em lạnh lùng ban lệnh: Phong tỏa các ngôi chùa, đàn áp không nhân nhượng các cuộc biểu tình.

Đáp lại sự đàn áp thô bạo đầm máu của Nhu, Cẩn, khuya sớm ngày 16.8.1963, đại đức Tiêu Diêu ở chùa Từ Đàm, Huế tiếp tục tự thiêu. Cẩn lại cho lực lượng vũ trang tấn công vào chùa, cướp xác phi tang. Được tin này, hàng loạt các nhân sỹ, trí thức Huế lẫn Sài Gòn nộp đơn xin từ chức, từ nhiệm. Hàng loạt chợ búa, sinh viên, học sinh, công chức, công nhân bãi thị, bãi khóa, đình công.

Sự việc được đẩy lên đỉnh điểm khi Ngô Đình Nhu ban lệnh “tổng tấn công bọn thầy chùa”.

Nửa khuya về sáng ngày 21.8.1963, khi miền Nam vẫn đang chìm trong giấc ngủ say, đầy ác mộng sau một thời gian dài căng thẳng, một mối thì nhiều toán cảnh sát vũ trang âm thầm bí mật tiếp cận từng ngôi chùa.

Màn đêm đang tĩnh lặng, bất giác tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng thùng thiếc, tiếng gào khóc, kêu cứu vang động khắp miền Nam. Quân đàn áp dùng lựu đạn cay được bắn thẳng vào chính điện. Lúc mọi người đang sặc sụa ngạt thở, chúng xông vào còng, trói một số người ném lên xe bí bưng. Các bàn thờ, tượng Phật bị xô ngã chông chênh để lục tìm tài liệu. Những người lộ vẻ phản ứng, chúng dùng báng súng đập vào đầu đến ngất xỉu. Hàng trăm ngôi chùa khắp miền Nam đều chịu chung số phận.

Cuộc bố ráp, đàn áp kéo dài liên tục đến sáng.

Đáp lại hành động dã man ấy, giới trí thức và sinh viên không biểu tình trong ôn hòa chịu đựng trấn áp nữa. Họ vùng lên chống lại đàn áp bằng gậy, gạch, đá, bom xăng. Và lực lượng trấn áp nổ súng không nương tay. Máu đổ khắp các đường phố Sài Gòn và các thành phố lớn.

Tờ mờ sáng hôm đó, cha đẻ Trần Lệ Xuân tức Trần Văn Chương đang làm đại sứ cho Diệm ở Mỹ và một bộ trưởng trong nội các của Diệm xin từ chức vì xấu hổ. Nghe tin, Trần Lệ Xuân thẳng mồm mắng cha qua hệ thống truyền thông quốc tế đồng thời yêu cầu Diệm tuyên bố cách chức Trần Văn Chương.

Liên tiếp mấy ngày sau, cảnh sát thực hiện hàng loạt các cuộc lùng sục, bắt bớ, giam cầm, tra tấn và bí mật thủ tiêu các thủ lĩnh sinh viên. Hơn 2.000 người bị cảnh sát bắt.

Giới trí thức tuyên bố khởi động “phong trào trí thức chống độc tài” nhắm vào Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân. Giới sinh viên liên tục biểu tình và nữ sinh Quách Thị Trang bị bắn chết tại chợ Bến Thành, hàng ngàn sinh viên khác bị bắt giam.

Ngày 5.10.1963, đại đức Quảng Hương, tục danh Nguyễn Ngọc Kỳ ở Buôn Mê Thuật vào tận Sài Gòn tự thiêu để phản đối.

Ngày 24.10.1963, phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc gồm 7 vị đến Sài Gòn xem xét tình hình thì ngày 27.10.1963, đại đức Thích Thiện Mỹ, tục danh Hoàng Miêu tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà (Sài Gòn). Phái đoàn điều tra đã có dịp chứng kiến tận mắt không khí đấu tranh của quần chúng và ánh lửa tự thiêu của các nhà sư.

Diệm hoàn toàn không hay biết án tử hình của mình đã được định đoạt. Ngô Đình Nhu vẫn còn bình tĩnh tổ chức “đón tiếp” phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc. Ông ta vẫn hy vọng có thể bịt mắt thế giới bằng những thủ đoạn xảo trá.

Một đại úy an ninh quân đội được phân công chỉ huy một lực lượng có nhiệm vụ đặc biệt tối mật liên quan đến phái đoàn Liên Hiệp Quốc.

Bề ngoài, nhóm sỹ quan này ra vẻ như bảo vệ an ninh cho phái đoàn nhưng kỳ thật là thực hiện hai trong số nhiều nhiệm vụ tối mật là: Tuyển gái cho các thành viên phái đoàn và bắt vài vị sư toan tự thiêu. Nhóm sỹ quan này được tuyển chọn thật kỹ ở khắp các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng của Diệm và chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ Nhu. Ngoài ra, nhóm này còn được quyền ra lệnh hỗ trợ từ các bộ phận khác như Nha An ninh Quân đội, Phòng Nhì Bộ tổng tham mưu, Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, Tổng nha Cảnh sát, Đoàn công tác miền Trung...

Nhiệm vụ tuyển gái được thu xếp như sau: Nhóm sỹ quan đưa gái vào phòng phục vụ thân xác cho các vị thuộc phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc rồi bí mật chụp tất cả những cảnh ái ân. Theo kế hoạch, những bức ảnh này sẽ được Ngô Đình Nhu sử dụng làm công cụ buộc họ “không biết, không nghe, không thấy” những gì đang diễn ra tại Sài Gòn. Nhiệm vụ này đã thành công mỹ mãn nhưng Nhu chưa có dịp và vĩnh viễn không có dịp sử dụng.

Nhiệm vụ bắt các vị sư tự thiêu để phái đoàn Liên Hiệp Quốc phỏng vấn trực tiếp cũng được thu xếp chu đáo. Hai “nhà sư” mưu toan tự thiêu đã bị bắt giữ và được tiếp xúc với phái đoàn. Tuy nhiên, các “vị sư” này lại là người hưởng lương trực tiếp từ Đoàn công tác miền Trung. “Vị sư” thứ nhất 19 tuổi khai với phái đoàn rằng đã bị Cộng sản dụ dỗ tự thiêu nhưng chưa kịp hành động đã bị cảnh sát bắt. Thế nhưng tất cả các vị sư thật đều không nhận ra “vị sư trẻ” này tu ở chùa nào. Vị sư “mưu toan tự thiêu” thứ hai bị bắt tên Cam được tiếp xúc với phái đoàn cũng khai như vậy.

Nhưng các vị sư thật phát hiện ra ông Cam đã từng có mặt trong các nhóm mật vụ miền Trung tham gia khủng bố chùa chiền, đánh đập sư.

Mảnh lối bật mắt dư luận quốc tế của anh em Diệm, Nhu tương đối hoàn hảo, các vị trong phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc chưa kịp “công nhận” thì chế độ của Diệm bị lật đổ. Cuộc đảo chính vào ngày 1.11.1963 do Mỹ đạo diễn đã chìm chế độ Diệm xuống địa ngục.

Trong suốt những ngày sôi sục của giới Phật giáo, người ta thấy một gã người Mỹ mắt xanh thường cặp kè bên vách vôi cô gái xuất hiện tại chùa Xá Lợi. Giống như cùng người yêu đến chùa thắp hương cầu nguyện, gã người Mỹ bàng quang trước mọi diễn biến đấu tranh tại ngôi chùa này. Ít ai biết, đó chính là Ruffno Philipo – chuyên viên cao cấp của USAID (một đơn vị tình báo núp dưới danh nghĩa cơ quan viện trợ văn hóa giáo dục). Ruffno được Richardson – trùm CIA tại Sài Gòn giao nhiệm vụ chỉ huy ngấm một số nhân viên CIA đội lốt sư chống đối Diệm. Cũng trong thời gian này, Mỹ rút viên đại sứ thân Diệm về chính quốc rồi cử sang một vị đại sứ khác. Đó là Cabot Lodge - đại sứ của lật đổ.

Chương 13: CÁI GIÁ CỦA NGU DỐT VÀ LỖ LẠM

Không ai khác, chính Mỹ là kẻ tạo dựng nên cái gọi là “nền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa”. Đó là cái Mỹ cần trong thời buổi chiến tranh lạnh toàn cầu. Nếu cái học thuyết Domino không ra đời thì Mỹ không hơi đâu quan tâm đến cái đất nước nhỏ bé nằm cách Washington hơn nửa vòng trái đất. Mỹ muốn biến Việt Nam thành tiền đồn từ xa (Containment Policy).

Để làm được điều đó, Mỹ phải xây dựng một vở kịch chính trị tại Việt Nam. Giai đoạn ấy, Việt Nam vừa giành được độc lập từ tay Pháp - một kẻ xâm lược đất nước hàng trăm năm. Nỗi đau hàng trăm năm ấy tích tụ thành một khối ý chí của nhiều người dân Việt: “Độc lập hay là chết!” và “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Nhiều người yêu nước sẵn sàng xả thân cho đất nước, cho cuộc sinh tồn của dân tộc.

Tất nhiên, lẫn trong số những người yêu nước thật sự có những kẻ yêu nước giả hiệu. Họ mượn danh nghĩa yêu nước để trục lợi, phục vụ cho cá nhân và gia đình họ. Điển hình nhất là anh em họ Ngô Đình, là một trong số những kẻ trục lợi lòng yêu nước của dân Việt để phục vụ cho cá nhân và gia đình.

9 năm cầm quyền của Diệm đã chứng minh đầy đủ điều đó.

Giữa buổi hỗn loạn chính trị, Edward G. Lansdale - một sỹ quan CIA, một chuyên gia suy tôn và lật đổ chính trị được Nhà Trắng phái đến Việt Nam để dàn dựng vai diễn cho Diệm. Lansdale đã công bố những điều này trong hồi ký của mình. Bằng đô la, Lansdale tạo được những làn khói mù bao phủ làn sóng đòi độc lập của người yêu nước. Lansdale đã tạo ra những luận thông tin giả hiệu về một thể chế chính trị độc lập ưu việt cho Việt Nam, cái mà Ngô Đình Diệm tuyên bố là Việt Nam Cộng hòa. Mặc dù trước đó, một nền độc lập của tổ quốc đã được nhân dân đổi bằng máu, giành lại từ tay Pháp, Nhật để có được một Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bằng hệ thống tuyên truyền, Lansdale đã khiến một số người yêu nước thật sự mù mịt sự kiện thời cuộc để rồi lạc vào mê cung chính trị. Họ bị những thủ thuật tuyên truyền của Lansdale làm mù quáng và chỉ thấy duy nhất một con đường theo Ngô Đình Diệm là đúng đắn. Một số kẻ trực lợi chính trị thì mờ mắt bởi những đồng đô la mua chuộc, chấp nhận cầu vinh.

Lansdale thành công trong việc tạo được một làn sóng dư luận cổ xúy cho cái gọi là “chính nghĩa Việt Nam Cộng hòa” và tạo được một ánh hào quang xung quanh Ngô Đình Diệm. Như vậy vẫn chưa đủ để tạo quyền lực cho Diệm. Nhưng... một chính trị gia trên trời rớt xuống như Diệm chỉ có nước dãi chứ không có lực lượng vũ trang ủng hộ thật sự. Lansdale phải xách va li đô la đi mua chuộc từng nhóm vũ trang.

Có thể nói, Mỹ tạo sẵn một hệ thống chính quyền rồi bẻ Diệm đặt vào như người ta đặt một đứa bé vào nôi. Thế nhưng Diệm khờ khạo đến nỗi luôn ảo tưởng rằng, cái tài thao lược chính trị của ông ta đã đưa ông ta lên ngôi thống trị. Ông ta quên rằng, Mỹ có thể lấy lại cái ghế bất cứ lúc nào. Sự quen một cách xuẩn ngốc ấy đã biến Diệm thành một kẻ lỳ lợm trước quan thầy Mỹ.

Cái kiêu của Mỹ muốn Diệm diễn thành công là nâng tầm những chi tiết nhân quyền giả hiệu đến mức cao nhất: Phải công nhận và ban bố quyền tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và tự do tư tưởng cho nhân dân trong nước, đồng thời phải dẹp bỏ mọi giới hạn để phục hồi dân chủ. Nhưng với bản chất cố chấp, lỳ lợm, Diệm đã diễn không đạt yêu cầu. Càng diễn, Diệm càng để lộ cái chất giả hiệu nhân quyền của chế độ. Càng diễn, Diệm càng làm Mỹ lộ chân tướng.

Nhiều sử gia cho rằng Diệm tráo trở, lật lọng với Mỹ. Điều này thoát nghe có vẻ đúng nhưng nhìn lại tất cả những biến cố trong giai đoạn ấy, những nhận định như vậy chưa thỏa mãn mức độ chân thật của lịch sử. Diệm vẫn cần tiền Mỹ, tức là vẫn cần bầu sữa mẹ. Diệm chỉ là một đứa trẻ mè nheo giận dỗi để khóa lấp những hành động nông nổi làm lỗi lỡ phạm phải. Tiếc là bà mẹ quá độc ác, giết quách đứa con vừa ngổ ngáo, vừa ngu xuẩn cho xong việc để rồi... để đứa khác.

Khi đã vững vàng trên chiếc ghế tổng thống của chính quyền Nam Việt Nam, Diệm lại xem thường Lansdale - kẻ trực tiếp tạo dựng ông ta. Qua tầm nhìn của Diệm, Lansdale chỉ là một thuộc hạ giúp việc.

Có lần Lansdale hỏi Diệm về chính sách truyền đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, Diệm đã ra công giảng dạy cho Lansdale suốt 5 giờ liền.

Ngoài miệng, Lansdale luôn gọi Diệm là “papa” nhưng thật ra Lansdale là gia sư dạy kèm Diệm về vai trò tổng thống.

Diệm không nhìn thấy sức mạnh của Lansdale trong những cuộc biểu tình truất phế Bảo Đại để Diệm lên ngôi thống trị. Thậm chí Diệm còn lộ vẻ khinh thường nhân vật này. Nếu ví von, Mỹ là cha đẻ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đầu tiên thì Lansdale là mẹ đẻ của chính quyền ấy.

Khi thấy Diệm diễn sai những ý đồ sắp đặt của mình, Mỹ thông qua đại sứ tại Sài Gòn là Elbridge Durbrow tăng cường “số lượng răng” (nguyên văn – Tác giả) để dạy dỗ Diệm nhưng Diệm vẫn cố lý.

Thấy vị đại sứ này không đủ sức triệt tiêu sức ỳ của Diệm, Mỹ đã rút ông này về và đưa Frederick E. Nolthing - một người thân Diệm sang thay thế vị trí đại sứ để khuyên bảo nhẹ nhàng. Diệm vẫn cố lý. Mỹ đành rút Nolthing về rồi đưa “hung thần đảo chính” Henri Cabot Lodge sang làm đại sứ. Mỹ đã ngầm đe dọa Diệm: Sẽ cho chú mày về vườn nếu vẫn lý lợm. Ấy vậy mà Diệm vẫn chưa hiểu. Ông ta thường nói với vị đại sứ Mỹ một cách trịch thượng: “Mong ông đại sứ hiểu là ông đang đứng trước mặt một vị tổng thống Việt Nam Cộng hòa”. Tiếc là vị đại sứ Mỹ không trả lời rằng: “Tôi cũng mong ông hiểu là ông đang đứng trước vị đại sứ của một chính phủ để ra chính phủ giả hiệu của ông”.

Trong khi Ngô Đình Nhu đang chuẩn bị một cuộc càn quét tổng tấn công các ngôi chùa thì đại sứ Cabot Lodge ngầm chỉ đạo CIA tại Sài Gòn tập hợp một lực lượng tướng lĩnh quân đội đang phục vụ dưới trướng Diệm.

Ngày 20.8.1963, tại Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, các tướng lĩnh họp một phiên đặc biệt bí mật. Có thể xem đó là cái mốc quan trọng nhất trong tiến trình đưa Ngô Đình Diệm và chế độ xuống từ huyệt.

Trước phiên họp bí mật đó, vào ngày 4.7.1963 nhân lễ Quốc khánh Mỹ, đại sứ Nolthing mời tất cả những tướng lĩnh của Diệm đến tòa đại sứ dự tiệc chiêu đãi. Bữa tiệc đó giống như rất nhiều bữa tiệc chiêu đãi của tòa đại sứ, điểm khác biệt duy nhất là có sự hiện diện của các tay trùm tình báo CIA. Bữa tiệc đó là cái bắt tay đầu tiên của CIA với cái gọi là “Hội đồng tướng lĩnh Việt Nam Cộng hòa” để thực hiện cuộc soán ngôi đổi chủ ngày 1.11.1963. Đó cũng là bữa tiệc cuối cùng của Nolthing trong cương vị đại sứ tại Việt Nam. Ở Mỹ Cabot Lodge đã chuẩn bị sang Việt Nam đảm nhận vai trò đại sứ.

Nhu đánh hơi được hiểm họa từ Mỹ. Diệm xuôi tay giao phó mọi việc cho Nhu.

Khi đánh hơi được mùi đảo chính của các tướng lĩnh thuộc quyền, Ngô Đình Nhu bày một cuộc chơi trực diện với Mỹ. Ông ta sử dụng Nguyễn Khánh và Tôn Thất Đính làm con bài tẩy để thực hiện một cuộc đảo chính giả mang tên Bravo gồm 2 giai đoạn: Bravo I và Bravo II. Nhiệm vụ của Bravo I là tạo cái bẫy đảo chính. Có nghĩa là bất kỳ ai rủ đảo chính, Nguyễn Khánh cũng nhận lời nhảy vào tham gia. Khi cuộc đảo chính xảy ra, Diệm, Nhu bay ra Vũng Tàu hóng mát chờ Tôn Thất Đính thực hiện Bravo II, sử dụng lực lượng quân sự thuộc quyền gom sạch vào rọ những ai tham gia. Cái chiêu thức “cháy nhà để lòì mặt chuột” của Nhu sẽ triệt tiêu tất cả những thuộc hạ nuôi mầm móng chống đối, bất mãn ngầm, đồng thời “vỗ vào mặt Mỹ”. Nhu ung dung chờ đợi cái ngày đảo chính xảy ra.

Nguyễn Khánh sinh ngày 8.11.1927 tại Trà Vinh, là con của một địa chủ thân Pháp. Sau khi tốt nghiệp Học viện quân sự Saint Saumur Pháp, Khánh lấy 2 cái tên Tây một lượt: Raymond Khánh và Nicolas Khánh để dễ tiến thân trên con đường phục vụ “mẹ Pháp”. Lúc Pháp tạo dựng chính quyền Bảo Đại, sỹ quan Pháp Nicolas Khánh được chỉ định nằm trong lực lượng quân đội Nam Kỳ tự trị. Khi Diệm chấp chính, Khánh lại trở thành sỹ quan quân đội “quốc gia”.

Trong đợt Diệm đánh dẹp Bảy Viễn, Khánh giữ cương vị tư lệnh phó kiêm tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Diệu. Nhờ chiến công này, Diệm phong ngay cho Khánh cấp hàm đại tá.

Mang hàm đại tá lúc 28 tuổi, Khánh cảm thấy mình có tài. Khánh lại lập luận, người tài hay yếu mệnh, thế là Khánh nhờ thầy tướng số giúp đỡ. Nhìn thân hình ngắn ngủn, gương mặt mệt, cụt lùn của Khánh, thầy tướng số khuyên ông ta nên húi đầu đinh và để chòm râu dê dưới cằm cho gương mặt dài ra thêm.

Từ đó, Khánh có thêm hõn danh là Khánh “dê”. Có thể nhờ cái mặt dài thêm chút nên Khánh sống thọ. Tuy nhiên, thầy tướng số quên dặn Khánh phải luôn trang điểm cho gương mặt hồng hào, ẩn che đi cái màu trắng bệch của phấn phủ, lừa thầy, phản bạn và phải tô đậm, kéo hai hàng lông mày xéch lên tí xíu nữa để ẩn bớt cái tính hề khùng của mình.

Trong cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi, đúng hơn là của Vương Văn Đông vào năm 1960, Nguyễn Khánh nhờ có công phản công “cứu giá” nên được Ngô Đình Diệm thăng cấp thiếu tướng và đặt lòng tin tưởng như người nhà.

Đầu năm 1963, Ngô Đình Nhu cắt cử Nguyễn Khánh đảm nhiệm chức Tư lệnh quân đoàn II, chốt chặn động mạch chính quân sự ở Tây Nguyên. Nhu tin rằng, nếu có kẻ nào đó muốn dùng quân sự làm đảo chính, ắt phải nhờ đến lực lượng quân đoàn II. Nếu không, với quân số đầy, vũ khí đủ, quân đoàn II đủ sức mạnh để phản công đập bư đầu mẻ trán quân đảo chính. Đó là lý do Nhu sử dụng Khánh làm hậu thuẫn cho kế hoạch Bravo.

Nhân vật thứ hai được Nhu tin dùng trong Bravo là Tôn Thất Đính.

Tôn Thất Đính sinh ngày 20.11.1926 tại Huế. Sau khi tốt nghiệp tú tài, Đính xin vào làm cò cho chính quyền thuộc Pháp rồi đăng lính lon ton chạy việc với hàm binh nhì. Tuy xuất thân từ dòng họ Tôn Thất nhưng gia đình Đính nghèo rớt mồng tơi. Đính nhận thấy, muốn thoát kiếp nghèo chỉ có con đường duy nhất là tận tụy phục vụ Pháp.

Nhờ tháo vát những việc vặt, Đính được cấp chỉ huy gởi đi học khóa đào tạo lính thiết giáp ở Saumur, Pháp và trở thành sỹ quan “nước mắm” thuộc quân đội viễn chinh Pháp. Thuở ấy, trong các binh chủng của quân Pháp, lính thiết giáp bị xem thường nhất và họ gọi binh chủng này là binh chủng “nước mắm”.

Thấy chiến trường Bắc bộ bị quân Việt Minh đánh toi tả, sợ chết, Đính rời bỏ binh chủng “nước mắm” xin về chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh đóng ở vùng hậu phương và trở thành đảng viên Con Ó của Nguyễn Văn Hinh.

Khi Diệm chấp chính, Đính trở giáo phản Hinh theo Diệm. Dựa vào cái họ hoàng tộc và quê hương Huế, Đính lân la hầu hạ, trà thuốc cho Ngô Đình Cẩn để mua chuộc lòng tin. Khi đã thân thuộc, Đính quỳ lạy Cẩn xin nhận làm con nuôi. Nhờ vậy, Diệm đặc cách thăng hàm cho Đính từ đại úy bộ binh lên thẳng trung tá.

Tuy là con nuôi của Cẩn nhưng Đính tự nhận là con nuôi chung của cả Diệm và Nhu. Riêng Ngô Đình Luyện không có quyền hành nhiều nên Đính chỉ xem là... chú. Mọp với anh em Diệm nhưng Đính lại rất hung tàn với thuộc cấp và luôn lộ vẻ ta đây là con nhà hoàng tộc. Chuyện Đính xu nịnh anh em Diệm trở thành câu thành ngữ “nịnh như Đính” trong quân đội Sài Gòn thuở trước. Mỗi khi đi đâu, Đính cho cận vệ bao quanh biểu diễn như... phim. Trước khi Đính rời khỏi chiếc

xe jeep, tiểu đội cận vệ của Đính mặc đồ rằn ri, một tay lăm lăm súng, một tay lăm lăm rút chốt lựu đạn hoặc thủ dao găm phi thân xuống, kẻ đứng, người quỳ đảo mắt xung quanh như thỏ sắp có ám sát đến nơi. Chờ cho cận vệ diễn xong một màn, Đính mới đứng định bước xuống, bàn tay này cầm gậy chỉ huy gõ gõ vào bàn tay kia. Ấy vậy mà, nhiều lần người ta thấy Đính quỳ mọp xuống đất cột dây giày cho Ngô Đình Nhu trước mặt hàng ngàn binh lính.

Đính có tính xấu là luôn rình rập sơ hở của bạn bè, đồng đội để báo cáo lập công với Diệm.

Được Diệm tín cẩn, thời điểm năm 1963, Đính mang cấp hàm thiếu tướng, giữ chức Tư lệnh quân đoàn III kiêm Tổng trấn Sài Gòn – nơi đặt thủ phủ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Với chức vụ đó, Đính có trong tay 4.000 quân biệt kích dù và lính thủy đánh bộ, 40 thiết giáp, 6 đại đội lực lượng đặc biệt và 700 quân cảnh. Với lực lượng hùng hậu như vậy, Đính trở thành một lá chắn vững chắc cho anh em Diệm nếu có đảo chính quân sự. Ngoài ra, Nhu còn có trong tay đại tá Lê Quang Tung, chỉ huy 1.700 lính phòng vệ Phủ Tổng thống, 900 lính lực lượng đặc biệt và 700 cảnh sát dã chiến.

Nhu giao cho Đính soạn thảo kế hoạch Bravo II. Nội nào úp vung đó, gian xảo như anh em Diệm thì con nuôi cũng gian xảo.

Nhu chờ đợi.

Ngày 23.8.1963, Lucien Conein – chuyên viên tình báo CIA được tướng Trần Văn Đôn mời đến Bộ Tổng tham mưu Việt Nam Cộng hòa để thảo luận vấn đề nội tình các tướng lãnh. Kết thúc buổi thảo luận, Lucien Conein nhận một lá thư trao tay của Trần Văn Đôn gửi đến tân đại sứ Mỹ. Nội dung lá thư lên án Nhu và khẳng định quân đội không tham gia các vụ đàn áp Phật giáo, ngầm ý rằng, các tay tướng đã không còn trung thành với Diệm nữa.

Trần Văn Đôn tức Andre Đôn, sinh năm 1917 tại Bordeaux, Pháp. Cha ông là một người Việt du học ngành y khoa và trở thành bác sỹ tại Pháp. Mẹ ông là con gái của xứ sở rượu vang. Vì vậy, Trần Lệ Xuân thường gọi Đôn là “Tây con”. Trần Lệ Xuân và Đôn rất thân tình nhờ có chung gốc tích “ăn cơm Việt, cúng ông bà bằng cơm Tây”. Có dạo người ta tung tin rằng giữa Trần Lệ Xuân lên chồng tăng tị với Đôn. Tuy nhiên, đó chỉ là tin đồn nhảm nhí.

Tốt nghiệp Học viện quân sự quý tộc Saint Cyr Pháp, Trần Văn Đôn trở thành một sỹ quan được quân đội Pháp ưu ái. Đôn còn là một chuyên viên tình báo của quân đội Pháp tại thuộc địa Việt Nam.

Đôn thuộc tuýp đại diện quê mẹ đàn áp, tàn sát những người chung giọt máu với cha rất tích cực. Vì vậy, khi lập chính quyền Bảo Đại, Đôn được Pháp cất cử ở lại Việt Nam và trở thành lú sỹ quan chỉ huy cao cấp đầu tiên của quân đội “quốc gia”. Khi Diệm chấp chính, ông đã mang hàm đại tá phục vụ dưới trướng Diệm.

Nhìn thấy được con đường hoạn lộ của Diệm được Mỹ trải thảm, Đôn phản bội nước Pháp.

Sau khi lập công xuất sắc trong chiến dịch trấn áp các tôn giáo, giáo phái ở miền Nam, Đôn được Diệm thăng cấp thiếu tướng, thăng chức tổng tham mưu trưởng lực lượng quân đội. Để bày tỏ sự phản trắc của mình đối với nước Pháp hòng lấy lòng Diệm, Đôn đã làm lễ đốt quốc tịch Pháp và xin lấy quốc tịch Việt. Điều đó khiến Diệm tin tưởng giao cho Đôn giữ chức tổng tham mưu trưởng quân đội.

Đôn là người bàn thảo trực tiếp với CIA kế hoạch mua chuộc các tướng Sài Gòn cho cuộc đảo chính 1963.

Bức thư của Đôn được đại sứ Mỹ mã hóa thành điện văn gửi về cho văn phòng tổng thống Mỹ như đề kháng định: Một cuộc đảo chính đã chín muồi.

Lập tức, tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn nhận được ngay chỉ thị tối mật từ viên phụ tá ngoại trưởng Hilsman gửi. Chỉ thị này được Kennedy chuẩn duyệt. Bức điện này chỉ đại sứ Cabot Lodge và đô đốc hạm đội Thái Bình Dương Felt được phép đọc: "...Chính phủ Hoa Kỳ không thể dung dưỡng tình trạng mà quyền hành lại nằm trong tay ông Nhu. Ông Diệm phải loại bỏ ông Nhu và các thuộc hạ của ông để thay vào đó bằng quân đội tinh nhuệ và các chính trị gia có tư cách. Nếu ông (tức đại sứ Lodge) cố gắng hết sức, nhưng ông Diệm vẫn ngoan cố và từ chối thì chúng ta phải đối đầu với một điều có thể xảy ra, là ngay cả bản thân ông Diệm cũng không thể tồn tại được. Ký tên: Hilsman, Forrestal, Ball, W.Everell Hariman".

Để bơm sinh khí cho đám tướng tá đảo chính, Conien xách vali đô la đi tìm gặp từng viên tướng Sài Gòn: Trần Thiện Khiêm, Dương Văn Minh, Lê Văn Kim và đại tá Nguyễn Văn Thiệu để thống nhất hành động.

Lúc này, tướng Dương Văn Minh đã bị Diệm tước hết thực quyền quân sự do lời khai ly gián của anh hùng Hà Minh Trí - người ám sát hụt Diệm tại Buôn Mê Thuật năm 1957. Diệm giao cho Minh chức vụ cố vấn quân sự, tức là ngồi chơi xơi nước. Khi nghe lời mời đảo chính của Mỹ, Minh nhận lời nhưng rụt rè đưa ra điều kiện: Tổng thống Mỹ phải đồng ý ủng hộ đảo chính.

Trước đó, một chuyên viên CIA khác đi Tây Nguyên gặp Nguyễn Khánh. Mặc dù đã được Nhu cất đặt làm một cái bẫy đảo chính để bảo vệ chế độ Diệm nhưng khi tiếp xúc với tay chuyên viên tình báo Mỹ, Nguyễn Khánh trở giáo ngay. Với bản chất chớp tắt như đèn tín hiệu giao thông, Khánh xoay lòng trung thành của mình sang Mỹ. Ai cũng biết, nếu Mỹ không lót dít cho Diệm nữa thì Diệm khó sống, Khánh không thể trung thành với kẻ sắp chết. Thế là Khánh "OK. Đảo chính".

Ngay khi mua chuộc các tướng lãnh của Diệm xây dựng âm mưu đảo chính, John Richasdsen - chỉ huy CIA tại Sài Gòn đã khuyên các tay đầu buro phải mua chuộc bằng được Tôn Thất Đính tham gia. Nếu chưa mua chuộc được Đính thì khoan đảo chính.

Ngày 29.8.1963, Kennedy lại tiếp tục gửi điện văn cho đại sứ Lodge: "Tôi chấp thuận tất cả những điều đề cập trong cái điện văn mà những vị khác gửi cho ông (tức bức điện văn "tối mật" ngày 24 tháng 8), và tôi ủng hộ các điều đó hết mình. Chúng tôi sẽ cố gắng làm hết sức để có thể giúp ông hoàn thành sứ mạng này một cách mỹ mãn. Cho đến khi các tướng lãnh ra tay, tôi xin được dành cái quyền thay đổi kế hoạch hay đảo ngược chỉ thị vào giờ chót. Tôi hoàn toàn nhận

hết trách nhiệm về bất cứ sự thay đổi nào, và tôi cũng chịu hoàn toàn trách nhiệm về kế hoạch này và hậu quả của nó”.

Song song các thao thác chuẩn bị trong nội bộ chính quyền Sài Gòn, Mỹ bí mật tổ chức một tổ hợp tàu chiến, tàu sân bay đậu ven biển Nam Việt Nam để sẵn sàng di tản 5.000 người Mỹ đang cư trú tại Việt Nam. Một lực lượng 3.000 thủy quân lục chiến ở đảo Okinawa sẵn sàng ứng chiến giúp quân đảo chính. Rõ ràng, trong cuộc đảo chính này - nói đúng hơn là cuộc chiến gián tiếp giữa Mỹ và Diệm - các tướng Việt Nam Cộng hòa chỉ là con cờ của Mỹ.

Thấy tướng Minh e ngại về sự thất bại của cuộc đảo chính, chỉ huy CIA tại Sài Gòn - Richardson phải mời tướng Minh đến văn phòng khẳng định lời hứa ủng hộ của Mỹ một lần nữa vào ngày 31.8.1963.

Như vậy vẫn chưa đủ để các tướng Sài Gòn can đảm thực hiện khiến hơn một lần kế hoạch đảo chính gần như phá sản.

Đầu tháng 10.1963, một đoàn gồm McNamara - Bộ trưởng Quốc phòng, tướng Taylor - Tổng tham mưu trưởng và một số thành viên nội các Mỹ đến Việt Nam dò xét tình hình và tạo sự khích lệ mới cho các tướng lãnh Sài Gòn nuôi ý đảo chính.

Nhờ sự xuất hiện của phái đoàn này, các tướng lãnh an tâm tụ họp bàn thảo kế hoạch chi tiết. Kế hoạch đảo chính được phác thảo chi tiết trước mặt Conien.

Conien khẳng định lời tuyên bố của đại sứ Mỹ cho phe đảo chính biết, Mỹ sẵn sàng giúp đỡ chính quyền mới sau đảo chính, tuy nhiên, Mỹ phải “núp kỹ” để tránh sự lên án của dư luận quốc tế. Nếu cuộc đảo chính thất bại, Mỹ sẵn sàng cur mang tất cả những người tham gia.

Cuộc đảo chính được ấn định vào ngày 31.10.1963 với sự phân công cụ thể: Dương Văn Minh phụ trách quân đội, Trần Văn Kim lo phân phát ngòn, Trần Văn Đôn lo phần ngoại giao.

Về phần Ngô Đình Nhu, tướng đã nắm chắc trong tay 100% chi tiết cuộc đảo chính, ông ta diễm tĩnh thu xếp cho Trần Lệ Xuân đi Mỹ từ ngày 10.10.1963. Mục đích chuyến đi của Trần Lệ Xuân được hô hào rùm beng là “giải oan” mà báo chí gọi là “giải độc” chính trị. Thật ra, Nhu muốn vợ tránh né một cuộc đọ sức cân não có đổ máu giữa ông ta và Mỹ.

Ngày 31.10.1963, Washington gửi một bức điện cho Lodge chỉ thị: “Không được đứng về phe nào. Nếu tình thế xảy ra không rõ ràng, thì Mỹ phải đứng hòa hoãn giữa hai bên. Nếu đảo chính bị thất bại, tòa đại sứ nên cho phép họ tỵ nạn tùy theo sự quyết định của đại sứ Lodge. Nhưng cố gắng khuyến khích họ nên đi nơi khác tỵ nạn. Dù vậy, nếu có cuộc đảo chính xảy ra thì Mỹ vẫn mong là nó thành công”. Qua bức điện này cho thấy, Mỹ luôn luôn là kẻ chơi xấu, thích “ném đá giấu tay” và “vắt chanh bỏ vỏ”.

Sáng ngày 1.11.1963, đường phố Sài Gòn trở nên vắng vẻ khác thường. Các nhóm biểu tình cũng biến mất. Người dân đã linh cảm thấy có điều gì đó sắp xảy ra nên ẩn mình kỹ trong nhà để tránh tên bay đạn lạc.

Buổi sáng hôm đó, tất cả các tướng lĩnh, sỹ quan cao cấp thuộc quân đội Sài Gòn được mời đến Bộ Tổng tham mưu để dự tiệc. 2 chiếc xe thiết giáp và 1 tiểu đoàn tân binh từ Quang Trung được lệnh di chuyển về Bộ Tổng tham mưu hỗ trợ lính gác cổng. Tại đây, lính gác cổng nhận được lệnh: Bắn bỏ bất cứ ai - kể cả tướng - muốn rời khỏi cổng Bộ Tổng tham mưu mà không có lệnh của 3 vị tướng Minh, Đôn và Kim.

Sau khi tập trung đầy đủ tại văn phòng bộ chỉ huy, tướng Dương Văn Minh tuyên bố đảo chính lật đổ Diệm, Nhu. Giờ khởi sự được ấn định là 13 giờ. Ngay sau lời tuyên bố của Minh, các đại tá Lê Quang Tung - Chỉ huy lực lượng đặc biệt, đại tá Huỳnh Hữu Hiền – Tư lệnh Không quân, Trần Văn Tư – Giám đốc Cảnh sát Sài Gòn và đại tá Cao Văn Viên tỏ vẻ chống đối đã bị bắt giam ngay.

Đúng 13 giờ 30 phút quân đội đảo chính bắt đầu nổ súng.

Để phân biệt, lính đảo chính được lệnh đeo khăn quàng màu đỏ. Cùng thời điểm các đơn vị đảo chính đang di chuyển quân vào vị trí chiến đấu thì đại sứ Mỹ Cabot Lodge đến dinh Gia Long trò chuyện thân mật với Diệm.

Conien gửi một tín hiệu về trung tâm chỉ huy CIA cho biết cuộc đảo chính đã bắt đầu. Sau đó y lặn 1 khẩu súng ngắn, vài trái lựu đạn và một điện đài rồi xách chiếc cặp da chứa hơn 40.000 đô la vào Bộ Tổng tham mưu “sát cánh” cùng phe tướng lĩnh đảo chính. Một chiếc xe jeep từ Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn chạy vun vút trên phố rồi chui tọt vào văn phòng CIA. Đó là chiếc xe chở tướng Trần Văn Đôn đến nơi đó để báo cáo tình hình chuẩn bị đảo chính cho tướng Harkin – Tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam và tướng Felt – Đô đốc Tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương Mỹ.

Nghe tin đảo chính bùng nổ, Ngô Đình Nhu rung đùi đón nhận. Ông ta tin rằng kế hoạch Bravo I vẫn còn tác dụng. Ông ta điện cho đứa con nuôi của gia đình là Tôn Thất Đính chuẩn bị kế hoạch Bravo II. Ông và Diệm sẽ ẩn mặt đâu đó chờ chính phủ mới của quân đảo chính lộ mặt hết rồi cho Đính kéo quân vào tóm đầu từng tên. Nhu đinh ninh kế hoạch phản đảo chính của mình thành công. Ông ta hoàn toàn không ngờ Trần Văn Đôn và Tôn Thất Đính đã biến kế hoạch Bravo II thành một cuộc đảo chính thật sự.

Giây phút đầu tiên, quân đảo chính đã chiếm hãn Bộ tư lệnh Hải quân, trụ sở Bộ Quốc phòng, bưu điện Trung ương và sân bay Tân Sơn Nhất. Tổng nha Cảnh sát bị 500 lính thủy quân lục chiến bao vây phong tỏa. Một tiểu đoàn dù đánh chiếm đài phát thanh và đưng độ dữ dội với quân của Nhu. Tại dinh Gia Long, quân đảo chính và quân bảo vệ dinh đánh nhau điên cuồng.

Thấy quân đảo chính không thể khống chế được quân bảo vệ dinh, tướng Khiêm gọi Nguyễn Cao Kỳ - lúc ấy là trung tá chỉ huy trưởng không quân nhờ viện trợ không lực. Lúc đầu, Kỳ sợ đảo chính thất bại nên im lặng chẳng lộ vẻ ủng hộ hay chống đối. Giờ thấy phe đảo chính có vẻ thắng, Kỳ sốt sắng tham gia. Ông ra lệnh cho 2 oanh tạc cơ T-28 xuất trận bay thẳng đến dinh Gia Long dội bom.

Nhận thấy quân đảo chính, trong đó phần đông là quân thuộc quyền của đứa con nuôi, đánh thật chứ không phải đánh giả như kế hoạch Bravo đã định, Ngô Đình Nhu liên lạc với Tôn Thất Đính. Đính im lặng. Đến lúc đó Nhu mới hiểu Tôn Thất Đính đã phản bội mình.

Để cứu vãn tình thế, Ngô Đình Diệm điện cho Trần Văn Đôn vờ vịt hỏi: “Các anh làm cái gì vậy?”. Đôn trả lời thẳng rằng, quân đội muốn lật đổ chính quyền Diệm, yêu cầu Diệm đầu hàng vô điều kiện. Diệm vờ ngây ngô mời các tướng vào dinh Gia Long để thương thuyết và chấp nhận giao chính quyền cho quân đội. Đôn biết Diệm tìm kế hoãn binh để đủ thời gian cho các đơn vị ở xa về “cứu giá” như diễn biến cuộc đảo chính năm 1960.

Quân đảo chính bắt Lê Quang Tung - một kẻ trung thành với Diệm - dí súng vào đầu bảo Tung kêu gọi Diệm đầu hàng qua loa phóng thanh. Tung báo cho Diệm biết Nguyễn Khánh và Tôn Thất Đính đã phản bội. Đêm đó Tung bị quân đảo chính bắn chết cùng với người em trai của y cũng là sỹ quan cao cấp chỉ huy lực lượng đặc biệt. Cả hai bị vùi xác trong một cái hố tạm.

Thấy Đôn không dễ mắc lừa, Diệm điện cho đại sứ Cabot Lodge vờ như không biết Mỹ đứng đằng sau cuộc đảo chính. Cabot Lodge lật tẩy và hứa sẽ cho anh em Diệm sang Mỹ cư trú.

Thấy Diệm cù cưa giống cái cách đối phó cuộc đảo chính năm 1960, Dương Văn Minh lệnh cho Nguyễn Văn Thiệu – lúc đó chỉ mới là đại tá chỉ huy sư đoàn 5 bộ binh - tấn công vào dinh Gia Long.

Quân phòng vệ Phủ Tổng thống ở dinh Gia Long được lệnh của Nhu quyết tử thủ, chiến đấu điên cuồng trong tư thế sẵn sàng chết để thể hiện lòng trung thành. Họ nào hay, khi họ đang đổ máu, hy sinh tính mạng thì anh em Diệm, Nhu đã trốn đi khỏi dinh bằng một đường hầm bí mật mà không hề xả lệnh tử thủ. Hóa ra, đám lính trung thành này chết để bảo vệ cái dinh trống không. Giờ phút nguy hiểm thập tử nhất sinh, Diệm và Nhu vẫn thò cái đuôi thâm độc ra.

Chương 14: ÁN TỬ TRONG XE BỌC THÉP

Trưa Sài Gòn oi nồng. Nắng đỏ lửa gay gắt khiến người ta ngột ngạt khó chịu chỉ chực chờ thiêu ngủ. Suốt mấy tháng liên tục, hết đợt biểu tình này đến đợt biểu tình khác, hết đợt đàn áp này đến đợt đàn áp khác khiến người dân Sài Gòn trở nên nhạy bén với mọi vẻ khác thường của đường phố. Những người thờ ơ nhất cũng phải quan tâm đến thời sự, diễn biến từng phút giây của không gian xung quanh.

9 năm cầm quyền của anh em Ngô Đình đã khiến người dân Sài Gòn luôn sống trong tâm trạng pháp phòng, lo âu. Hễ đi ra đường là người ta thấy súng ống, dao lê lăm lăm của cảnh sát, lính tráng xia xối, nghi hoặc.

Vì vậy, buổi trưa ngày 1.11.1963, khi toán lính thủy quân lục chiến đầu tiên xuất hiện trên đường phố, người dân biết ngay là có biến cố lớn xảy ra. Một vài người dân tò mò bạo phổi chạy theo hỏi thăm vài gã lính trẻ, liền bị sỹ quan chỉ huy quát: “Sài Gòn có biến, yêu cầu người dân ở trong nhà đóng kín cửa. Ai héo lánh bên ngoài, bị bắn chết bỏ”.

Thế là tất cả những cánh cửa hai bên phố đóng im ỉm. Đường phố từ sáng sớm đã vắng, giờ lại càng vắng thêm. Nhiều người dân đang trên đường giải quyết công việc cũng phải vội nhào ngay vào một con hẻm tìm nhà người quen xin tá túc tạm. Người ta truyền tai nhau: “Vây là có đảo chính thiệt rồi”.

Người dân biết tin này trước khi tiếng súng nổ ra mấy giờ đồng hồ.

Từ tuần trước, ở các góc chợ, những người có máu mê tin đã lan truyền, bàn tán về những điềm báo trước sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm. Một vườn trúc ở Hậu Nghĩa đột nhiên phát cháy; Một ngọn sét đánh thẳng vào ngôi mộ xây sẵn của Ngô Đình Cẩn; Tượng đức Mẹ đồng dân rơi lệ; Phật bà Quan Âm hiện hình trên bầu trời Biên Hòa, v.v... Những người có máu mê truyền trình thám khắng định những nguồn tin dị đoan đó được CIA tạo dựng lên để chuẩn bị tâm lý cho người dân ủng hộ cuộc đảo chính.

Thế rồi lúc 13 giờ 30 phút ngày 1.11.1963, người ta bất chợt nghe một loạt tiếng rít đạn đại bác xé ngang bầu trời rồi hàng loạt tiếng nổ vọng lên từ phía dinh Gia Long.

Đó là loạt đạn đại bác 105mm khai trận của sư đoàn 5 do đại tá Nguyễn Văn Thiệu chỉ huy. Ngay sau đó là 4 chiếc máy bay khu trục quần trên nóc dinh Gia Long bắn từng loạt rocket để hỗ trợ cho lính thủy quân lục chiến áp sát thành. “Quân ta” bắt đầu chiến đấu với “quân mình”. Cùng phận bị bắt “đi quân dịch” chết thay cho bọn hoạt đầu chính trị nên không ai muốn hướng mũi súng vào nhau, nhưng “Tôi không bắn anh thì anh bắn tôi. Tôi không bắn anh, chỉ huy của tôi cũng bắn tôi”. Họ chiến đấu chẳng vì lý tưởng nào cả mà chỉ vì chính mạng sống của họ đang treo trước mũi súng ngắn của viên sỹ quan chỉ huy sau lưng. Họ bắn vào nhau trong tâm trạng đầy ngao ngán. Thậm chí có một chuẩn úy thuộc phe đảo chính đã phải bắn về hướng cha mình đang thuộc về phe lính bảo vệ tổng thống.

Sau loạt đạn khai trận, phía quân đảo chính đã có vài lính ruồi tử thương. Một viên trung úy bảo vệ dinh Gia Long chết thay Ngô Đình Diệm và một đại úy chỉ huy đám lính ruồi chết thay... tòa Bạch Ốc đã nhận ra nhau. Họ nói chuyện như anh em một nhà bằng ngôn ngữ mẹ đẻ. Họ cùng hứa gá súng đối diện nhau chứ không đánh nữa. Để rồi sau đó theo lệnh cấp trên, họ buộc lòng phải tiếp tục bắn giết lẫn nhau chỉ vì cái trò mưu mẹo chính trị của những kẻ hám danh, bán sỉ sinh mạng con dân Việt và mua lẻ địa vị cho riêng mình.

Riêng phần “tổng thống” thì ngay sau loạt đại bác đã chui tọt xuống đường hầm bí mật nằm ngầm dưới dinh Gia Long.

Năm 1962, hai viên sỹ quan không quân Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử được lệnh đi thực hiện một phi vụ thả bom vùng Cà Mau. Bức xúc trước những gì anh em Diệm, Nhu tạo ra, 2 viên sỹ quan này đã tự ý chuyển hướng bay ném bom thẳng vào dinh Độc Lập khiến Diệm suýt chết rồi bay sang Campuchia tỵ nạn. Sau lần hoảng hồn vía đó, Diệm đã “dời đô” về dinh Gia Long.

Dinh Gia Long không kiên cố và hiện đại bằng dinh Độc Lập nhưng dinh Gia Long đã được Nhu cho thiết kế một đường hầm bí mật ngay phía dưới. Nhu biết thế nào cũng có ngày bị lật đổ nên tính trước đường cõ thủ. Đường hầm bí mật được xây dựng như một pháo đài chỉ huy và ăn thông từ bên trong dinh ra ngoài đường để đào thoát.

Khi đã yên ả dưới đường hầm bí mật, Nhu không còn trông mong sự trung thành của đứa con nuôi “Tôn Thất... Hứa” tức Tôn Thất Đính nữa, đã dùng điện đàm lệnh cho sư đoàn 7 đang đóng quân ở miền Tây về cứu giá nhưng cánh quân này đã bị quân đảo chính mua chuộc và vô hiệu hóa trước 5 ngày.

Diệm vẫn cho ghi âm bài hiệu triệu quần chúng chống đảo chính rồi sau đó, lúc 8 giờ tối chuẩn bằng ngã đường hầm bí mật trong khi lính bảo vệ phía trên nhận hàng trăm quả đại bác của quân đảo chính. Hàng chục người bị thương và chết để bảo vệ cái dinh vô chủ.

Đã không còn tia hy vọng nào về kế hoạch Bravo của mình, Nhu cùng với Diệm bỏ trốn đến tá túc tại nhà một doanh nhân người Hoa tên Mã Tuyên ở quận 5 để cầu cứu các đơn vị quân đội ở xa. Mã Tuyên là một trong những đường dây buôn lậu của Ngô Đình Nhu.

Ngôi nhà của Mã Tuyên đã được bày bố sẵn một hệ thống truyền tin để chỉ huy các đơn vị tiếp cứu. Lời kêu gọi “cứu giá” đã không được ai đáp trả. Đến lúc đó, Diệm, Nhu mới chịu hiểu mình chỉ là con hổ giấy.

Sáng ngày 2.11.1963, đài phát thanh Sài Gòn loan tin quân “cách mạng” đã toàn thắng. Dinh Gia Long đã bị quân đảo chính chiếm hoàn toàn. Thế nhưng dinh Gia Long chỉ là một bãi hoang tàn chỉ còn vài binh sỹ bảo vệ đang rúm ró trong các góc hầm trú ẩn. Không ai biết Diệm, Nhu đã trốn biệt ở đâu. Đại sứ Cabot Lodge hạ lệnh Conien hỏi thúc tướng lãnh phe đảo chính: “Phải tìm cho ra họ trốn ở đâu”.

Không tìm thấy Diệm, Nhu, hầu hết các tướng lãnh phe đảo chính đều hoảng vía. Họ biết, nếu Nhu trốn thoát thì có thể họ sẽ gánh chịu một trận phản đòn chí tử của Nhu.

Tuy nhiên, lúc 7 giờ sáng, Cabot Lodge nhận được một cuộc điện thoại “đầu hàng” của Diệm. Diệm xin được sống và xin 1 chiếc máy bay đưa ra nước ngoài tỵ nạn.

Một bức mật điện được Lodge gửi về Washington xin ý kiến. Mặc dù lúc ấy ở Mỹ đã vào buổi tối, hết giờ làm việc nhưng đã được hoạch định trước, một quan chức tòa Bạch Ốc gửi một mật lệnh lạnh lùng đến Lodge: “Họ (Diệm, Nhu) không thể tồn tại”. Lodge trả lời với Diệm: “Bây giờ ở Mỹ đang là ban đêm, không thể làm gì giúp ông được”.

Lodge đã thông báo trước cái án tử hình cho cho Diệm, Nhu.

Sau này, các tài liệu của CIA được giải mật cho thấy, kể từ khi nhận được tín hiệu mật của Conien, tại Washington, phụ tá tổng thống là Forrestal đã đánh thức Kennedy để cùng thức suốt đêm theo dõi sát diễn biến cuộc đảo chính.

Diệm hiểu mình đã không còn cơ may nào. Lúc đó, ông ta mới chịu ra lệnh cho lính bảo vệ dinh Gia Long thôi “tử thủ”.

Cánh cửa địa ngục đã mở ra trước mắt, ông ta và Ngô Đình Nhu rời nhà Mã Tuyên đến nhà thờ Cha Tam cầu kinh trước khi liên lạc với quân đảo chính tuyên bố đầu hàng.

Trong lúc dân chúng nô nức kéo nhau ra đường - họ không ra đường vì chiến thắng của quân “cách mạng” mà ra đường vì vừa thoát khỏi một chế độ “phát xít” kiểu Diệm và cũng vì tò mò muốn xem nội thất dinh Gia Long, dinh Độc Lập - thì quân đảo chính cất cử một toán gồm 4 thiết giáp, 2 xe tăng và vài chiếc GMC chở đầy lính do tướng Mai Hữu Xuân chỉ huy đi “đón” Diệm, Nhu tại nhà thờ Cha Tam.

Conien lệnh cho các tướng lĩnh đảo chính: “Không thể rán trứng mà không đập vỏ trứng”.

Một viên đại úy cận vệ của tướng Dương Văn Minh tên là Nhung đã cưỡng bức Diệm, Nhu như cưỡng bức 2 tên trộm lên một chiếc xe bọc thép chở về Bộ Tổng tham mưu, bản doanh của quân đảo chính. Đến nơi, cửa xe được mở ra và người ta thấy Diệm, Nhu chỉ còn là hai cái xác không hồn, không quyền lực, mình đầy máu, hai tay bị trói giết cánh khuỷu. Cả hai nằm chết rúm ró.

Cả tháng sau đó, không ai dám nhận trách nhiệm về việc giết chết Diệm, Nhu.

Tuy nhiên, vụ việc dần sáng tỏ khi đám tướng lĩnh đảo chính đấu đá, tố cáo nhau tranh giành quyền lực, địa vị. Người ta đã tường thuật cận kề, chi tiết vụ “tử hình” này.

Theo đó thì, khi chiếc xe bọc thép “đón” Diệm, Nhu đi từ nhà thờ Cha Tam ra đã ghé vào Tổng nha Cảnh sát. Tại đó Diệm, Nhu bị tra tấn để khảo cứu. Trận đòn tra tấn đã khiến mình mẩy Nhu bầm dập. Sau đó, cả hai bị trói thúc kè ném lên xe bọc thép tiến về Bộ Tổng tham mưu. Trên đường đi, Mai Hữu Xuân ngồi trên xe jeep đã chặn đầu chiếc jeep chở đại úy Nhung đang áp tải chiếc xe bọc thép chở Diệm, Nhu. Tướng Xuân đã đưa một ngón tay lên trời ngoéo lại như bóp cò súng 2 lần. Nhung nghiêm chào Xuân như báo cáo đã nhận lệnh.

Đoàn áp tải chạy một đoạn nữa, đến đường rầy xe lửa, Nhung rời xe jeep nhảy sang chiếc xe bọc thép đuổi hết binh sỹ ra khỏi xe. Nhung đóng cửa lại rồi bắn Diệm, Nhu mỗi người mấy phát súng ngắn vào đầu. Để lấy dấu máu cho chiếc dao găm luôn đeo bên người, Nhung đâm thêm vài nhát dao vào hai cái xác.

Chiếc dao găm của gã đại úy mất luôn văng đỏ, trợn ngược ấy đã từng lấy dấu máu rất nhiều người, trong đó có tướng Hòa Hảo Ba Cụt. Sau này, Nhung bị một trong số sỹ quan đảo chính trói treo lên xà nhà rồi đâm đá cho đến khi hồn lìa khỏi xác. Man rợ đối xử với nhau kiểu man rợ.

Xác hai anh em Diệm được bỏ cho kiến bu ruồi đậu đến trưa mới được đưa tới nhà xác bệnh viện Sant Paul Sài Gòn tẩm liệm theo kiểu xác vô thừa nhận. Trong giấy chứng tử, người ta chỉ ghi Diệm là quan thượng thư và Nhu là quản thủ thư viện. Cái nghĩa tận mà đám thuộc hạ đã từng tung hô “Ngô tổng thống muôn năm” dành cho Ngô Đình Diệm không được sạch sẽ cao sang cho lắm.

Sau đó, cả hai được chôn trong một nghĩa địa bình dân giữa lòng Sài Gòn. Sau năm 1975, một người cháu của Ngô Đình Diệm đã cải táng mộ hai ông về nghĩa địa ở Lái Thiêu, Bình Dương.

Vài ngày sau cuộc đảo chính, tòa đại sứ Mỹ ban một ân huệ cuối cùng cho dòng họ Ngô Đình là thu xếp cho 3 đứa con của Nhu đoàn tụ với Trần Lệ Xuân ở nước ngoài.

Ở Mỹ, đang chu môi múa mồm, nghe tin Diệm, Nhu bị giết, bà Trần Lệ Xuân nín bật và sau đó bắt đầu cuộc sống ẩn dật ở Paris, Pháp.

Ngô Đình Thục không dám về nước kể từ đó. Ông chết lưu vong ở nước ngoài.

Riêng hung thần miền Trung Ngô Đình Cẩn ở Huế bị đám đảo chính bao vây nhà vào ngày 2.11.1963. Ông ta trốn thoát được và xin Lãnh sự quán Mỹ tại Huế cho tỵ nạn. Nhận lời, họ hứa

sẽ đưa ông vào tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn để được thu xếp ra nước ngoài an toàn. Tuy nhiên, khi chiếc máy bay chở Ngô Đình Cẩn vừa đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất đã thấy Conien chực chờ sẵn. Conien thộp cổ ngay “cậu Cẩn” rồi sau đó giao cho đám quân đảo chính giam giữ.

Ngày 9.5.1964, sau nửa năm bị giam giữ tại khám Chí Hòa, Ngô Đình Cẩn bị đem ra xử bắn. Ông không được an táng ở phần mộ hoàng tráng của mình tại Huế mà bị chôn vùi ở một nghĩa địa bình dân, sau này cũng được cải táng về nằm chung với hai ông anh ở Bình Dương.

Chính trường miền Nam trở thành một sân khấu hài đầy kịch tính kể từ sau cuộc đảo chính. Mỹ muốn thế và luôn muốn thế.

Chương 15: “MUỐN LÀM ĐỒNG MINH CỦA MỸ HÃY NHỚ TỚI NGÔ ĐÌNH DIỆM”

Sau cuộc đảo chính, đám quân nhân tham gia đảo chính đã tự thăng cấp cho nhau. Mỗi người lên một cấp hàm. Họ bày biện một cuộc ra mắt cái gọi là “Hội đồng quân nhân cách mạng” gồm: Trung tướng Dương Văn Minh - Chủ tịch; trung tướng Trần Văn Đôn - Phó chủ tịch; trung tướng Tôn Thất Đính - Phó chủ tịch; trung tướng Lê Văn Kim - Tổng thư ký kiêm Ủy viên ngoại giao; thiếu tướng Đỗ Mậu - Ủy viên chính trị; trung tướng Trần Thiện Khiêm - Ủy viên quân sự; trung tướng Trần Văn Minh (còn được gọi là Minh Nhỏ) - Ủy viên kinh tế; trung tướng Phạm Văn Chiêu, trung tướng Lê Văn Nghiêm, trung tướng Mai Hữu Xuân, chuẩn tướng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Hữu Cồ là ủy viên.

Ngày 8.11.1963, những kẻ từng chống đối Diệm đang bị Diệm bị lưu đày ra Côn Đảo được sàng lọc đón về Sài Gòn trả tự do, riêng những chiến sỹ cách mạng Cộng sản vẫn bị giữ lại...

Những đồng bọn lưu vong nước ngoài lục tục kéo về chia công như: tướng Nguyễn Văn Vỹ, Dương Văn Đức, Nguyễn Chánh Thi...

Cả bọn “chia phần” nhau: Mai Hữu Xuân được làm Tổng giám đốc Nha Cảnh sát, Tôn Thất Đính làm Tổng trưởng Nội vụ, Nguyễn Chử bị Diệm giam ở Côn Đảo về làm Ủy viên Bộ An ninh kiêm Chủ tịch Ủy ban cứu xét phóng thích phạm nhân (Sau này, qua sự đề xuất của ông Hà Minh Trí, ta tổ chức ám sát Nguyễn Chử để bảo vệ bí mật an toàn cho những vị lãnh đạo từng ở tù chung với Chử tại Côn Đảo), trung tướng Trần Văn Đôn làm Tổng trưởng quốc phòng kiêm Tư lệnh quân đội.

Một cuộc tranh công sôi động giữa các tướng đảo chính ngấm ngấm cháy. Mỗi một Conien không đủ sức can gián sự nói xấu, dè bĩu lẫn nhau của các vị “quân nhân cách mạng” nên William Colby, người phụ trách cục Viễn Đông của CIA phải rời tổ cáo ở Langley bay đến Sài Gòn để tiếp xúc từng vị tướng lĩnh. Nhiệm vụ của Langley là tìm gương mặt mới để đặt lên ghế lãnh đạo cái gọi là Việt Nam Cộng hòa.

Sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm, tướng Nguyễn Khánh từ cấp bậc thiếu tướng được “Hội đồng quân nhân cách mạng” phong hàm trung tướng. Được Langley tiếp xúc, Khánh đã khéo léo tạo cho ông trầm tĩnh báo này thiện cảm. Nhân tiện, Khánh sủi bọt mồm nói xấu Dương Văn Minh và các tướng lĩnh khác. Khánh khẳng định rằng Mai Hữu Xuân, Trần Văn Đôn và Lê Văn Kim đã bắt tay với Pháp để loại bỏ dần áp lực của Mỹ tại Việt Nam. Sau cùng, để tỏ lòng trung thành, hứa

sẽ dùng quân sự “bóp cổ” các tướng thân Pháp, Khánh đem chùm râu dê ra thề thốt: Khi nào tình hình Sài Gòn ổn định Khánh sẽ cạo bỏ.

Đến lúc này, Mỹ mới giật mình nhận ra, trong đám tướng lãnh đảo chính không có gương mặt nào đủ thông minh để lãnh đạo cái chính quyền miền Nam thuộc Mỹ và hầu hết những gương mặt “quân nhân cách mạng” đều thuộc phe Pháp cài cấy lại.

CIA nhận định, tướng Dương Văn Minh có chút ít uy tín nhờ cái tiếng “lãnh đạo” cuộc đảo chính nhưng lại dốt về chính trị. Minh không đủ sức đảm đương nhiệm vụ “quốc trưởng” do Mỹ giao tạm thời.

Một tay sai tốt phải hội đủ các yếu tố: Thông minh vừa đủ để lãnh đạo đám quần thần xôi thịt và ngu vừa đủ để Mỹ gọi dạ bảo vâng. Ngoảnh đi nhìn lại trong đám “quân nhân cách mạng”, chỉ có Khánh “dê” là tạm xài được.

Nghe hóng được chuyện Nguyễn Khánh nói xấu mình với quan thầy Mỹ, “Chủ tịch hội đồng quân nhân cách mạng” Dương Văn Minh đẩy Khánh ra Đà Nẵng chỉ huy vùng I chiến thuật, đồng thời tự phong mình lên chức Tổng tư lệnh quân đội.

Tuy nhiên, nhờ có Mỹ hậu thuẫn, Khánh “dê” kết hợp cùng tướng Trần Thiện Khiêm tổ chức một cuộc “đảo chính sau đảo chính” gọi là “chỉnh lý” vào ngày 31.1.1964. Dân chúng Sài Gòn lại được dịp nín thở xem màn mới của vở kịch chính trị kiểu Mỹ. May là cuộc “chỉnh lý” không tổn sinh mạng.

Cuộc “chỉnh lý” thành công, Nguyễn Khánh tự xưng là “Chủ tịch hội đồng quân nhân cách mạng” kiêm “Tổng tư lệnh quân đội”. Dương Văn Minh vẫn được Mỹ giữ lại làm “quốc trưởng” bù nhìn.

Khánh “dê” đã tước quyền lực và đưa Trần Văn Kim, Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân, Nguyễn Văn Vỹ lên Đà Lạt giam lỏng.

Giữa lúc đám tướng lãnh xôi thịt tranh giành quyền lực, Mỹ tranh thủ đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam. Con số binh lính quốc tịch Mỹ ở Nam Việt Nam từ 875 người tăng vọt lên 16.000 người chỉ trong 1 tháng sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm.

Vẫn chưa thỏa mãn “cách vâng lời” của Dương Văn Minh, CIA xúi Nguyễn Khánh cùng Thiệu, Kỳ lên “quốc trưởng Dương Văn Minh” tổ chức một cuộc họp bí mật các tướng lĩnh tại Vũng Tàu vào ngày 16.8.

Cuộc họp mật này, Nguyễn Khánh và các tướng trẻ dựng vở kịch biểu quyết đề cách chức Dương Văn Minh. Ngay sau đó, Nguyễn Khánh công bố cái gọi là “hiến chương Vũng Tàu” để hợp thức cái chức quốc trưởng kiêm tổng tư lệnh, kiêm tham mưu trưởng quân đội, kiêm luôn chức thủ tướng. Có nghĩa là các vị trí chủ chốt nhất về quyền lực đều nằm trong tay Nguyễn Khánh.

Dương Văn Minh lưu vong sang Pháp.

Từ “hiến chương Vũng Tàu”, Nguyễn Khánh trở nên kệt cớm với nhiều trò hề khiến CIA trở tay không kịp. Trong một cuộc ra mắt báo công trước quần chúng, ngẫu hứng, Nguyễn Khánh tuyên bố: Quân đội là... cha của dân. Thế là quần chúng hề nhau chưởi bới, biểu tình. Khi đứng trước đám đông biểu tình đang hô đã đảo mình, Khánh cũng nắm tay vung lên trời hô lớn... đã đảo(!?)...

Biết mình không đảm nổi vai trò do Mỹ giao phó, Nguyễn Khánh dận trước với CIA: Nếu có đảo chính thì mở một đường cho Khánh đào tẩu.

Trước áp lực của quần chúng, ngày 27.8.1964, CIA yêu cầu Nguyễn Khánh phải hủy bỏ “hiến chương Vũng Tàu” và thành lập cái gọi là “Tam đầu chế” gồm Nguyễn Khánh, Dương Văn Minh và Trần Thiện Khiêm, đồng thời hứa thành lập chính phủ dân sự trong 60 ngày. Cái “hiến chương Vũng Tàu” tồn tại được 11 ngày.

Điên đầu với Nguyễn Khánh và các tướng lĩnh, CIA bắt đầu lục tìm dưới đám sỹ quan cấp tá vừa đeo lon tướng. Và họ tìm ra được một mớ: Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu... để nuôi dưỡng sẵn, chờ thời điểm thích hợp.

Nhờ ra lệnh cho thuộc hạ thả bom dinh Gia Long trong cuộc đảo chính 1.11.1963, Nguyễn Cao Kỳ được thăng 1 cấp và lên chức Tư lệnh không quân.

Riêng Nguyễn Văn Thiệu, tuy lừng khùng trong cuộc đảo chính Diệm nhưng cuối cùng cũng kéo sư đoàn 5 - quân chủ lực - tiến chiếm dinh Gia Long nên cũng được thăng cấp.

Ngày 8.9.1964, cái gọi là “thượng hội đồng quốc gia” được thành lập gồm 16 người.

Ngày 13.9.1964, chuẩn tướng Nguyễn Văn Thiệu cùng các tướng Dương Văn Đức, Lâm Văn Phát dẫn quân về Sài Gòn toan lật đổ Khánh “dê” nhưng CIA bật đèn xanh cho Nguyễn Cao Kỳ ngăn chặn.

Ngày 27.9.1964, cái “thượng hội đồng” này công bố Phan Khắc Sửu làm chủ tịch. Nhưng phải đến 2 tháng sau, cái “thượng hội đồng” này mới chịu đưa Phan Khắc Sửu lên làm quốc trưởng. Khánh “dê” bị Mỹ buộc nhường ghế thủ tướng cho Trần Văn Hương.

Một buổi sáng cuối tháng 12.1964, đại sứ Mỹ tại Sài Gòn mời Nguyễn Khánh, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ đến văn phòng để thuyết giảng và định hướng chiến lược chính trị miền Nam Việt Nam.

Mất chức quốc trưởng lẫn mất chức thủ tướng, Nguyễn Khánh giận lầy Mỹ không đến dự, đồng thời hăm dọa: Sẽ giải tán cái “hội đồng thượng quốc gia”. Nổi điên, đại sứ Mỹ đến tận Bộ Tổng tham mưu quân đội nói thẳng vào mặt Khánh rằng, Mỹ không ủng hộ Khánh nữa. Vẫn giận dỗi, Khánh dọa sẽ từ chức. Đáp lại, vị đại sứ Mỹ cho biết sẽ hoan nghênh hành động từ chức của Khánh.

Nhưng chờ mãi không thấy Khánh từ chức, sốt ruột, Mc. Namara - Bộ trưởng Quốc phòng và Mc. Cone - Tổng giám đốc CIA Mỹ bay sang Việt Nam tìm gặp Khánh răn đe tiếp. Khánh đe lại:

Sẽ tổ chức họp báo quốc tế tố cáo Mỹ khuynh đảo, can thiệp sâu vào nội bộ chính quyền Nam Việt Nam.

Thấy Mỹ im lặng, Khánh tướng Mỹ sợ nên tháng 1.1965, Khánh dùng quyền lực quân sự hù dọa và tước quyền Phan Khắc Sửu đồng thời đưa Phan Huy Quát lên làm thủ tướng. Nguyễn Văn Thiệu được giữ chức Bộ trưởng Quân lực kiêm Phó thủ tướng. Nguyễn Cao Kỳ được giao chức Bộ trưởng Thanh niên và Thể Thao kiêm... Tư lệnh không quân.

Thấy Khánh lỳ lợm, khó bảo, CIA cử người gặp và báo thẳng với Khánh, nếu không tự nguyện từ chức, một cuộc đảo chính của các tướng trẻ Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu sẽ diễn ra. Khi ấy Mỹ sẽ không bảo đảm được tính mạng cho Khánh. Họ không quên nhắc lại vụ đảo chính Ngô Đình Diệm vào ngày 1.11.1963. Khánh cho kiểm tra lại thì thấy quả nhiên Thiệu và Kỳ đang có biểu hiện chuyển quân. Xanh mặt, Khánh xin Mỹ cho ra đi trong vinh dự.

Lời răn đe mạnh mẽ này có hiệu lực ngay lập tức.

Ngày 24.2.1965, Khánh từ chức và được cử làm đại sứ đúng như lời hứa của Mỹ. Khánh sống lưu vong cho đến ngày chết già.

Tháng 6.1965, Mỹ lại cho quân đội lại giải tán cái chính phủ dân sự và thành lập “Hội đồng quốc gia” do Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch, tức “quốc trưởng”. Nguyễn Cao Kỳ được giao làm chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương, tức “thủ tướng”. Sau đó, Thiệu được Mỹ tổ chức làm tổng thống cái gọi là Việt Nam Cộng hòa đệ nhị. Một chính quyền miền Nam giống chính quyền Diệm nhưng không có Diệm ra đời. Binh lính mang quốc tịch Mỹ tại miền Nam Việt Nam tăng lên con số 50.000 người.

10 năm sau, Thiệu vừa khóc vừa chạy ra nước ngoài lu loa tố cáo “Mỹ phản bội đồng minh”.

Sau vụ đảo chính và thủ tiêu Diệm năm 1963, Tổng thống Pakistan Ayub Khan nói với giới báo chí rằng: Trở thành bạn của Mỹ là một hiểm họa. Muốn làm đồng minh của Mỹ hãy nhớ tới Ngô Đình Diệm.